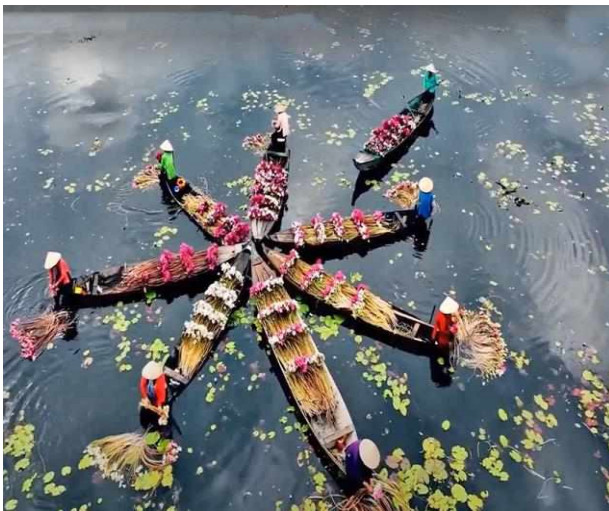


**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**  
**SỞ TÀI CHÍNH**



**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH**  
**THỜI KỲ 2021-20230, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**



**NĂM 2026**

**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH**  
**THỜI KỲ 2021-20230,**  
**TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	6
<b>I. BỐI CẢNH CHUNG TRIỂN KHAI QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050</b> .....	6
<b>II. MỤC TIÊU LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2021-20230, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050</b> .....	7
<b>PHẦN THỨ NHẤT</b> .....	8
<b>THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2021-2026</b> .....	8
<b>I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN, VỊ THẾ, VAI TRÒ CỦA TỈNH TRONG VÙNG ĐNB</b> .....	8
<b>1. Hiện trạng phát triển kinh tế giai đoạn 2021-2025</b> .....	8
<b>2. Đóng góp của tỉnh Tây Ninh đối với vùng Đông Nam Bộ trong một số lĩnh vực</b> .....	9
<b>3. Những tồn tại, hạn chế trong phát triển</b> .....	9
<b>II. TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC</b> .....	12
1. Các điểm mạnh .....	12
2. Các điểm yếu.....	13
3. Các cơ hội .....	15
4. Các thách thức.....	16
<b>QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050</b> .....	18
<b>I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH</b> .....	18
<b>1. Các quan điểm phát triển</b> .....	18
<b>2. Các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh</b> .....	19
2.1. Xây dựng kịch bản .....	20
2.1.1. Kịch bản 1: Rất Cao CNH – Rất Cao CĐX (Bút phá kép) .....	21
2.1.2. Kịch bản 2: Cao CNH – Cao CĐX.....	21
2.1.3. Kịch bản 3: Trung bình CNH - Trung bình CĐX.....	22
2.1.4. So sánh các kịch bản .....	22
2.2. Khuyến nghị chính sách.....	23

<b>3. Mục tiêu phát triển tỉnh</b> .....	25
3.1. Mục tiêu tổng quát .....	25
3.2. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 .....	25
<b>4. Tầm nhìn đến năm 2050</b> .....	26
<b>5. Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá của tỉnh</b> .....	27
5.1. Các nhiệm vụ trọng tâm.....	27
5.2. Các khâu đột phá.....	30
<b>II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</b> .....	34
<b>1. Lựa chọn ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Tây Ninh</b> .....	34
<b>2. Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển ngành quan trọng của tỉnh.</b>	36
<i>2.1. Định hướng tổ chức không gian phát triển ngành công nghiệp</i> .....	36
2.2. Định hướng tổ chức không gian phát triển các ngành dịch vụ .....	38
2.3. Định hướng tổ chức không gian phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản .....	42
<b>3. Đề xuất phân vùng KT-XH, phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động KT-XH của tỉnh</b> .....	44
<b>4. Phương án phát triển hệ thống đô thị</b> .....	44
<b>5. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn</b> .....	45
<b>6. Phương án phát triển các khu chức năng</b> .....	47
6.1. Khu kinh tế.....	47
6.2. Khu công nghiệp .....	49
6.3. Cụm công nghiệp .....	50
6.4. Khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung.....	50
6.5. Khu du lịch.....	50
6.6.....	50
. Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và ứng dụng công nghệ cao .....	50
6.7. Xác định khu quân sự, an ninh .....	51
<b>6. Phát triển các lĩnh vực xã hội</b> .....	51
6.1. Lĩnh vực y tế .....	51
6.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo .....	52
6.3. Văn hoá và thể dục thể thao.....	55
6.4. Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo .....	57

6.5. Giám nghèo .....	60
6.6. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại .....	60
6.7. Kho dự trữ .....	60
<b>7. Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật, môi trường .....</b>	<b>60</b>
7.1. Hạ tầng giao thông .....	60
7.2. Hạ tầng cấp điện .....	61
7.3. Hạ tầng Thông tin và Truyền thông .....	62
7.4. Hạ tầng thủy lợi .....	62
7.5. Hạ tầng cấp nước .....	64
7.6. Hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải .....	65
7.7. Hạ tầng môi trường .....	66
7.8. Hạ tầng phòng cháy chữa cháy .....	68
8. Phương án phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản.....	70
9. Phương án phân bổ đất đai .....	71
<b>III. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH .....</b>	<b>75</b>
1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư .....	75
2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực .....	76
3. Giải pháp về môi trường, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo .....	76
4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển .....	76
5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn .....	77
6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch .....	77

## PHẦN MỞ ĐẦU

### I. BỐI CẢNH CHUNG TRIỂN KHAI QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023. Tính từ thời điểm phê duyệt, cả 2 Quy hoạch tỉnh đã triển khai thực hiện được khoảng 2 năm; tính theo thời kỳ quy hoạch, đã cơ bản kết thúc 5 năm giai đoạn đầu (2021 - 2025). Trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh, bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thay đổi, xuất hiện nhiều yếu tố mới tác động, ảnh hưởng đến tỉnh, cụ thể:

- Về sắp xếp đơn vị hành chính trên cả nước và đối với tỉnh Tây Ninh.

- Kể từ sau thời điểm phê duyệt, nhiều định hướng ở quy hoạch cấp cao hơn, nhất là định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, làm ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức không gian phát triển, liên kết các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Trung ương ban hành nhiều chủ trương, chính sách mới, yêu cầu, đòi hỏi cao hơn, như: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII cơ bản thông qua mục tiêu phát triển đến năm 2030, phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD. Trong khi đó, Quy hoạch tỉnh Long An hiện đặt mục tiêu tăng trưởng 9%/năm và quy hoạch tỉnh Tây Ninh (trước hợp nhất) đề ra mục tiêu khoảng 9,5%/năm trong thời kỳ 2021 - 2030, chưa đáp ứng yêu cầu của Trung ương. Mục tiêu phấn đấu tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026-2030 của Tây Ninh để bảo đảm tăng trưởng 2 con số của cả nước (đã báo cáo trước Ban Chấp hành Trung ương và được ghi tại dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV) là 10,0-10,5%. Đứng trước bối cảnh mới, cần phải điều chỉnh quan điểm, mục tiêu, định hướng và tổ chức không gian phát triển của tỉnh Tây Ninh (mới) để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng 2 con số, có đóng góp hiệu quả hơn nhằm chuẩn bị cho nước ta bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Với các nội dung nêu trên, đòi hỏi Tây Ninh cần phải rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy hoạch tỉnh trước đây, nghiên cứu, đề xuất phương án điều chỉnh nhiều nội dung của Quy hoạch tỉnh, để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với bối cảnh mới, tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Do đó, cần thiết phải xây dựng hồ sơ nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tây Ninh.

## **II. MỤC TIÊU LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2021-20230, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-20230, tầm nhìn đến năm 2050 hướng đến các mục tiêu sau:

- Hiện thực hóa các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Tạo đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng - an ninh và duy trì tốc độ tăng trưởng cao, ổn định; nâng cao vai trò, vị thế của tỉnh Tây Ninh trong vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

- Kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, xung đột, chòng chéo trong quy hoạch, xử lý những vướng mắc về cơ chế, chính sách và không gian phát triển, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, mở rộng dư địa phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Đề xuất phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn phù hợp với tình hình, điều kiện mới; các phương án tổ chức, phát triển hoạt động kinh tế - xã hội có hiệu quả về: phương án tổ chức không gian chung, hệ thống kết cấu hạ tầng, hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng có vai trò động lực; phương án tổ chức phát triển mạng lưới và không gian cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu...

- Đưa ra được các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp (về cơ chế, chính sách, huy động và sử dụng các nguồn lực phát triển tỉnh...) bảo đảm tính khả thi, công khai minh bạch, công bằng và hiệu quả trong huy động, tiếp cận cũng như phát huy tối đa các nguồn lực trong hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội - môi trường.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch tỉnh với chất lượng cao; bảo đảm quy hoạch trở thành công cụ quản lý nhà nước hiệu quả, phục vụ hoạch định chính sách và chỉ đạo phát triển toàn diện, thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Điều chỉnh hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) quy hoạch thống nhất trong tỉnh đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển của tỉnh, vùng và quốc gia.

# PHẦN THỨ NHẤT

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2021-2026

Tỉnh Tây Ninh là một trong 3 tỉnh của vùng Đông Nam Bộ. Diện tích tự nhiên là 8.536,44 km<sup>2</sup>, quy mô dân số khoảng 3,2 triệu dân, với 96 đơn vị hành chính xã, phường (82 xã, 14 phường). Tây Ninh là tỉnh có quy mô lớn, xếp hạng 18/34 cả nước về diện tích và dân số.

Tỉnh Tây Ninh giáp Vương quốc Campuchia (03 tỉnh Svay Rieng, Prey Veng và Tbong Khmum) thông qua tuyến đường biên giới dài khoảng 369 km, gồm 330 km đường tuần tra biên giới, 21 cửa khẩu (gồm 4 cửa khẩu quốc tế, 4 cửa khẩu chính và 13 cửa khẩu phụ). Có thể nói, Tây Ninh là mắt xích quan trọng trong bảo đảm quốc phòng an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội cho vùng và cả nước.

Tây Ninh giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong không gian phát triển phía Nam khi là địa phương duy nhất của vùng Đông Nam Bộ có đường ranh giới trực tiếp với vùng Đồng bằng sông Cửu Long (tiếp giáp với tỉnh Đồng Tháp mới). Nhờ đó, **Tây Ninh trở thành cầu nối chiến lược giữa 2 vùng kinh tế lớn**: vùng Đông Nam Bộ là trung tâm công nghiệp, dịch vụ và logistics năng động của cả nước; vùng Đồng bằng sông Cửu Long là vựa nông nghiệp, thủy sản lớn nhất của cả nước. Với vị trí độc đáo này, Tây Ninh giữ vai trò then chốt trong liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, kết nối hạ tầng và bảo đảm quốc phòng - an ninh; đồng thời là điểm tựa quan trọng để hình thành các vùng động lực, các hành lang kinh tế liên vùng, đặc biệt trong phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics, thương mại biên giới, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao.

Tây Ninh có vị trí chiến lược, là cửa ngõ giao thương quốc tế, nằm trên trục Hành lang kinh tế xuyên Á, **kết nối Thành phố Hồ Chí Minh - PhnomPenh (Campuchia)** để thúc đẩy giao thương hàng hóa và dịch vụ với thị trường của một số nước trong khu vực Đông Nam Á (Campuchia, Thái Lan, Lào, Myanmar).

### I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN, VỊ THẾ, VAI TRÒ CỦA TỈNH TRONG VÙNG ĐNB

#### 1. Hiện trạng phát triển kinh tế giai đoạn 2021-2025

**Tăng trưởng kinh tế** giai đoạn 2021–2025: GRDP tăng bình quân 6,73%/năm, trong đó Long An (cũ) 6,55%, Tây Ninh (cũ) 7,01%.

- Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 8,2%/năm, riêng ngành công nghiệp tăng 8,5%/năm, tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt nền kinh tế;
- Khu vực dịch vụ tăng 5,2%/năm (nhờ vào tăng trưởng của dịch vụ vận tải, thương mại, logistics và tiêu dùng nội địa);
- Khu vực nông nghiệp tăng 3,5%, cao hơn giai đoạn trước.

Có thể thấy, tăng trưởng GRDP của tỉnh vẫn còn cách khá xa nếu so với kỳ vọng đạt mức hai con số, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát, kiến tạo các không

gian phát triển mới, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đột phá trong các giải pháp khơi thông các nguồn lực đất đai, hạ tầng, nhân lực và đổi mới sáng tạo; các giải pháp về nâng cao hiệu quả đầu tư công và tư.

**Quy mô GRDP** của tỉnh Tây Ninh đứng thứ 10/34 tỉnh, thành phố năm 2025 ước đạt gần 352.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 2,7% tổng GDP cả nước.

**Cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế:** Cơ cấu chuyên dịch phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khu vực nông, lâm, thủy sản có xu hướng giảm nhẹ từ 18,6% năm 2021 xuống 16,9% năm 2025. Ngược lại, khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục chiếm tỷ trọng cao và có xu hướng tăng nhẹ từ 47,8% năm 2021 lên 50,5% năm 2025. Điều này phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của các ngành chế biến, chế tạo, xây dựng cơ sở hạ tầng và các khu công nghiệp, đồng thời cho thấy Tây Ninh đang tận dụng hiệu quả lợi thế về vị trí địa lý, kết nối vùng và thu hút đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp bền vững.

## **2. Đóng góp của tỉnh Tây Ninh đối với vùng Đông Nam Bộ trong một số lĩnh vực**

**Về tăng trưởng kinh tế:** vẫn đóng góp ở mức khiêm tốn vào tăng trưởng chung của Vùng Đông Nam Bộ, song đã cho thấy sự cải thiện đáng ghi nhận về vai trò kinh tế trong giai đoạn gần đây. Giai đoạn 2021-2025, tăng trưởng của vùng đạt 5,0%, trong đó TP.HCM đóng góp 71%; Đồng Nai đóng góp 19%; trong khi Tây Ninh chỉ đóng góp 10%.

**Về quy mô kinh tế:** Tây Ninh từng bước cải thiện vị thế khi tỷ trọng GRDP vùng tăng đều từ 8,1% năm 2020 lên 8,8% năm 2025, phản ánh xu hướng mở rộng sản xuất và dịch chuyển công nghiệp. So với TP.HCM (74,2%) và Đồng Nai (17%), quy mô kinh tế Tây Ninh vẫn còn nhỏ, song xu hướng tăng liên tục cho thấy tỉnh đang trở thành một cực tăng trưởng mới, đóng góp vào phân bố lại không gian kinh tế và nâng cao tính bền vững của tăng trưởng vùng. Đây là những tín hiệu tích cực khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của Tây Ninh trong cơ cấu phát triển của Vùng Đông Nam Bộ.

**Về thu ngân sách nhà nước:** Tây Ninh có đóng góp ổn định nhưng còn khiêm tốn trong Vùng Đông Nam Bộ. Năm 2024, tổng thu ngân sách của vùng đạt hơn 950 nghìn tỷ đồng, trong đó Tây Ninh đóng góp khoảng 76 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 8% tổng thu toàn vùng.

## **3. Những tồn tại, hạn chế trong phát triển**

**Thứ nhất,** chưa khai thác hiệu quả các lợi thế về vị trí *địa kinh tế, địa chính trị*, đặc biệt là phát huy “hai kết nối”: giữa Đông – Tây Nam bộ; giữa Tp. HCM – Phnompenh (rộng hơn là Việt Nam – Campuchia). Giá trị từ “hai kết nối” quan trọng chưa được phát huy, trong khi khả năng kết nối, liên thông một cách liền mạch, thông suốt, nhất là tuyến đường bộ, còn nhiều hạn chế. Hệ thống giao thông kết nối còn yếu kém khiến *Tây Ninh*, mặc dù tiếp giáp khu vực kinh tế năng động của ĐNB, đặc biệt là trung tâm đô thị TP. HCM, vẫn rơi vào thế bị tách biệt ra vùng ngoại vi và ít được hưởng lợi từ sự lan tỏa các hoạt động công nghiệp, sản xuất kinh doanh cũng như khai thác thị trường tiêu dùng tại các thành phố lớn.

Khả năng kết nối giữa các đô thị và các điểm đầu mối về giao thông còn hạn chế, tốn nhiều thời gian; kết nối với các trung tâm động lực trong Vùng KTTĐ phía Nam còn hạn chế, có quy mô nhỏ, gần như chỉ có tuyến đường QL.22 đã xuống cấp và mất tải; kết nối qua sông Sài Gòn hiện chỉ có 02 điểm cầu; mạng lưới đường bộ địa phương chủ yếu là đường cấp III, IV. Điều này làm gia tăng chi phí logistics, kéo dài thời gian vận tải hàng hóa và làm giảm tính hấp dẫn của địa phương đối với các nhà đầu tư công nghiệp, dịch vụ logistics.

*Thứ hai*, môi trường kinh doanh và chất lượng hệ thống quản lý công còn hạn chế, chưa đủ hấp dẫn các làn sóng lan tỏa công nghiệp và các cơ hội phát triển năng động từ vùng TP. HCM đang gia tăng. Môi trường kinh doanh chưa thật sự hấp dẫn đối với doanh nghiệp, thể hiện qua các chỉ số quản trị hành chính công và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp; sản phẩm dịch vụ của tỉnh vẫn bị đánh giá là thiếu khả năng cạnh tranh. Ưu điểm về quy mô lao động trong một số ngành đặc thù chưa được phát huy, trong khi điểm nghẽn cốt lõi cần giải quyết là chất lượng dịch vụ công, đặc biệt là tính năng động, sáng tạo và quyết liệt của hệ thống hành chính phục vụ. Việc thu hút doanh nghiệp, phát triển các cụm ngành kinh tế phải đồng thời bảo đảm yêu cầu về quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường, làm cho tỉnh phải cân đối nguồn lực và thận trọng hơn trong chiến lược phát triển.

Hiện dư địa phát triển các KCN, trung tâm thương mại - dịch vụ - đô thị ở vùng Tp. Hồ Chí Minh hầu như không còn nhiều. Nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước rất cần một địa điểm ở quanh khu vực này. Tuy nhiên, họ vẫn phải tiếp tục lựa chọn khu vực ngoại thành Tp. Hồ Chí Minh, khu vực Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu cũ và Đồng Nai (chấp nhận chi phí cao) hơn lựa chọn Long An với lý do chính là thiếu hệ sinh thái sản xuất - dịch vụ, thiếu khả năng kết nối, liên thông một cách liền mạch, thông suốt. Bên cạnh đó là khả năng kết nối giữa đô thị của Tỉnh với các điểm đầu mối về giao thông còn hạn chế, tốn nhiều thời gian (như cửa khẩu quốc tế, cảng quốc tế).

*Thứ ba*, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, công nghiệp và nông nghiệp chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị. Nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong GRDP, trong khi nhiều ngành công nghiệp chủ yếu dựa trên gia công, sử dụng nhiều lao động và phụ thuộc vào khu vực FDI. Liên kết giữa ngành nông nghiệp và công nghiệp còn yếu, dù tỉnh có nhiều thế mạnh về quỹ đất nông nghiệp, chất lượng thổ nhưỡng, nhiều loại cây trồng giá trị cao. Công nghiệp chế biến gắn với nông nghiệp thế mạnh trên địa bàn chưa được phát triển tương xứng, công nghiệp phụ trợ và công nghiệp công nghệ cao phát triển chậm, các dịch vụ logistics, thương mại biên giới và dịch vụ giá trị gia tăng chưa tương xứng với lợi thế về vị trí, cửa khẩu và không gian kinh tế biên giới.

*Thứ tư*, chất lượng tăng trưởng và năng suất lao động còn thấp so với các cực tăng trưởng của vùng Đông Nam Bộ, một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu chưa đạt mục tiêu. Quy mô thu nhập và năng suất lao động thấp hơn đáng kể so với TP. HCM, Đồng Nai; một số chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng kinh tế, tái cơ cấu ngành, thu ngân sách, xây dựng nông thôn mới và chỉ số sản xuất công nghiệp chưa đạt yêu cầu. Điều này phản ánh chất lượng tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm

năng và vị thế của tỉnh, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt với các trung tâm phát triển trong vùng.

*Thứ năm*, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực khoa học - công nghệ còn hạn chế. Nguồn nhân lực vừa thiếu, vừa yếu cả về số lượng và chất lượng; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, có bằng cấp, chứng chỉ còn thấp; nhiều ngành công nghiệp và dịch vụ đòi hỏi kỹ năng cao chưa được đáp ứng kịp thời. Hệ thống đào tạo nghề, giáo dục đại học chưa gắn chặt với nhu cầu doanh nghiệp; doanh nghiệp địa phương phần lớn là nhỏ và vừa, năng lực đổi mới sáng tạo thấp, khó tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị. Các khu vực khó khăn ở vùng Đồng Tháp Mười, khu vực biên giới và các vùng xa trung tâm còn hạn chế về dịch vụ y tế, giáo dục, việc làm, dẫn đến chênh lệch phát triển nội tỉnh.

*Thứ sáu*, phát triển đô thị, hạ tầng xã hội và dịch vụ chưa theo kịp yêu cầu công nghiệp hóa - đô thị hóa. Chất lượng hệ thống đô thị còn khoảng cách so với các địa phương lân cận; ngay cả các đô thị trung tâm của tỉnh vẫn có mật độ phát triển, quy mô dịch vụ và sức hút còn hạn chế. Hạ tầng xã hội, nhất là nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, trường học, bệnh viện, công viên, điện - nước sinh hoạt và xử lý rác gần các khu công nghiệp chưa phát triển đồng bộ; đô thị hóa chưa gắn với hình thành các đô thị động lực quy mô lớn. Chất lượng sản phẩm dịch vụ, đặc biệt là du lịch, còn ở mức độ vừa phải dù tài nguyên du lịch dồi dào; số lượng khu du lịch, vui chơi, giải trí còn ít; quy mô doanh nghiệp nhỏ, chưa hình thành các cụm ngành hỗ trợ; hoạt động xúc tiến, quảng bá chưa hiệu quả, dẫn đến lượng khách quốc tế đến còn rất thấp.

*Thứ bảy*, quản lý, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập, trong khi sức ép từ biến đổi khí hậu, thiên tai và quá trình đô thị hóa ngày càng tăng. Việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, nước, môi trường và các danh lam thắng cảnh tiềm ẩn nguy cơ khó bền vững. Tỉnh đối mặt với các vấn đề môi trường như suy thoái chất lượng môi trường, thiếu hạ tầng xử lý chất thải rắn và nước thải, đặc biệt tại các khu - cụm công nghiệp; ô nhiễm sông, kênh, rạch và nguy cơ suy giảm nguồn nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Nhiều thách thức trong bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhất là dọc sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tài nguyên môi trường có hạn trong khi các ngành có tiềm năng phát triển cao như chăn nuôi, sản xuất điện, giao thông vận tải sông nước đều phụ thuộc nhiều vào đất và nước, dễ gặp rủi ro về nguồn lực phát triển trong tương lai nếu không có giải pháp quản lý chặt chẽ.

*Thứ tám*, phát triển giữa các tiểu vùng trong tỉnh chưa đồng đều, tạo ra nguy cơ trời sạt phát triển nội tỉnh nếu không có cơ chế điều tiết phù hợp. Vùng đô thị - công nghiệp phát triển nhanh, trong khi vùng biên giới và vùng Đồng Tháp Mười còn kém phát triển, hạ tầng kinh tế - xã hội và mức tiếp cận dịch vụ công còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn. Khoảng cách phát triển giữa các không gian này đặt ra yêu cầu cấp bách về hoàn thiện kết cấu hạ tầng, dịch vụ xã hội và cơ chế phân bổ nguồn lực để thu hẹp chênh lệch.

*Thứ chín*, điểm nhấn chiến lược về hạ tầng giao thông kết nối và chính sách phát triển hài hoà, vừa thúc đẩy tăng trưởng, vừa bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường vẫn chưa được tháo gỡ. Hệ thống giao thông kết nối yếu, chi phí logistics cao, thời gian vận chuyển dài, trong khi tình gánh vác đồng thời mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên và giữ vững an ninh biên giới. Áp lực thu hút vốn đầu tư ngày càng tăng giữa các địa phương, nếu không được định hướng chặt chẽ có thể dẫn đến nguy cơ tiếp nhận các dự án có công nghệ lạc hậu, nguy cơ ô nhiễm cao, gây thách thức lớn cho mục tiêu phát triển bền vững và cân bằng giữa kinh tế, môi trường, an ninh quốc phòng.

*Thứ mười*, quá trình hợp nhất và hình thành tỉnh Tây Ninh mới đặt ra thách thức lớn về quản trị, tổ chức bộ máy và thống nhất quy hoạch, cơ chế, chính sách. Việc đồng bộ hóa quy hoạch, dữ liệu dân cư, đất đai, doanh nghiệp và điều phối nguồn lực giữa các tiểu vùng, nếu không được xử lý hài hòa, có thể làm gia tăng khác biệt khu vực, khiến bộ máy mới rơi vào tình trạng chòng chẹo, trì trệ trong giai đoạn chuyển tiếp. Điều này đòi hỏi phải cải cách mạnh mẽ về hành chính, quản trị công, nâng cao chất lượng hệ thống quản lý công để khắc phục các điểm nhấn hiện hữu.

## **II. TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC**

### **1. Các điểm mạnh**

*Tăng trưởng kinh tế cao, quy mô mở rộng*: Giai đoạn 2011 - 2024 kinh tế của Tây Ninh tăng trưởng ấn tượng đạt 7,65%/năm cao hơn bình quân cả nước (6,66%) và vùng Đông Nam Bộ (5,66%) và vùng ĐBSCL (5,67%). Với tốc độ tăng trưởng cao của cả 02 địa phương trong nhiều năm, Long An trên thực tế đã là địa phương có kinh tế phát triển mạnh nhất vùng ĐBSCL, hơn cả trung tâm vùng là Cần Thơ. Trong khi đó Tây Ninh, cũng đã vượt qua Bình Phước, đứng thứ 5 vùng Đông Nam Bộ (trước đây). Sự kết hợp hai địa phương giúp Tây Ninh có nền kinh tế mở rộng đáng kể, nằm trong top 10 địa phương dẫn đầu cả nước về quy mô GRDP (khoảng 13 tỷ USD vào năm 2024).

*Cơ cấu kinh tế công nghiệp hóa rõ nét*: Tỉnh Tây Ninh đã chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp và dịch vụ. Đặc biệt ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của địa phương tăng tới gần 12,49%/năm trong giai đoạn này vượt trội so với vùng ĐNB (7,56%) vùng ĐBSCL (8,00%) và cả nước (9,7%). Tỷ trọng<sup>1</sup> của ngành này trong giá trị tăng thêm VA trong gần 15 năm qua đã tăng thêm tới 21,1%, từ 23,7% năm 2010 lên đến 44,8% vào năm 2024, riêng trong giai đoạn 2021-2024 tăng thêm 2,2%. Điều đó cho thấy, Tây Ninh là một địa điểm hấp dẫn đối với phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan đến công nghiệp, đúng theo định hướng phát triển của cả Long An và Tây Ninh (trước hợp nhất). Tỷ trọng nông nghiệp trong giá trị tăng thêm giảm đáng kể: từ 34,3% năm 2010 xuống còn 18,3% năm 2024) nhường chỗ cho công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Nhờ đó Tây Ninh có cơ cấu kinh tế tương đối hiện đại so với bình quân cả nước với công nghiệp và

---

<sup>1</sup> Tỷ trọng của các ngành trong VA không phải GRDP nhằm loại bỏ thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm để bảo đảm tính chính xác khi phân tích, đánh giá sự phát triển của các ngành.

dịch vụ năm 2024 cộng lại khoảng 81,7% GRDP. Nền tảng công nghiệp vững (đặc biệt từ Long An với nhiều khu công nghiệp) là lợi thế lớn để tỉnh mới thu hút đầu tư sản xuất logistics.

*Môi trường đầu tư và quản trị địa phương tích cực:* Tây Ninh nằm trong nhóm 10 địa phương có chỉ số PCI cao nhất cả nước (tính theo danh sách 34 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương). Chính quyền địa phương được đánh giá năng động cầu thị trong thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng KCN, cải cách thủ tục hành chính, chú trọng xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và cải thiện môi trường kinh doanh. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp (Long An khoảng 1,2%, Tây Ninh khoảng 0,5% năm 2024) và thu nhập bình quân đầu người ở mức khá, gần xấp xỉ mức bình quân của cả nước và hơn tất cả các địa phương vùng ĐBSCL hiện nay. Đây là nền tảng tốt để tỉnh mới tiếp tục thu hút doanh nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng trong giai đoạn tới.

*Vị trí địa lý thuận lợi hạ tầng kết nối vùng:* Tây Ninh có vị trí chiến lược khi nằm giữa vùng kinh tế Đông Nam Bộ năng động và vựa lúa ĐBSCL đồng thời có cửa khẩu quốc tế Mộc Bài Xa Mát Bình Hiệp thông thương sang Campuchia; có hệ thống sông Vàm Cỏ chảy ra biển Đông với cảng quốc tế Long An phục vụ vận tải đường thủy. Tỉnh tiếp giáp TP. Hồ Chí Minh - đô thị lớn nhất cả nước - tạo thuận lợi kết nối thị trường và cơ sở hạ tầng. Hiện tại hệ thống Quốc lộ 22, 22B, 1A cùng đường thủy nội địa giúp Tây Ninh giao thương liên vùng khá thuận tiện; nhiều khu vực phía Nam (địa bàn Long An) đã phát triển logistics để kết nối hàng hóa vùng Tây Nam Bộ với cảng biển Cát Lái và TP.HCM. Đây là lợi thế nền tảng để Tây Ninh đóng vai trò trung chuyển và giao thương liên vùng.

*Nguồn lực kinh tế đa dạng bổ trợ:* Sự hợp nhất tạo ra một nền kinh tế đa ngành với thế mạnh bổ sung bởi Long An (trước hợp nhất) nổi bật về công nghiệp chế biến chế tạo và logistics (thu hút nhiều dự án FDI có các trung tâm logistics gần TP.HCM) trong khi Tây Ninh (trước hợp nhất) có tiềm năng lớn về nông nghiệp công nghệ cao du lịch sinh thái - văn hóa (với điểm nhấn như Núi Bà Đen) và năng lượng tái tạo (các dự án điện mặt trời điện gió). Nhờ đó Tây Ninh có thể phát triển cân bằng nhiều lĩnh vực giảm phụ thuộc vào một ngành đơn lẻ. Cơ cấu ngành đa dạng cũng tạo khả năng chống chịu tốt hơn trước biến động thị trường đồng thời tận dụng được cơ hội từ nhiều hướng (phát triển du lịch biên giới nông nghiệp sạch gắn công nghiệp chế biến...).

## **2. Các điểm yếu**

*Quy mô kinh tế và thu nhập chưa cao so với các cực tăng trưởng trong Vùng:* Mặc dù có tiến bộ, song tỉnh Tây Ninh vẫn kém nổi trội nếu so sánh với các địa phương của vùng Đông Nam Bộ và các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, nhất là các chỉ tiêu bình quân đầu người. GRDP bình quân đầu người của Tây Ninh ở mức thấp hơn bình quân vùng ĐNB. Năm 2024 GRDP/người của Tây Ninh chỉ bằng 61% vùng ĐNB. Điều này cho thấy trình độ phát triển của tỉnh vẫn dưới mức các cực tăng trưởng lân cận, có nguy cơ tụt hậu nếu không bứt phá nhanh. Cơ hội việc làm thu nhập cao còn hạn chế khiến một bộ phận lao động trẻ có xu hướng di cư về TP.HCM và Đồng Nai làm chậm quá trình tăng dân số và chất

lượng nhân lực tại địa phương.

*Cơ cấu kinh tế vẫn còn một khoảng cách khá xa so với mục tiêu quy hoạch và ngành dịch vụ phát triển chưa tương xứng:* nếu xét theo tỷ trọng trong GRDP, khu vực nông - lâm - thủy sản chiếm gần 17,4% GRDP, tỷ trọng này tuy đã giảm khá nhanh theo thời gian nhưng vẫn còn khá lớn, cao hơn nhiều so với mục tiêu quy hoạch đến năm 2030 của Long An (7,5%) và Tây Ninh (11,0%). Năng suất lao động nông nghiệp thấp, kéo giảm thu nhập bình quân. Trong khi đó dịch vụ chỉ chiếm 28% GRDP - mức còn thấp so với tiềm năng. Nhiều ngành dịch vụ giá trị cao (logistics, tài chính, khoa học công nghệ, giáo dục, y tế...) chưa phát triển mạnh tại địa phương mà phụ thuộc vào TP.HCM. Cơ cấu kinh tế chuyên dịch chưa đạt mục tiêu đề ra cho thấy chất lượng tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu còn những hạn chế nhất định.

*Hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực:* Tây Ninh đối mặt với tình trạng thiếu lao động kỹ thuật cao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chỉ 18,4% thấp nhất vùng Đông Nam Bộ, nhỉnh hơn bình quân vùng ĐBSCL và thua 10 điểm % so với bình quân của cả nước (28,4%). Nguồn nhân lực công - nông nghiệp dồi dào nhưng tay nghề hạn chế thiếu kỹ năng hiện đại khó đáp ứng yêu cầu công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ chất lượng. Giai đoạn 2010 -2024, lực lượng lao động tăng rất chậm (chỉ thêm khoảng 251.000 lao động trong 14 năm và năm 2024 giảm 10 nghìn lao động so với năm 2020), nguyên nhân do già hóa dân số, di cư thuần âm và tác động của đại dịch Covid- 19. Điều này khiến tỉnh đứng trước nguy cơ thiếu hụt lao động trong tương lai nếu không thu hút và đào tạo kịp thời. Chất lượng giáo dục nghề nghiệp, nhất là các trình độ ngoại ngữ - tin học của lao động địa phương còn yếu so với yêu cầu hội nhập. Điều này cũng lý giải phần nào cho năng suất lao động của tỉnh thấp hơn bình quân của vùng ĐNB (chỉ bằng 58%).

*Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ kết nối liên tỉnh còn yếu:* Mặc dù giáp TP.HCM, hạ tầng giao thông huyết mạch kết nối Tây Ninh với vùng ĐNB vẫn chưa hoàn thiện. Đường cao tốc TP.HCM - Mộc Bài vẫn chưa hoàn thành; chưa có các tuyến cao tốc kết nối nội tỉnh, chủ yếu dựa vào QL 1, QL N2, QL 62... vốn đã quá tải. Hệ thống đường tỉnh, đường liên huyện ở một số khu vực nông thôn biên giới nhỏ hẹp, chất lượng kém gây cản trở lưu thông hàng hóa từ vùng sản xuất đến cửa khẩu và cảng. Hạ tầng logistics như trung tâm kho vận cảng cạn ICD trong tỉnh thiếu vắng các doanh nghiệp, phải phụ thuộc nhiều vào cơ sở logistics ở TP.HCM. Bên cạnh đó, hạ tầng đô thị và dịch vụ công ở nhiều nơi còn lạc hậu, chưa đáp ứng nhu cầu dân số đô thị đang tăng nhanh. Đây là trở lực cho phát triển công nghiệp - dịch vụ quy mô lớn và thu hút đầu tư ngoài hàng rào KCN.

*Phát triển không đồng đều, liên kết nội tỉnh yếu:* Sự khác biệt về điều kiện kinh tế - xã hội giữa các vùng trong tỉnh mới khá rõ. Khu vực phía Đông Nam (giáp TP.HCM - gồm Đức Hòa, Bến Lức và Trảng Bàng) phát triển sôi động với nhiều KCN đô thị hóa nhanh trong khi các khu vực phía Bắc giáp biên giới (Tân Châu, Tân Biên) hoặc khu vực Đồng Tháp Mười (Đức Huệ, Thạnh Hóa) còn kém phát triển, thu nhập người dân còn thấp. Việc hợp nhất hai tỉnh đặt ra thách thức về thống nhất quy hoạch và phân bổ nguồn lực: Long An có lợi thế gần đô thị

trung tâm nên thu hút đầu tư mạnh hơn, trong khi Tây Ninh (trước hợp nhất) vốn ít lợi thế hơn, có nguy cơ bị lép vế. Nếu không có chiến lược điều phối hợp lý, mất cân bằng nội vùng có thể gia tăng, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững và công bằng của Tỉnh.

Bên cạnh trình độ lao động tay nghề thấp, những ngành, lĩnh vực phát triển trên địa bàn tỉnh cũng chủ yếu là những ngành công nghệ chưa cao. Cộng thêm quá trình chuyển đổi số cũng chưa thực hiệu quả, đóng góp của kinh tế số vào GRDP của tỉnh thuộc nhóm thấp cả nước, cho thấy sự khó khăn của địa phương trong quá trình nâng hạng công nghệ cho các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và chuyển đổi số hiện tại và cả thời gian tới.

*Sự xáo trộn không nhỏ khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và hợp nhất tỉnh:* khoảng cách giữa 2 đô thị trung tâm từng là tỉnh lỵ trước đây (TP. Tây Ninh và Tp. Tân An) là khá xa, lên tới 120 km, trong khi giao thông kết nối bằng đường tỉnh hiện hữu rất khó khăn, tiêu tốn hơn 3 giờ đi lại (trong trường hợp không tắc đường), đã gây ra sự xáo trộn không nhỏ cho các cán bộ địa phương.

### **3. Các cơ hội**

*Đầu tư hạ tầng chiến lược và liên kết vùng:* Giai đoạn 2026 - 2030 nhiều dự án hạ tầng trọng điểm sẽ được triển khai, mở ra cơ hội bứt phá cho Tỉnh. Đặc biệt, dự án cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài dự kiến hoàn thành trước 2030 sẽ rút ngắn thời gian đi từ trung tâm kinh tế quốc gia đến cửa khẩu Mộc Bài, giúp tăng thương mại biên giới và thu hút công nghiệp logistics dọc tuyến. Bên cạnh đó, Vành đai 3 TP.HCM (đi qua Đức Hòa) và cao tốc Bến Lức - Long Thành kết nối với sân bay Long Thành sẽ được đẩy nhanh, tăng cường kết nối Đông - Tây. Trên địa bàn tỉnh, cũng quy hoạch mở rộng cảng quốc tế Long An và hệ thống logistics đường thủy trên sông Vàm Cỏ, tạo thêm cửa ngõ xuất nhập khẩu cho vùng. Nhờ các dự án này, nút thắt hạ tầng của tỉnh dần được tháo gỡ, chi phí vận tải giảm, thuận lợi thu hút dòng vốn đầu tư mới vào công nghiệp và thương mại.

*Định hướng chính sách và liên kết vùng thuận lợi:* Chính phủ đang ưu tiên phát triển Vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long với các nghị quyết và quy hoạch tổng thể đến 2030. Tây Ninh nằm ở giao điểm 2 vùng nên có thể hưởng lợi từ cả 2 chương trình. Nghị quyết 24-NQ/TW (2022) của Bộ Chính trị về phát triển Đông Nam Bộ và Quyết định số 287/QĐ-TTg (2022) phê duyệt Quy hoạch vùng ĐBSCL đều nhấn mạnh thúc đẩy kết nối hạ tầng liên vùng phát triển đô thị chuyên đổi số và kinh tế xanh. Sự quan tâm này tiếp tục được thể hiện trong các Điều chỉnh quy hoạch vùng (mới) của cả nước. Tỉnh Tây Ninh với vị thế cửa ngõ ĐNB - ĐBSCL sẽ dễ dàng tiếp cận các nguồn lực đầu tư công cho các dự án hạ tầng kết nối cả đường bộ, đường thủy, đường sắt và các cơ chế, chính sách đặc thù của Trung ương dành cho vùng trọng điểm. Bên cạnh đó, việc sắp xếp lại đơn vị hành chính tinh gọn cũng phù hợp chủ trương chung giúp Tây Ninh có thêm cơ hội nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Chính phủ trong quá trình thí điểm mô hình quản trị tỉnh.

*Đồng bộ từ hợp nhất - hình thành cực tăng trưởng mới:* Việc hợp nhất tạo ra cơ hội lớn để tái tổ chức không gian phát triển của tỉnh theo hướng hiệu quả hơn.

Tây Ninh có điều kiện quy hoạch lại các khu chức năng kinh tế trên phạm vi rộng: hình thành hành lang công nghiệp - đô thị dọc tuyến TP.HCM - Mộc Bài, TP.HCM - Tân An, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng cao tại Đồng Tháp Mười kết hợp du lịch sinh thái, xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu hiện đại tại Mộc Bài và Bình Hiệp... Sự kết hợp thể mạnh giúp tỉnh mới thu hút các dự án quy mô lớn mà trước đây từng tỉnh khó thực hiện (ví dụ: các khu công nghiệp công nghệ cao đòi hỏi quỹ đất lớn lẫn nguồn nhân lực mà địa bàn Long An, Tây Ninh có thể phối hợp đáp ứng). Mô hình tỉnh hợp nhất cũng giảm bớt trùng lặp hành chính, tiết kiệm nguồn lực để tập trung đầu tư trọng điểm. Nếu tận dụng tốt cơ hội này Tây Ninh có thể nổi lên như một cực tăng trưởng mới của phía Nam, đóng vai trò bổ trợ nhưng không kém phần quan trọng bên cạnh TP.HCM và Đồng Nai.

*Chuyển đổi mô hình tăng trưởng hướng tới kinh tế xanh và số:* Tây Ninh đứng trước cơ hội đột phá về chất lượng tăng trưởng, có điều kiện phát triển các ngành công nghiệp chế tác thông minh, thân thiện môi trường trên nền tảng khu công nghiệp sẵn có; mở rộng quy mô năng lượng tái tạo; thúc đẩy nông nghiệp công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị chế biến sâu hướng tới xuất khẩu; thúc đẩy chuyển đổi số, chính quyền điện tử, tăng cường ứng dụng số hóa trong quản lý và sản xuất, nâng tỷ trọng kinh tế số. Việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng được hỗ trợ bởi nguồn nhân lực trẻ từ TP.HCM lân cận và xu thế chung của quốc gia là thời cơ để Tây Ninh bắt kịp trình độ phát triển của các tỉnh tiên tiến trong vùng.

*Mở rộng thị trường và hợp tác quốc tế:* Với vị trí cửa khẩu quan trọng, Tây Ninh có cơ hội lớn để đẩy mạnh kinh tế biên mậu và hợp tác khu vực. Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và mối quan hệ Việt Nam - Campuchia ngày càng gắn kết, tạo thuận lợi cho tỉnh phát triển các trung tâm giao thương biên giới, kho ngoại quan, trung tâm/chợ đầu mối nông sản xuất khẩu sang Campuchia cũng như Thái Lan. Bên cạnh đó, tỉnh mới có thể khai thác lợi thế giáp vùng TP.HCM mở rộng, hợp tác trong phân công sản xuất (thu hút doanh nghiệp vệ tinh gia công); liên kết phát triển du lịch liên vùng (tour từ TP.HCM - Tây Ninh - Mekong; du lịch tâm linh Núi Bà Đen kết hợp sông nước Đồng Tháp Mười). Các mối liên kết này sẽ giúp Tây Ninh mở rộng thị trường tiêu thụ thu hút dòng khách du lịch và nhà đầu tư quốc tế tạo thêm động lực tăng trưởng trong tương lai gần.

#### **4. Các thách thức**

*Cạnh tranh gay gắt từ các cực phát triển lân cận:* Tây Ninh tiếp tục đối mặt với các áp lực cạnh tranh mạnh mẽ trong thu hút đầu tư, nhân lực chất lượng cao trước TP. Hồ Chí Minh mới (hợp nhất TP.HCM, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu) và Đồng Nai mới (hợp nhất Đồng Nai, Bình Phước). So với các siêu tỉnh/thành này, Tây Ninh có quy mô dân số và kinh tế nhỏ hơn (gần 3 triệu dân so với hơn 13,6 triệu dân của TP.HCM mới; GRDP cũng thấp hơn nhiều). Các tỉnh bạn có lợi thế vượt trội về tài chính, hạ tầng hiện đại và thương hiệu trên trường quốc tế, thu hút hầu hết các dự án FDI quy mô lớn. Nếu Tây Ninh không có chính sách đột phá nguy cơ bị lu mờ và tụt lại trong vùng kinh tế trọng điểm là hiện hữu.

*Thách thức trong quản trị hòa nhập và hội nhập quốc tế sau hợp nhất:* Quá trình hợp nhất hai tỉnh đặt ra nhiều vấn đề về tổ chức bộ máy, cơ chế, chính sách.

Nếu quản trị không tốt khác biệt, có thể nảy sinh ảnh hưởng đến sự đồng thuận phát triển chung. Bên cạnh đó, tỉnh mới có diện tích lớn và địa bàn trải rộng, việc quản lý an ninh trật tự kiểm soát biên giới trở nên phức tạp hơn. Địa bàn biên giới Tây Nam rộng (gồm cả đường mòn, lối mở dài ở Tây Ninh lẫn Long An) tiềm ẩn nguy cơ gia tăng buôn lậu, tội phạm xuyên biên giới, đòi hỏi nguồn lực và phối hợp cao giữa các lực lượng chức năng. Thách thức đặt ra là làm sao vừa tinh gọn bộ máy, vừa bảo đảm hiệu lực quản lý và giữ vững ổn định xã hội trong giai đoạn chuyển tiếp.

*Biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai:* Khu vực phía Nam của tỉnh thuộc vùng Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên mở rộng hàng năm chịu ngập lụt mùa mưa và có nguy cơ xâm nhập mặn vào mùa khô. Biến đổi khí hậu có thể làm cho tình trạng ngập úng nghiêm trọng hơn và nước mặn xâm nhập sâu hơn vào hệ thống sông Vàm Cỏ đe dọa sản xuất nông nghiệp và an ninh nguồn nước. Trong khi đó khu vực phía Bắc đối diện nguy cơ hạn hán và thiếu nước tưới vào mùa khô ảnh hưởng tới cây trồng và thủy lợi. Hiện tượng thời tiết cực đoan gia tăng (mưa lớn cục bộ gây lũ quét, giông lốc) có thể gây thiệt hại hạ tầng và đời sống dân sinh. Nếu không có biện pháp thích ứng và quy hoạch phát triển bền vững sẽ phải trả giá về tăng trưởng do chi phí khắc phục thiên tai, suy giảm sản lượng nông nghiệp và hư hại cơ sở hạ tầng. Đây là thách thức lâu dài, đòi hỏi tỉnh phải đầu tư đáng kể cho công tác phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

*Áp lực chuyển đổi mô hình và nâng cao giá trị:* Xu hướng hội nhập và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đặt Tây Ninh trước yêu cầu phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhanh chóng. Nếu vẫn dựa vào lao động giá rẻ, gia công lắp ráp và nông nghiệp thâm dụng tài nguyên như các giai đoạn trước, tỉnh sẽ khó cạnh tranh và dễ rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Tuy nhiên, việc chuyển đổi không dễ dàng do hạn chế nội tại: nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, doanh nghiệp địa phương phần lớn vừa và nhỏ, với công nghệ lạc hậu, năng lực đổi mới sáng tạo thấp. Trong khi đó, các đô thị trung tâm (TP.HCM, Bình Dương) đang vươn lên mạnh về công nghệ kinh tế số... tạo ra khoảng cách ngày càng lớn. Thách thức cho Tây Ninh là phải vừa chạy vừa vượt: vừa duy trì tăng trưởng ngắn hạn, vừa đầu tư cho đổi mới dài hạn. Nếu không sẽ đối mặt nguy cơ bị mắc kẹt ở nấc thang thấp trong chuỗi giá trị, phụ thuộc vào thị trường ngoài về công nghệ và đầu ra sản phẩm.

*Đánh giá chung,* tổng hợp các phân tích, đánh giá, cho thấy tỉnh Tây Ninh hội tụ nhiều tiềm năng phát triển nhờ quy mô mở rộng, vị trí chiến lược và nền tảng kinh tế hỗ trợ, song cũng đối mặt không ít điểm yếu nội tại và thách thức từ môi trường bên ngoài. Để tỉnh mới phát huy tối đa lợi thế hợp nhất và vươn lên thành cực tăng trưởng quan trọng ở phía Nam cần có một chiến lược phát triển toàn diện, đồng bộ, hướng đến hình ảnh một tỉnh biên giới giàu mạnh, văn minh, an toàn. Nơi đây sẽ không còn là “vùng đệm” nghèo khó, mà trở thành đầu mối giao thương quốc tế, trung tâm công nghiệp - dịch vụ xanh của cả khu vực. Quy hoạch phát triển cần phù hợp với xu thế chung khi Việt Nam đang tạo dựng các cực tăng trưởng mới, đồng thời đảm bảo an ninh biên giới gắn với phát triển. Nếu thành công, Tây Ninh sẽ là tỉnh biên giới hình mẫu trong tương lai.

## PHẦN THỨ HAI

### QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

#### I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

##### 1. Các quan điểm phát triển

- Phát triển tỉnh Tây Ninh phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các chiến lược quốc gia, các quy hoạch cấp quốc gia, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, quy hoạch vùng Đông Nam Bộ và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ I. Chủ động nắm bắt các cơ hội, phát huy tối đa tiềm năng khác biệt và lợi thế nổi trội của tỉnh để phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

- Kiên định quan điểm lấy con người làm trung tâm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Tây Ninh làm mục tiêu cao nhất; phát huy tối đa nhân tố con người, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút, trọng dụng nhân tài. Xây dựng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là sức mạnh nội sinh quan trọng. Chủ động nắm bắt thời cơ của Cách mạng công nghiệp 4.0; tích cực tham gia chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực, phương thức phát triển mới; xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính. Xây dựng chính quyền kiến tạo, liêm chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh để huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội, khẳng định rõ vai trò kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế của tỉnh.

- Tăng cường liên kết Tây Ninh với các vùng và quốc gia, tích cực khai thác hiệu quả lợi thế liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long, vị thế cửa ngõ giao thương quốc tế với Campuchia, tiểu vùng sông Mê Kông và khu vực Đông Nam Á. Không gian phát triển được tổ chức hiệu quả, thống nhất, gắn liền với sự hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp; chú trọng khai thác không gian mới do hợp nhất tỉnh; quản lý, khai thác hiệu quả không gian số. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm theo các trục động lực, hành lang kinh tế, hình thành các cực tăng trưởng, tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy kinh tế tỉnh phát triển nhanh, bền vững; từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển của các địa bàn khó khăn.

- Bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các loại tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng và khoáng sản; đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an

ninh, chú trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh biên giới, chủ động phòng ngừa và xử lý hiệu quả từ sớm, từ xa các vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, an ninh mạng, an ninh dữ liệu. Phát huy sức mạnh của Nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thế trận lòng dân, xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hợp tác đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị và phát triển.

## 2. Các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh

Theo mục tiêu phấn đấu tại quy hoạch tỉnh Long An (được phê duyệt tại Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023) và quy hoạch tỉnh Tây Ninh (được phê duyệt tại Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023), tăng trưởng của Long An bình quân thời kỳ 2021 - 2030 là 9%/năm và Tây Ninh (trước hợp nhất) là 9,5%/năm; tính chung cho tỉnh Tây Ninh (sau hợp nhất), tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh bình quân cả thời kỳ trên trong khoảng 8,9 - 9,2%/năm. Thực tiễn, giai đoạn 2021 - 2025, tăng trưởng GRDP của tỉnh Tây Ninh đạt khoảng 6,9%/năm<sup>2</sup>; như vậy, giai đoạn 2026 - 2030, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh ít nhất phấn đấu là 10,5- 11%/năm để bình quân cả giai đoạn 2021 - 2030 đạt tăng trưởng như kỳ vọng tại Quyết định số 686/QĐ-TTg và Quyết định số 1736/QĐ-TTg. Trong trường hợp phấn đấu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 12,5%/năm, tăng trưởng GRDP hàng năm của tỉnh cả thời kỳ 2021 - 2030 sẽ đạt khoảng 10%/năm<sup>3</sup>.

Bối cảnh điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2026 - 2030, Tây Ninh chịu ảnh hưởng trực tiếp từ điều chỉnh quy hoạch quốc gia và vùng Đông Nam Bộ, trong đó mục tiêu hàng đầu của vùng Đông Nam Bộ là phải đi đầu về tăng trưởng kinh tế cao. Hiện nay, trong cơ cấu GRDP của tỉnh, công nghiệp là ngành trọng yếu, chiếm 50% GRDP và quyết định tới 65% tốc độ tăng trưởng thời kỳ 2011 - 2020 và trên 60% tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025, do đó, tập trung phát triển công nghiệp - đặc biệt là các ngành chủ lực có hiệu quả cao - là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, công nghiệp là ngành trọng yếu trong cơ cấu GRDP của tỉnh, chiếm 50% GRDP và đóng góp khoảng 65% tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn 2011-2020, cũng như trên 60% trong giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030, tỉnh cần tiếp tục ưu tiên phát triển **công nghiệp dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và thu hút được dòng vốn FDI từ các tập đoàn đa quốc gia làm động lực chính.**

Hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, quá trình phát triển của tỉnh cần phải kết hợp **chuyển đổi xanh** nhằm tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực, tận dụng cơ chế ưu đãi quốc tế, giảm phát thải khí nhà kính. Chính sự

---

<sup>2</sup> Tăng trưởng năm 2025 dự kiến đạt 9,5%/năm

<sup>3</sup> Nhật Bản (1960 - 1973) duy trì tăng trưởng trên 10% nhờ chiến lược phát triển công nghiệp mũi nhọn; Hàn Quốc giai đoạn 1960 - 1970 tăng 9-12%/năm nhờ tập trung hỗ trợ chaebol làm đầu tàu; Trung Quốc (1992- 2007) giữ mức trên 10% nhờ Nhà nước định hướng nhưng linh hoạt vận dụng cơ chế thị trường, tạo môi trường thuận lợi cho khu vực tư nhân phát triển.

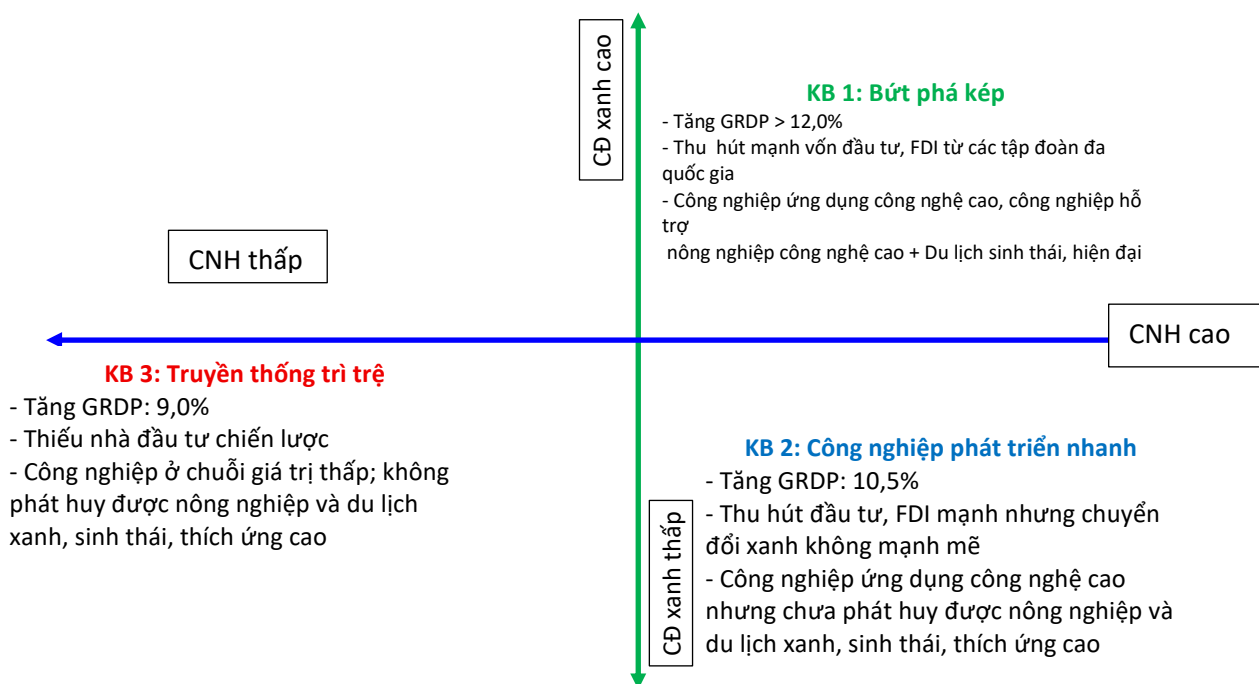
kết hợp giữa phát triển các ngành công nghiệp chủ lực dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh vừa đảm bảo tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, vừa đặt nền móng cho phát triển bền vững, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trên bình diện quốc gia và quốc tế.

## 2.1. Xây dựng kịch bản

Áp dụng phương pháp xây dựng kịch bản theo mô hình Shell, báo cáo lựa chọn hai yếu tố bất định có ảnh hưởng quyết định đến quỹ đạo phát triển của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026 - 2030, bao gồm mức độ phát triển của các ngành công nghiệp chủ lực và tốc độ, chất lượng chuyển đổi xanh trong sản xuất và quản trị kinh tế. Sự giao thoa của hai yếu tố này tạo nên bốn khả năng phát triển, song đề tập trung vào các trạng thái có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạch định chính sách, báo cáo chỉ lựa chọn ba kịch bản đại diện, trong đó kịch bản “công nghiệp thấp - chuyển đổi xanh cao” được lược bỏ vì có xác suất thấp và không phản ánh xu thế vận động đặc thù của Tây Ninh.

Phương pháp tổ chức xây dựng kịch bản được thực hiện dựa trên phân tích tổng hợp điểm mạnh, điểm yếu của Tây Ninh cùng các cơ hội và thách thức từ môi trường bên ngoài. Trên nền tảng đánh giá SWOT này, các mục tiêu phát triển đã được xác lập trong Quyết định số 686/QĐ-TTg về Quy hoạch tỉnh và Quyết định số 1736/QĐ-TTg về điều chỉnh quy hoạch vùng Đông Nam Bộ được sử dụng làm khung định hướng để xác định phạm vi, mức độ ưu tiên của từng trục kịch bản. Trong bối cảnh Tây Ninh vừa có những lợi thế rõ nét như vị trí chiến lược trên hành lang xuyên Á, quỹ đất công nghiệp lớn và tiềm năng logistic - cửa khẩu - cảng biển, vừa tồn tại những hạn chế như quy mô kinh tế còn nhỏ, hạ tầng liên kết với TP. Hồ Chí Minh chưa đồng bộ và nguồn lực đầu tư công còn hạn chế, việc xây dựng kịch bản giúp địa phương chủ động hơn trong điều hành và lựa chọn chính sách.

### Ma trận kịch bản tăng trưởng của Tây Ninh giai đoạn 2026-2030



Việc mô tả các kịch bản được xây dựng dựa trên những yếu tố tác động trực tiếp đến quỹ đạo phát triển của tỉnh Tây Ninh, bao gồm xu hướng dịch chuyển đầu tư trong vùng Đông Nam Bộ, sự hoàn thiện của hệ thống hạ tầng giao thông - logistics kết nối với TP. Hồ Chí Minh và Campuchia, yêu cầu xanh hóa trong sản xuất công nghiệp, cũng như khả năng khai thác vai trò của các cửa khẩu quốc tế, cảng biển trong mở rộng thương mại biên giới và thu hút chuỗi cung ứng mới. Trên nền tảng đó, các kịch bản được liên kết chặt chẽ với các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh như tốc độ tăng trưởng GRDP, cơ cấu ngành theo hướng công nghiệp - dịch vụ, năng suất lao động, thu hút đầu tư chất lượng cao và mức độ phát triển nguồn nhân lực.

### **2.1.1. Kịch bản 1: Rất Cao CNH – Rất Cao CĐX (Bứt phá kép)**

Kịch bản thứ nhất mô tả trạng thái phát triển khi cả hai yếu tố công nghiệp hóa (CNH) và chuyển đổi xanh (CĐX)- đều đạt mức cao. Trong trường hợp này, Tây Ninh tận dụng được đầy đủ lợi thế vị trí cửa ngõ của vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, khả năng kết nối quốc tế qua hành lang xuyên Á, bố trí quỹ đất thích hợp cho phát triển công nghiệp quy mô lớn, cùng với sự cải thiện mạnh mẽ trong thể chế và môi trường đầu tư. Tỉnh thu hút thành công dòng vốn FDI thế hệ mới, đặc biệt là các dự án công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ các ngành chủ lực của tỉnh (dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng) và phục vụ cho công nghiệp công nghệ cao của vùng Đông Nam Bộ (linh kiện điện tử - bán dẫn, robotics...), sản xuất thiết bị điện tử, năng lượng tái tạo và logistics hiện đại. Các khu công nghiệp được quy hoạch và vận hành theo mô hình sinh thái - tuần hoàn, quản lý chặt chẽ phát thải và ưu tiên sử dụng năng lượng sạch. Chuyển đổi xanh không chỉ trở thành điều kiện bắt buộc mà còn là động lực trực tiếp nâng cao năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng.

*Theo đó, tốc độ tăng GRDP có thể đạt mức 12,0%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh sang công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao; năng suất lao động tăng nhanh; thu hút FDI duy trì mức cao và chất lượng môi trường được cải thiện đáng kể. Trong kịch bản này, Tây Ninh có cơ hội vươn lên trở thành một cực công nghiệp - logistics mới của vùng, dù vẫn phải đối diện với thách thức về nhu cầu hạ tầng lớn, yêu cầu nhân lực chất lượng cao và những áp lực quản trị phát sinh từ tốc độ tăng trưởng nhanh.*

### **2.1.2. Kịch bản 2: Cao CNH – Cao CĐX**

Trong kịch bản này, hệ thống hạ tầng liên kết vùng của Tây Ninh tiếp tục được đầu tư và phát huy hiệu quả, giúp thu hút dòng vốn FDI và mở rộng quy mô công nghiệp. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi xanh lại diễn ra chậm hơn yêu cầu, tiêu chuẩn môi trường và tiêu chí xanh chưa được áp dụng đồng bộ trong các khu công nghiệp và khu kinh tế. Do đó, dù công nghiệp vẫn tăng trưởng nhanh, động lực chủ yếu vẫn đến từ các ngành chế biến, lắp ráp thâm dụng lao động, trong khi các phân khúc công nghệ cao - sạch chậm hình thành rõ nét. Du lịch và nông nghiệp xanh không tạo được bước nhảy vọt, còn tại các khu kinh tế cửa khẩu, vốn đầu tư có tăng nhưng chưa hình thành được hệ sinh thái xanh đúng nghĩa, nên giá trị lan tỏa chưa cao. Điều này khiến Tây Ninh kém hấp dẫn đối với các tập đoàn

đa quốc gia lớn - vốn đặt ra yêu cầu rất cao về sử dụng năng lượng sạch và hạ tầng công nghiệp xanh trước khi quyết định đầu tư.

*Theo đó, GRDP của tỉnh tăng mạnh ở mức 10,5%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng giữ vai trò động lực với mức tăng khoảng 13,5% và chiếm khoảng 56% cơ cấu kinh tế. Năng suất lao động tăng nhanh, đạt khoảng 393 triệu đồng/người vào năm 2030, kéo theo thu nhập bình quân đầu người lên khoảng 8.500 USD.*

### **2.1.3. Kịch bản 3: Trung bình CNH - Trung bình CĐX**

Trong kịch bản 3, dù thu hút được một lượng vốn, gồm cả FDI ổn định, Tây Ninh chủ yếu tiếp nhận các dự án theo xu hướng chung của dòng vốn dịch chuyển tập trung vào các ngành chế biến, lắp ráp, dệt may, da giày, linh kiện, sản xuất hàng tiêu dùng. Đây là những ngành có tiêu chí đầu tư tương đối thấp về công nghệ, tiêu hao năng lượng lớn và đòi hỏi ít cam kết về xanh hóa. Do hạn chế trong chưa đáp ứng được các yêu cầu về xanh hóa, Tây Ninh không đủ hấp dẫn để thu hút những “đại bàng” trong lĩnh vực điện tử, bán dẫn, năng lượng tái tạo, thiết bị y tế, hay các tập đoàn đa quốc gia đang dịch chuyển chuỗi cung ứng xanh, không hình thành được cụm liên kết công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao hay các dự án dẫn dắt mang tính lan tỏa mạnh.

Phát triển công nghiệp thiên về số lượng hơn chất lượng, làm công nghiệp tăng nhưng không tạo ra bứt phá về năng suất, giá trị gia tăng hay năng lực cạnh tranh dài hạn. Tỉnh cũng chưa trở thành điểm hội tụ của các doanh nghiệp phụ trợ cao cấp, trung tâm R&D hoặc chuỗi cung ứng mới - vốn là chỉ dấu quan trọng của một trung tâm công nghiệp thế hệ mới. Trong lĩnh vực dịch vụ và nông nghiệp, Tây Ninh chưa tạo được bước nhảy vọt. Du lịch Núi Bà Đen và hồ Dầu Tiếng tăng trưởng ổn định nhưng thiếu kết nối với các sản phẩm sinh thái - nghỉ dưỡng xanh ở vùng Đồng Tháp Mười; nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tuần hoàn phát triển chậm do hạn chế về công nghệ, vốn và chuẩn xanh. Kinh tế tăng trưởng khá nhưng phụ thuộc nhiều vào mô hình công nghiệp truyền thống và thương mại biên giới, khiến tỉnh đối mặt với nguy cơ rơi vào “bẫy công nghiệp trung bình” khi chuỗi cung ứng toàn cầu đang chuyển nhanh sang tiêu chí xanh và tiêu chí carbon thấp.

*Kịch bản này có kết quả như sau: GRDP tăng khoảng 9,0%/năm; cơ cấu kinh tế tiếp tục tiến bộ nhưng chưa tạo ra bước chuyển sang các ngành công nghệ cao - công nghiệp sạch như kỳ vọng. Năng suất lao động tăng ở mức trung bình, đạt 366,4 triệu đồng/người vào năm 2030, thấp hơn đáng kể so với kịch bản bứt phá. Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 8.012 USD/năm, phản ánh mức cải thiện tốt nhưng không tạo được sự vươn lên nhóm tỉnh dẫn đầu.*

### **2.1.4. So sánh các kịch bản**

Các kịch bản tăng trưởng của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026 - 2030 thể hiện ba mức độ phát triển khác nhau, gắn với tốc độ tăng trưởng GRDP và khả năng mở rộng của khu vực công nghiệp – xây dựng. Trong đó, *kịch bản 1* là phương án tăng trưởng cao với GRDP tăng 12,0%/năm, tiếp đến là *kịch bản 2* tăng 10,5%/năm, và thấp nhất là *kịch bản 3* với mức 9,0%/năm. Sự khác biệt chủ yếu

bất nguồn từ tốc độ tăng của ngành công nghiệp - xây dựng, lĩnh vực động lực then chốt của nền kinh tế tỉnh và yêu cầu tích cực của chuyển đổi xanh.

Cơ cấu kinh tế năm 2030 cũng thay đổi tương ứng với từng mức tăng trưởng. Ở kịch bản 1, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 57%, giảm xuống còn 56% trong kịch bản 2 và 54,5% ở kịch bản 3. Ngược lại, tỷ trọng nông nghiệp cao hơn trong kịch bản tăng trưởng thấp, trong khi khu vực dịch vụ chỉ tăng mạnh khi công nghiệp tăng nhanh. Điều này cho thấy mức độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa phụ thuộc lớn vào khả năng bứt phá của ngành công nghiệp.

Năng suất lao động và GRDP bình quân đầu người phản ánh rõ rệt mức độ phát triển giữa các kịch bản. Năng suất lao động năm 2030 ước đạt 421,3 triệu đồng/người ở kịch bản 1, khoảng 393,2 triệu đồng/người ở kịch bản 2 và giảm còn 366,4 triệu đồng ở kịch bản 3. GRDP/người theo giá hiện hành tương ứng lần lượt ở ba kịch bản là 9.211 USD - 8.500 USD và 8.012 USD. Các chỉ số này cho thấy mức tăng trưởng cao giúp nâng thu nhập và năng suất lên đáng kể.

Nhu cầu vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn có sự khác biệt đáng kể giữa các phương án tăng trưởng. Kịch bản 1 đòi hỏi tỷ lệ vốn đầu tư/GDP ở mức cao nhất, khoảng 39,2% giai đoạn 2026 - 2030; trong khi kịch bản 2 và 3 giảm nhẹ xuống 35,0% và 33,5%. Hiệu quả đầu tư thể hiện qua hệ số ICOR: kịch bản 1 có ICOR thấp nhất (4,4), cho thấy sử dụng vốn hiệu quả hơn; ngược lại, kịch bản 3 có ICOR cao nhất (5,2), phản ánh chi phí đầu tư lớn hơn để tạo ra một đơn vị tăng trưởng.

Tổng thể, ba kịch bản cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, năng suất lao động và nhu cầu vốn đầu tư. Kịch bản 1 hướng đến phát triển nhanh và hiện đại hóa mạnh mẽ; kịch bản 2 là mức tăng trưởng nhanh, ổn định; còn kịch bản 3 phản ánh phương án tăng trưởng ở mức trung bình, phù hợp trong bối cảnh nguồn lực hạn chế hoặc môi trường đầu tư kém thuận lợi hơn.

## **2.2. Khuyến nghị chính sách**

Để nỗ lực thực hiện hóa các mục tiêu ở **Kịch bản 2** và hướng phấn đấu đến các mục tiêu của **Kịch bản 1** - kịch bản tăng trưởng tích cực nhất (cao CNH - cao CĐX), Tây Ninh cần thực hiện một loạt biện pháp chiến lược:

### **(1). Hoàn thiện hệ thống hạ tầng liên kết vùng, hình thành mạng lưới logistics đa phương thức**

Hệ thống giao thông - logistics là trụ cột then chốt của Kịch bản 1. Cao tốc TP.HCM - Mộc Bài phải được triển khai đúng tiến độ và kết nối hiệu quả với Vành đai 3, Vành đai 4, trục Gò Dầu - Xa Mát, trục Đức Hòa - TP.HCM và tuyến TP.HCM - Tây Ninh - Đồng Tháp (ĐT.827E). Cùng với đó, các tuyến ĐT.789 - ĐT.787B - N8, trục Bình Chánh - Vành đai - Cửa khẩu Mỹ Quý Tây và trục Tân An - Bình Hiệp cần được đầu tư để hoàn chỉnh xương sống vận tải của tỉnh. Đặc biệt, hành lang đường thủy Vàm Cỏ Đông phải được phát triển thành trục logistics thủy chủ lực kết nối các khu công nghiệp - sản xuất với cảng sông và cảng biển

Long An. Mạng lưới hạ tầng này khi liên kết đồng bộ sẽ giúp Tây Ninh vươn lên thành trung tâm logistics liên vùng, kết nối trực tuyến Á với trục logistics đường biển.

## **(2). Thu hút đầu tư chiến lược và phát triển các khu kinh tế động lực**

Để đạt được Kịch bản 1 - kịch bản phát triển lý tưởng với tăng trưởng bứt phá, tỉnh cần hoàn thiện nhanh quỹ đất sạch cho phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế với hạ tầng đồng bộ (giao thông, điện, nước, viễn thông, logistics, xử lý môi trường), bảo đảm sẵn sàng tiếp nhận các dự án quy mô lớn trong các lĩnh vực điện tử, cơ khí chính xác, linh kiện, công nghiệp hỗ trợ, chế biến sâu... Tây Ninh cần ưu tiên thu hút đầu tư chất lượng cao vào các khu kinh tế cửa khẩu và khu công nghiệp trọng điểm. KKT Mộc Bài phải được mở rộng theo mô hình “đô thị - công nghiệp logistics hiện đại”, trở thành trung tâm logistics xuyên biên giới của vùng Đông Nam Bộ. Đồng thời, KKT Bình Hiệp cần được nâng cấp hạ tầng, thúc đẩy thương mại biên giới và thu hút doanh nghiệp chế biến nông sản, dược liệu và công nghiệp hỗ trợ. KKT Long An giữ vai trò cửa ngõ xuất nhập khẩu chiến lược, hình thành trung tâm công nghiệp - logistics biên quy mô lớn. Nhờ đó, tỉnh có điều kiện thu hút FDI chất lượng cao và duy trì tốc độ tăng vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 11 - 12%/năm.

## **3. Phát triển hệ sinh thái khu công nghiệp - khu kinh tế theo hướng xanh, sinh thái và tuần hoàn**

Tây Ninh chủ động định hướng chuyển đổi toàn bộ quá trình phát triển theo hướng xanh, bền vững; thúc đẩy hệ thống khu kinh tế và khu công nghiệp sang mô hình xanh sinh thái - tuần hoàn, hình thành các cụm sản xuất - dịch vụ có hiệu suất sử dụng tài nguyên hiệu quả, kiểm soát phát thải ở mức thấp nhất và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Mô hình này không chỉ giảm chi phí vận hành, nâng cao tính tuân thủ **mức độ phát triển bền vững và trách nhiệm của doanh nghiệp (ESG)** mà còn tạo môi trường đầu tư ổn định, an toàn và giàu dư địa tăng trưởng cho các tập đoàn toàn cầu. Tỉnh cần chủ động ban hành các chính sách ưu đãi chọn lọc đối với dự án công nghệ cao, công nghiệp sạch, dự án đáp ứng tiêu chuẩn ESG, đi kèm yêu cầu rõ ràng về đổi mới công nghệ, liên kết chuỗi cung ứng và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ.

## **4. Cải cách thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố niềm tin của nhà đầu tư**

Tây Ninh cần kiến tạo một môi trường đầu tư thực sự “đẳng cấp vùng”, trong đó tính ổn định, minh bạch và khả năng dự đoán được coi là cam kết cốt lõi đối với nhà đầu tư. Thủ tục hành chính phải được cải tổ theo hướng tinh gọn, số hóa và xử lý nhanh, với mô hình “một cửa, một đầu mối” vận hành thực chất, giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí thời gian và chi phí tuân thủ, đủ sức cạnh tranh trực tiếp với TP.HCM và Đồng Nai.

Đồng thời, tỉnh cần học hỏi các kinh nghiệm quản trị phát triển thành công trên thế giới, như Singapore và Hàn Quốc, với thể chế minh bạch, chuẩn mực cao và cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư trọn vòng đời dự án. Việc áp dụng các thông lệ quốc

tế về quản trị đầu tư, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, cùng cam kết chắc chắn về hạ tầng - năng lượng - tiến độ, sẽ giúp Tây Ninh trở thành điểm đến tin cậy của các tập đoàn toàn cầu, đặc biệt trong các ngành công nghiệp chủ lực, công nghệ cao và chuỗi cung ứng xanh.

### **(5) Chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao**

Tây Ninh cần xây dựng hệ thống đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp, bao gồm phát triển các trung tâm nghề - kỹ thuật - công nghệ cao tại các khu công nghiệp trọng điểm và các lớp đào tạo nhanh cho lao động phổ thông. Tỉnh cũng cần thu hút chuyên gia, kỹ sư và lao động chất lượng cao thông qua các ưu đãi như hỗ trợ kinh phí đào tạo và giảm chi phí thuê đất cho doanh nghiệp sử dụng lao động chất lượng cao của tỉnh. Đồng thời, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và trung tâm R&D, thúc đẩy liên kết doanh nghiệp - trường học - viện nghiên cứu, khuyến khích áp dụng công nghệ xanh, tuần hoàn và chuyển đổi số. Bên cạnh đó, việc phát triển kỹ năng mềm, quản lý dự án, logistics và vận hành thông minh cùng đào tạo liên tục sẽ tạo lực lượng lao động linh hoạt, thích ứng với công nghệ cao và công nghiệp xanh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển bền vững.

**Kết luận:** Ba kịch bản trên phác họa các hướng đi chiến lược khác nhau cho Tây Ninh giai đoạn 2026 - 2030. **Kịch bản 1** là kịch bản lý tưởng với tăng trưởng cao nhất, nhờ phát triển mạnh công nghiệp chủ lực đồng thời thực hiện chuyển đổi xanh - bền vững; đây là kịch bản “bứt phá kép” khi tỉnh tận dụng tối đa lợi thế vị trí cửa ngõ, thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, phát triển công nghiệp công nghệ cao, logistics hiện đại và mô hình khu công nghiệp sinh thái - tuần hoàn. **Kịch bản 2** vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao nhờ công nghiệp chủ lực, nhưng chuyển đổi xanh diễn ra có phần chậm hơn so với kịch bản 1, khiến Tây Ninh còn phần nào thiếu nền tảng bền vững về môi trường và hạn chế hơn trong thu hút các tập đoàn đa quốc gia đạt tiêu chuẩn xanh nghiêm ngặt. **Kịch bản 3** dựa chủ yếu vào các ngành công nghiệp truyền thống, ít liên kết công nghệ cao, chuyển đổi xanh ở mức trung bình và cũng chậm hình thành các phân khúc dịch vụ cao cấp; kết quả là tăng trưởng thấp hơn, năng suất lao động và thu nhập bình quân không tạo ra bứt phá so với giai đoạn trước. Chính vì vậy, khuyến nghị chung là Tây Ninh cần phối hợp giữa hai trục chiến lược: phát triển công nghiệp chủ lực gắn với chuyển đổi xanh - bền vững, đồng thời tạo môi trường đầu tư và thể chế minh bạch, linh hoạt để ứng phó với những biến động bên ngoài. Quá trình này cần dựa trên dữ liệu, đánh giá định kỳ và cập nhật kịch bản thường xuyên, đảm bảo tình đi đúng hướng “phát triển bền vững, đổi mới” đã đề ra, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút FDI chất lượng cao và xây dựng lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp thế hệ mới.

## **3. Mục tiêu phát triển tỉnh**

### **3.1. Mục tiêu tổng quát**

Phân đầu đến năm 2030, Tây Ninh là tỉnh phát triển năng động, xanh và bền vững; trở thành nơi đáng đến và đáng sống ở phía Nam. Nền kinh tế phát triển mạnh mẽ; là trung tâm kết nối chiến lược giữa vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, là đầu mối giao thương chiến lược với Campuchia. Chính quyền

kiến tạo phát triển, năng động, sáng tạo. Hạ tầng kỹ thuật, xã hội phát triển đồng bộ, hiện đại. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân phát triển toàn diện; các chỉ số phát triển con người đều nằm trong nhóm cao của cả nước; môi trường sinh thái được bảo vệ, thích ứng chủ động với biến đổi khí hậu; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc trong mọi tình huống. Người dân có cuộc sống phồn vinh, văn minh và hạnh phúc.

### **3.2. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030**

#### *- Về kinh tế:*

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 10 - 10,5%/năm. Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8 - 9%/năm. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng năm 2030 trên 55%.

+ Tỷ trọng trong GRDP của khu vực nông - lâm - thủy sản khoảng 13 - 14%; khu vực công nghiệp - xây dựng có tỷ trọng khoảng 55 - 56%; khu vực dịch vụ khoảng 26 - 27%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) khoảng 4 - 5%.

+ Quy mô kinh tế số đến năm 2030 đạt 30% GRDP. + GRDP bình quân đầu người đạt từ 8.000 - 8.500 USD (tương đương 210 - 225 triệu đồng). Thu nhập bình quân đầu người đạt 94 triệu đồng.

+ Thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 tăng 50% so với giai đoạn 2021 - 2025. Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 đạt 34 - 35%.

#### *- Về xã hội:*

+ Phân đầu chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 khoảng 0,78.

+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%. Phân đầu ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

+ Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Có 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm 5% lực lượng lao động.

+ Số bác sĩ/vận dân đạt 12 bác sĩ. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 16%.

+ Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 80%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80% với tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%.

+ Không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo Trung ương giai đoạn 2026 - 2030).

#### *- Về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:*

+ Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 10%. + Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị đạt 100% và nông thôn đạt 98%.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 100%.

+ Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường đạt 100%; có 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; bảo đảm 100% nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn tương đương với chất lượng nước thải ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt.

- *Về phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị - nông thôn:*

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt từ 45% trở lên. Phát triển dự án đầu tư phát triển đô thị, khu đô thị, dân cư, nhà ở xã hội theo mục tiêu, chương trình phát triển đô thị và nhà ở; quy hoạch đô thị và nông thôn; chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, nhà ở xã hội; Phát triển nhà ở gắn với quá trình phát triển mở rộng đô thị; cải tạo chỉnh trang và tái thiết các khu vực đô thị hiện hữu để nâng cao điều kiện, chất lượng sống của người dân. Tổng diện tích sàn nhà ở đạt khoảng 236 triệu m<sup>2</sup> sàn, diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh 33 m<sup>2</sup> sàn/người; phân đầu diện tích sàn nhà ở xã hội đạt khoảng 5,4 triệu m<sup>2</sup> sàn với khoảng 90.000 căn hộ. + Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ở đô thị là 85%, ở nông thôn là 80%.

+ Hoàn thiện khung giao thông của tỉnh; hoàn thành các công trình trọng điểm quốc gia, vùng và tỉnh trên địa bàn đặc biệt là tuyến đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đường kết nối hành lang công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Xuyên Á, đường Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh - Đông Tháp, các tuyến đường cao tốc. Nghiên cứu nối dài tuyến đường sắt đô thị từ Thành phố Hồ Chí Minh tới Tây Ninh.

- *Về quốc phòng, an ninh:* Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; hình thành và phát triển vành đai biên giới gắn với giữ vững chủ quyền quốc gia, bảo đảm an ninh, an toàn, an dân, thúc đẩy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

#### **4. Tầm nhìn đến năm 2050**

Đến năm 2050, Tây Ninh phấn đấu trở thành một tỉnh công nghiệp - dịch vụ phát triển, hội nhập sâu vào chuỗi giá trị và mạng lưới kinh tế khu vực Đông Nam Á; có nền công nghiệp hiện đại, thông minh, sinh thái; ngành du lịch, thương mại phát triển mạnh; ngành nông nghiệp hiện đại, thông minh và bền vững, bảo đảm an ninh lương thực và nguồn nguyên liệu chất lượng cao cho chế biến, xuất khẩu; là cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Thiết lập hệ thống quản trị công hiệu quả, môi trường đầu tư kinh doanh thân thiện, có sức hấp dẫn cao. Xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn và văn minh; môi trường sống trong lành, bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân Tây Ninh được nâng cao ngang tầm với các địa phương đứng đầu cả nước.

#### **5. Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá của tỉnh**

##### **5.1. Các nhiệm vụ trọng tâm**

**5.1.1. Phát huy hiệu quả hợp nhất tỉnh, hoàn thiện bộ máy chính quyền hai cấp tỉnh gọn hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường phối hợp liên thông giữa**

***các ngành, các cấp, đảm bảo sự đồng thuận, thống nhất trong kiến tạo phát triển tỉnh Tây Ninh; chú trọng công tác cán bộ, bảo đảm sắp xếp, bố trí nhân sự dựa trên năng lực, công khai, minh bạch, chất lượng, hiệu quả công việc.***

Chính quyền tỉnh Tây Ninh cần tranh thủ lợi thế hợp nhất để tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh gọn hiệu quả. Kiện toàn tổ chức các sở ban ngành theo nguyên tắc không chồng chéo giảm ít nhất 20% đầu mối so với tổng hai tỉnh trước hợp nhất. Xây dựng cơ chế phối hợp liên thông giữa các cấp chính quyền trên toàn địa bàn tỉnh tránh tình trạng cục bộ địa phương. Đặc biệt chú trọng công tác cán bộ: bố trí sắp xếp cán bộ sau hợp nhất dựa trên năng lực và tính đại diện vùng miền tạo sự công bằng và đồng thuận trên cơ sở thực hiện công khai, minh bạch trong bổ nhiệm nhân sự.

Tỉnh cần tiên phong trong xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển ở cấp tỉnh: thủ tục hành chính minh bạch, nhanh gọn (nhất quán từ tỉnh đến xã/phường), chính sách ưu đãi đầu tư linh hoạt theo thẩm quyền được phân cấp; ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới 100% dịch vụ công trực tuyến vào năm 2030. Thực hiện nguyên tắc “Chính quyền phục vụ” ở địa bàn biên giới - tức là vừa tạo thuận lợi tối đa cho giao thương, đi lại của doanh nghiệp và người dân, vừa đảm bảo chủ quyền, an ninh. Đây là bài toán không dễ, nhưng có thể học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình “Khu kinh tế cửa khẩu kiểu mẫu” ở một số nước. Tỉnh có thể thí điểm cơ chế “một cửa liên thông” tại cửa khẩu cho mọi dịch vụ hành chính (hải quan, kiểm dịch, xuất nhập cảnh...) với Campuchia, xây dựng hình ảnh một chính quyền địa phương thân thiện, hội nhập.

### ***5.1.2. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện và chuyển đổi xanh gắn với đổi mới mô hình phát triển mới dựa trên nền tảng tri thức, công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh***

Để đạt mục tiêu phát triển bền vững và bắt kịp xu thế thời đại, Tây Ninh (mới) cần song hành hai quá trình chuyển đổi kép: Chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, và chuyển đổi xanh hướng tới kinh tế các-bon thấp, tuần hoàn. Đây là những định hướng lớn đã được nhấn mạnh trong văn kiện Đại hội XIII và cụ thể hóa bằng các Nghị quyết Trung ương gần đây (NQ57 về KHCN và chuyển đổi số; NQ70 về an ninh năng lượng quốc gia; NQ68 về kinh tế tư nhân hướng tới tăng trưởng xanh; NQ72 về y tế nhân mạnh y tế thông minh...). *Trụ cột chuyển đổi số - xanh - sáng tạo chính là nền tảng để Tây Ninh phát triển bền vững, nâng cao năng suất và chất lượng tăng trưởng. Đây không chỉ là nhiệm vụ riêng lẻ mà phải lồng ghép trong mọi chiến lược ngành. Bằng cách này, Tây Ninh sẽ đáp ứng các yêu cầu phát triển mới, tránh nguy cơ tụt hậu trong bối cảnh cả nước bước vào giai đoạn phát triển mới đầy biến động.* Cụ thể, tỉnh cần tập trung:

- Chuyển đổi số toàn diện: Xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn. Trước hết, *phát triển đồng bộ, hiện đại hoá hạ tầng số, công nghệ số đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh:* phủ sóng Internet tốc độ cao, triển khai mạng 5G tại các khu đô thị, khu công nghiệp chính để đáp ứng yêu cầu

chuyển đổi số. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước - hoàn thiện chính quyền điện tử, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản lý. Mục tiêu đến 2030, các chỉ số về cải cách hành chính, Chính quyền số của Tây Ninh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Thứ hai, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn (nhất là SME) ứng dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh: thương mại điện tử, thanh toán số, quản trị bằng ERP/CRM, v.v. Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho lao động và người dân, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo địa phương. Theo Nghị quyết 57, Việt Nam phân đầu kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GDP vào 2030, trong khi Tây Ninh (mới) có thể đạt mục tiêu thậm trọng đạt khoảng 15% GRDP vào 2030 (Long An trước đây đã có mục tiêu này). Điều quan trọng là nhận thức chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng CNTT, mà là đổi mới căn bản mô hình phát triển dựa trên dữ liệu và công nghệ số. Do đó, cần sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, quyết tâm chính trị cao để biến chuyển đổi số thành động lực đột phá về năng suất và phương thức phát triển mới cho tỉnh.

- Chuyển đổi xanh và Phát triển kinh tế tuần hoàn: Hướng tới nền kinh tế xanh, Tây Ninh (mới) quán triệt nguyên tắc phát triển hài hòa với môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước. Tỉnh cần rà soát lại các quy hoạch phát triển để đảm bảo phù hợp chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia và cam kết Net-Zero đến 2050 của Việt Nam. Cụ thể, trong công nghiệp khuyến khích các dự án ít phát thải, áp dụng sản xuất sạch hơn, tuần hoàn chất thải. Xây dựng lộ trình giảm dần năng lượng hóa thạch, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trong cơ cấu điện sản xuất. Hiện Tây Ninh và Long An đều có tiềm năng lớn về điện mặt trời (khu vực Đức Huệ, Thạnh Hóa của Long An và các huyện phía tây của Tây Ninh) và điện gió (một số vùng trũng trãi ở Tây Ninh). Tỉnh nên ưu tiên thu hút đầu tư các nhà máy điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, gắn với mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia mà Nghị quyết 70-NQ/TW đề ra (đến 2030 đảm bảo đủ điện cho phát triển kinh tế, kể cả xem xét phát triển điện hạt nhân an toàn). Phát triển năng lượng tái tạo không chỉ cung cấp điện sạch cho sản xuất trong tỉnh, mà còn biến Tây Ninh thành trung tâm năng lượng sạch của vùng. Bên cạnh đó, khuyến khích mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp và công nghiệp: tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp (rơm rạ, bã mía, vỏ trấu...) để sản xuất năng lượng sinh khối hoặc phân bón; xây dựng các khu công nghiệp theo mô hình sinh thái, chất thải của ngành này là đầu vào của ngành kia. Chuyển đổi tư duy từ sản xuất “tuyến tính” sang tuần hoàn sẽ giúp doanh nghiệp tăng hiệu quả, giảm chi phí và ô nhiễm. Đến 2030, hướng tới 100% chất thải nguy hại được xử lý, 95% chất thải rắn đô thị được thu gom, phát triển kinh tế nhưng không đánh đổi môi trường.

### **5.3. Bảo đảm phát triển hài hòa bao trùm và bền vững**

*Song song với tăng trưởng kinh tế cần chú trọng bảo vệ môi trường (nhất là tài nguyên nước sông Vàm Cỏ rừng phòng hộ biên giới) bảo đảm các dự án phát triển tuân thủ đánh giá tác động môi trường. Quan tâm an sinh xã hội ở các khu vực chuyển đổi: hỗ trợ đào tạo nghề cho nông dân mất đất khi phát triển khu công nghiệp khu kinh tế chăm lo đời sống dân cư vùng sâu vùng xa*

*(điện nước sạch y tế giáo dục) để không ai bị bỏ lại phía sau. Đặc biệt trong bối cảnh hợp nhất cần làm tốt công tác tư tưởng giữ gìn đoàn kết nội tình phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của cả Long An và Tây Ninh. Nếu làm tốt những điều này tỉnh Tây Ninh không chỉ phát triển nhanh mà còn vững chắc trở thành một hình mẫu về hợp nhất địa giới hành chính và phát triển vùng thành công đóng góp tích cực vào mục tiêu hiện đại hóa quốc gia trong thập niên tới.*

## **5.2. Các khâu đột phá**

Dựa trên định hướng quy hoạch, tỉnh cần ưu tiên triển khai các đột phá phát triển đã đề ra:

Dựa trên định hướng quy hoạch, tỉnh cần ưu tiên triển khai các đột phá phát triển đã đề ra:

**5.2.1. Tiên phong về cải cách hành chính theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đồng bộ và lấy hiệu quả phục vụ làm thước đo chủ yếu; bảo đảm thủ tục hành chính công khai, minh bạch, đơn giản, nhanh gọn, thuận tiện, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của mọi hoạt động phục vụ.**

Đẩy mạnh cải cách thể chế, cải cách quy trình, thủ tục hành chính trên các lĩnh vực trọng tâm như đầu tư, đất đai, xây dựng, quy hoạch, môi trường, thuế, hải quan và tiếp cận dịch vụ công; tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của bộ máy chính quyền; xây dựng chính quyền số, nền hành chính số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, liên thông, đồng bộ giữa các cấp, các ngành; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, dữ liệu và quy trình giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm minh bạch, dễ tiếp cận và thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu gắn với kết quả cải cách hành chính và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Thông qua cải cách hành chính thực chất, xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, ổn định, minh bạch, an toàn và có sức cạnh tranh cao; tạo niềm tin cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước; nâng cao chất lượng thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Xác định cải cách hành chính là một trong những khâu đột phá chiến lược của tỉnh Tây Ninh, đóng vai trò nền tảng để thúc đẩy các đột phá khác, tạo động lực cho phát triển kinh tế – xã hội nhanh và bền vững; Phấn đấu năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải cách hành chính hàng năm thuộc Nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước.

**5.2.2. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với trung tâm đào tạo vùng**

Đây là yếu tố gắn liền với cả chuyển đổi số và xanh. Tỉnh cần xây dựng các vườn ươm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo (có thể đặt tại các trường cao

đẳng, đại học địa phương hoặc phân hiệu các trường lớn) để hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh, hỗ trợ startup, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới trong các ngành ưu tiên (chế biến thực phẩm, công nghệ sinh học nông nghiệp, năng lượng mới, v.v.). Tăng cường chuyển đổi số trong phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ và du lịch, bao gồm ứng dụng nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả thông quan, mở rộng hoạt động thương mại, thu hút nguồn lực đầu tư và nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, quy hoạch định hướng ưu tiên phát triển các nền tảng số thương mại điện tử, quản lý hoạt động du lịch và dịch vụ liên quan, góp phần nâng cao tính minh bạch và sức cạnh tranh của tỉnh.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư R&D, hợp tác “đặt hàng” viện nghiên cứu giải quyết bài toán công nghệ cụ thể. Nghị quyết 57 đặt mục tiêu hệ thống khoa học công nghệ Việt Nam đạt trình độ tiên tiến và hình thành một số trung tâm công nghiệp công nghệ số hàng đầu khu vực vào 2045. Tây Ninh (mới) tuy nguồn lực còn hạn chế, nhưng có thể phấn đấu hình thành một trung tâm nghiên cứu ứng dụng nông nghiệp hoặc năng lượng tái tạo cấp vùng đặt tại tỉnh. Đồng thời, tỉnh tranh thủ sự hỗ trợ của mạng lưới chuyên gia kiều bào, hợp tác quốc tế (Nhật Bản, Hàn Quốc, EU...) để tiếp thu tri thức quản trị hiện đại, công nghệ xanh - sạch. Xây dựng hệ sinh thái sáng tạo mở kết nối Tây Ninh với TP.HCM và quốc tế sẽ giúp đi tắt đón đầu một số lĩnh vực, thay vì đi sau các tỉnh bạn.

Tây Ninh có dân số trẻ, nhưng một thách thức là chất lượng lao động còn hạn chế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp ở Tây Ninh năm 2020 chỉ ~17%, thấp nhất vùng Đông Nam Bộ. Nhiều lao động trẻ có xu hướng di cư sang TP.HCM, Đồng Nai để tìm việc, gây nguy cơ thiếu hụt nhân lực tại chỗ. Do đó, tỉnh phải đặt giáo dục - đào tạo và thu hút nhân tài là ưu tiên hàng đầu. Cụ thể: hợp tác với các trường đại học lớn ở TP.HCM mở phân hiệu hoặc trung tâm đào tạo tại Tây Ninh (mới), nhất là trong các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, logistics, du lịch. Mở rộng mạng lưới trường nghề chất lượng cao, đào tạo kỹ năng theo nhu cầu doanh nghiệp. Tỉnh có thể cấp học bổng, hỗ trợ học phí cho sinh viên tỉnh nhà học các ngành mũi nhọn rồi quay về phục vụ tỉnh. Song song, cần có chính sách đãi ngộ thu hút chuyên gia, lao động trình độ cao từ ngoài về: hỗ trợ nhà ở, môi trường làm việc tốt, tạo điều kiện cho khu vực tư nhân trả lương cạnh tranh. Cải thiện môi trường sống (nhà ở, tiện ích đô thị, dịch vụ giải trí) cũng là chìa khóa để giữ chân nhân lực chất lượng. Theo Nghị quyết 71-NQ/TW (2025) về giáo dục, mục tiêu là tạo đột phá đào tạo thế hệ công dân toàn cầu sẵn sàng cho kinh tế số và hội nhập. Tây Ninh phải cụ thể hóa bằng việc nâng cấp toàn diện giáo dục phổ thông, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, học ngoại ngữ, tin học cho giới trẻ. Đến năm 2030, phấn đấu 80% lao động qua đào tạo, trong đó khoảng 35-40% có bằng cấp chứng chỉ, đưa chất lượng nguồn nhân lực Tây Ninh thuộc nhóm khá trong Vùng.

***5.2.3. Huy động tối đa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ đặc biệt các tuyến kết nối liên tỉnh, liên vùng và khu kinh tế biên giới, hạ tầng khu kinh tế, hình thành các không gian phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ tập trung***

\* Sau hợp nhất, Tây Ninh (mới) có quỹ đất phát triển tương đối dồi dào so với các “siêu đô thị” lân cận như TP.HCM (mới). Với diện tích 8.537 km<sup>2</sup>, lớn hơn cả TP.HCM sau mở rộng, tỉnh có rất nhiều dư địa để quy hoạch các khu đô thị, khu công nghiệp mới, cũng như mở rộng không gian nông thôn. Do đó, cần tạo đột phá trong uy động tối đa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hạ tầng, hình thành các không gian phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ tập trung gắn với các trục động lực và hành lang kinh tế của tỉnh.

Tỉnh cần rà soát quy hoạch sử dụng đất đến 2030 theo hướng ưu tiên đất cho công nghiệp, dịch vụ, đô thị, nhưng vẫn bảo vệ đất nông nghiệp tốt và đất rừng. Tránh lãng phí hoặc để đất hoang hóa. Giải phóng mặt bằng cần đi trước một bước, tạo quỹ đất “sạch” thu hút nhà đầu tư chiến lược. Theo định hướng của Trung ương, việc tạo sẵn mặt bằng và hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế là một đột phá để đón làn sóng đầu tư mới. Tỉnh mới có lợi thế phối hợp liên ngành: Long An có thể tập trung phát triển công nghiệp ở khu vực giáp TP.HCM (Đức Hòa, Bến Lức), Tây Ninh tập trung ở Trảng Bàng, Gò Dầu... - hỗ trợ, giảm áp lực về đất giữa các địa phương. Song song, quy hoạch đô thị và nông thôn cần được tích hợp đồng bộ: nâng cấp các đô thị hiện hữu (Tân An, Tây Ninh, Hòa Thành...) và phát triển các đô thị mới tại những vị trí chiến lược (ví dụ: đô thị cửa khẩu Mộc Bài, đô thị vệ tinh Bến Lức - Trảng Bàng). Mạng lưới đô thị hợp lý sẽ là khung xương để phân bổ lại dân cư, giảm áp lực di dân vào TP.HCM. Mục tiêu đến 2030, tỷ lệ đô thị hóa của Tây Ninh (mới) đạt khoảng 53-55%, với hệ thống đô thị thông minh, xanh, có kết cấu hạ tầng hiện đại tương xứng. Việc mở rộng các khu dân cư, nhà ở xã hội cũng rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu an cư cho người lao động và dân nhập cư, người dân tái định cư đi kèm là .. đầu tư hạ tầng xã hội như bệnh viện, trường học, trung tâm văn hóa thể thao đạt chuẩn để nâng cao chất lượng sống cho người dân.

\* Lợi thế nổi trội của Tây Ninh (mới) là vị trí “cửa ngõ kép”: vừa cửa ngõ phía Tây của Vùng đô thị TP.HCM, vừa cửa ngõ thông thương quốc tế qua biên giới Campuchia. Tỉnh cần đột phá vào hạ tầng phát huy tối đa vị trí địa kinh tế, địa chính trị đi đầu trong kết nối hạ tầng và hợp tác liên vùng, biến lợi thế vị trí thành lợi thế cạnh tranh động, tỉnh có thể vươn lên vai trò trung tâm phân phối và giao thương của cả vùng phía Nam. Cụ thể:

- Thúc đẩy kết nối hạ tầng liên vùng: Phối hợp với các bộ ngành đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông chiến lược như cao tốc TP.HCM - Mộc Bài, Vành đai 3, vành đai 4, cao tốc Bến Lức - Long Thành, đường ven sông Vàm Cỏ... Hoàn thành đúng hạn các tuyến này sẽ giúp Tây Ninh kết nối thông suốt với trung tâm kinh tế TP.HCM, sân bay Long Thành và các tỉnh ĐBSCL, tạo mạng lưới lưu thông hàng hóa và hành khách hiệu quả. Theo quy hoạch, cao tốc TP.HCM - Mộc Bài khi hoàn thành sẽ rút ngắn thời gian từ TP.HCM lên cửa khẩu, kích thích thương mại biên giới và hình thành dải công nghiệp - logistics dọc tuyến. Tương tự, việc khép kín Vành đai 3 qua Đức Hòa (Long An) và nối thông cao tốc Bến Lức - Long Thành sẽ giúp hàng hóa từ Tây Ninh - Long An đi các cảng biển quốc tế và sân bay nhanh hơn, giảm tải cho hạ tầng TP.HCM.

- Tiếp tục đầu tư hạ tầng giao thông nội tỉnh theo hướng kết nối các khu vực trọng điểm với nhau và với mạng lưới vùng. Tập trung, xây dựng các tuyến đường mới kết nối nội tỉnh Tây Ninh (mới), nhất là giữa các trung tâm phát triển kinh tế của Tây Ninh (cũ) với Long An (cũ) (chẳng hạn trục Tân An - Gò Dầu, hoặc Mộc Bài - Đồng Tháp Mười), nâng cấp các tuyến quốc lộ 22B, 22, 1, 30; các tuyến tỉnh lộ huyết mạch ở Long An (NH62, ĐT830...), tuyến đường sắt hàng hoá, hành khách Gò Dầu Tây Ninh nối cảng Long An, đường sắt đô thị nối Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Giuộc, Cần Đước, đảm bảo lưu thông thuận lợi từ biên giới xuống các khu công nghiệp, đô thị, cảng.

- Các khu kinh tế cửa khẩu hiện đại, đa chức năng: Như đã đề cập, Tây Ninh quy hoạch các khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm là Mộc Bài (Tây Ninh), Phước Tân, Xa Mát (Tây Ninh) và Bình Hiệp (Long An). Các khu sẽ được xây dựng theo mô hình “công nghiệp - đô thị - dịch vụ” gắn kết, phát triển xanh và bền vững. Cụ thể, trong mỗi khu kinh tế cửa khẩu sẽ có khu công nghiệp tập trung (thu hút doanh nghiệp chế biến, lắp ráp xuất khẩu), có khu đô thị - thương mại phục vụ chuyên gia, lao động, có trung tâm logistics và chợ cửa khẩu sầm uất, cùng các dịch vụ hỗ trợ (ngân hàng, bảo hiểm, vui chơi giải trí). Song song đó, cần hiện đại hóa, phát triển cửa khẩu kiểu mẫu với hệ thống hải quan điện tử, quản lý thông minh, tạo thông quan nhanh chóng. Việc điều chỉnh Quy hoạch KKT Mộc Bài theo tầm nhìn mới này đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Tây Ninh, nhằm tạo lợi thế cạnh tranh thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước. Đến năm 2030, mục tiêu là KKT Mộc Bài trở thành cực tăng trưởng phía tây bắc của tỉnh, kết nối chặt chẽ với vùng đô thị TP.HCM; còn KKT Bình Hiệp sẽ là cửa ngõ giao thương chính của Đồng Tháp Mười với Campuchia.

- Phát triển trung tâm logistics và cửa khẩu thông minh: Kết hợp lợi thế logistics sẵn có của Long An (có cảng quốc tế và các trung tâm kho vận gần TP.HCM) với lợi thế cửa khẩu của Tây Ninh để xây dựng trục logistics xuyên biên giới dọc đèo. Tỉnh nên quy hoạch một trung tâm logistics tại khu vực Mộc Bài - Trảng Bàng, kết nối thẳng đến Cảng Long An và Cát Lái (TP.HCM), phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa cho cả vùng. Sớm hình thành cảng cạn (ICD) tại Tây Ninh, bến thủy nội địa trên sông Vàm Cỏ để vận chuyển hàng bằng đường sông ra biển. Điều này sẽ biến Tây Ninh (mới) thành hub thương mại biên mậu quan trọng, cạnh tranh được với các cửa khẩu khác trong khu vực. Chủ động liên kết chặt chẽ trong công tác chế biến và xuất khẩu nông sản, cung ứng dịch vụ logistics, dịch vụ hỗ trợ đặc thù cho xuất khẩu nông nghiệp, xây dựng cụm liên kết phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là ngành công nghiệp điện tử, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển đô thị.

- Ưu tiên đầu tư các tuyến giao thông trọng điểm của quốc gia và của vùng nhất là đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh – Cần Thơ (đi qua địa bàn Tây Ninh, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, các tuyến đường trục động lực). Khẩn trương phối hợp với các bộ, địa phương liên quan nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường sắt TP. Hồ Chí Minh - Cần Thơ và phân đấu khởi công trong năm 2027 (trong đó có các tuyến và ga đi qua Tây Ninh).



*Tận dụng dư địa về đất đai, nhân lực gắn với bứt phá hạ tầng, khoa học và công nghệ sẽ giúp Tây Ninh mở rộng không gian phát triển và thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư. Nếu làm tốt, tỉnh không chỉ giải quyết được những hạn chế nội tại (thiếu lao động kỹ thuật, kết cấu hạ tầng yếu), mà còn biến chúng thành cơ hội để đi tắt đón đầu các xu hướng mới (đô thị thông minh, thu hút dân số trẻ về lập nghiệp tại địa phương). Một tỉnh như Tây Ninh có không gian, có nhân lực, có hạ tầng tốt, khoa học và công nghệ phát triển mạnh chắc chắn sẽ “cắt cánh” phát triển.*

## II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

### 1. Lựa chọn ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Tây Ninh

- Nhóm ngành nông nghiệp: (i) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sinh thái và có giá trị gia tăng lớn, gắn phát triển nông nghiệp với du lịch sinh thái, trải nghiệm và du lịch đô thị. (ii) Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản sạch, an toàn phục vụ trực tiếp cho nhu cầu của quá trình đô thị hóa trong vùng Đông Nam Bộ. Tây Ninh có thể mạnh nông nghiệp (lúa gạo, mía đường, mì, cao su, cây ăn trái, rau củ, chăn nuôi) và quỹ đất nông nghiệp rộng, thuận lợi để quy hoạch các vùng chuyên canh lớn gắn với công nghiệp chế biến sâu. Đến 2030, tiếp tục chuyển mạnh sang nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo mô hình chuỗi giá trị khép kín. Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực: lúa gạo chất lượng cao, rau quả an toàn, cao su chế biến, cây ăn trái (thanh long, chanh, măng cầu...), chăn nuôi công nghệ cao. Trên cơ sở đó, cần hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao (ở Đức Huệ, Thạnh Hóa - Long An và phía bắc Tây Ninh) kết hợp trung tâm nghiên cứu giống, ứng dụng cơ giới hóa, tưới thông minh, chuyển đổi số trong nông nghiệp. Định hướng này phù hợp chủ trương quốc gia phát triển nông nghiệp bền vững, sử dụng đất linh hoạt hiệu quả và thích ứng biến đổi khí hậu. Song song, tỉnh cần xây dựng thương hiệu nông sản sạch, truy xuất nguồn gốc, tận dụng các FTA để mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo, gồm các ngành chủ lực cụ thể

như dệt, may mặc, da giày, sản xuất sản phẩm từ cao su và plastics, sản xuất kim loại và sản phẩm kim loại đúc sẵn, cơ khí - điện tử, sản xuất thiết bị điện. Bên cạnh đó, chế biến thực phẩm là ngành công nghiệp quan trọng, tập trung vào nâng cao tỷ lệ chế biến sâu đối với nông sản địa phương. Hoạt động sản xuất đồ gỗ, nội thất gỗ đang nổi lên mạnh mẽ, đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng giá trị cho sản phẩm gỗ thông qua ứng dụng thiết kế hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về đồ gỗ của người dân trong bối cảnh nhu cầu nhà ở tăng nhanh trên cả nước (dự kiến phải hoàn thành gần 1 triệu căn hộ đến năm 2030). Hóa chất và sản phẩm hóa chất đóng vai trò hỗ trợ sản xuất công nghiệp, đáp ứng nguyên liệu cho nhiều ngành chế biến khác. Đáng chú ý, Tây Ninh cần định hướng phát triển năng lượng tái tạo và năng lượng sạch, đặc biệt là LNG, điện mặt trời, tận dụng lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, nhằm tạo nền tảng năng lượng ổn định và bền vững cho phát triển công nghiệp; cũng như chú trọng phát triển công nghiệp môi trường phù hợp với xu thế chuyển đổi xanh.

- Xác định các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển nhằm phát huy lợi thế địa phương, hạn chế cạnh tranh trực diện với các địa phương trong vùng Đông Nam bộ, gồm:

+ Năng lượng tái tạo: Khai thác các dự án năng lượng tái tạo theo quy hoạch; thúc đẩy đưa vào hoạt động các nhà máy LNG, dự án năng lượng tái tạo tại Hồ Dầu Tiếng; phát triển sản xuất thiết bị, lưu trữ, chuyển hóa năng lượng.

+ Chế biến thực phẩm - nông sản: Phát triển dựa trên công nghệ chế biến sâu, công nghệ sinh học, tự động hóa và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

+ Sản xuất vật liệu: Tập trung sản xuất vật liệu kỹ thuật, vật liệu sinh học và vật liệu thân thiện môi trường, phục vụ công nghiệp chế tạo và tiêu dùng xanh.

+ Công nghiệp hỗ trợ: Phát triển theo chiều sâu vào một số ngành trọng tâm (cơ khí chế tạo, ô tô, điện - điện tử và bán dẫn, dệt may - da giày, vật liệu cơ bản).

+ Công nghiệp môi trường: Phát triển sản xuất cung ứng công nghệ, thiết bị và sản phẩm công nghiệp môi trường, có khả năng tham gia chuỗi cung ứng cả nước, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.

+ Dệt may, da giày: Đẩy mạnh khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu; xây dựng và quảng bá thương hiệu, đưa tỉnh Tây Ninh thành trung tâm đổi mới và sáng tạo trong ngành dệt may, da giày.

- Nhóm các ngành dịch vụ: Nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh và thương hiệu của khu vực dịch vụ dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình kinh tế chia sẻ, dịch vụ số, nền tảng số; ưu tiên phát triển đồng bộ thương mại, dịch vụ vận tải, logistics, du lịch và tài chính - ngân hàng, dịch vụ đô thị.

Phát triển thương mại theo hướng văn minh, hiện đại, gắn kết với du lịch; đẩy mạnh thương mại điện tử; mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, chú trọng thương mại biên giới. Tập trung đầu tư phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành mũi nhọn của tỉnh, đưa Tây Ninh trở thành trung tâm logistics của

vùng Đông Nam Bộ; ưu tiên phát triển dịch vụ logistics hiện đại, thông minh, xanh và hình thành chuỗi dịch vụ logistics đồng bộ, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa nội địa, xuất nhập khẩu và thương mại xuyên biên giới.

Xây dựng Tây Ninh trở thành trọng điểm du lịch bền vững của vùng Đông Nam Bộ; phát triển mạnh du lịch văn hóa - tín ngưỡng - sinh thái trở thành ngành dịch vụ đặc trưng, kết hợp với du lịch nông nghiệp, nghỉ dưỡng và du lịch biên giới. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch hấp dẫn, có chất lượng gắn với phát triển đồng bộ dịch vụ lưu trú, ẩm thực, vui chơi giải trí và mô hình kinh tế đêm đặc sắc, nâng cao trải nghiệm du khách và mở rộng thị trường quốc tế. Phát triển du lịch văn hóa, tín ngưỡng, sinh thái gắn với Núi Bà Đen - Hồ Dầu Tiếng; du lịch sinh thái - lịch sử ở vùng Đồng Tháp Mười, kết nối thống nhất theo trục du lịch Bắc - Nam dọc hành lang sông Vàm Cỏ Đông; phát triển du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ giải trí khu vực giáp Thành phố Hồ Chí Minh.

Mở rộng, đa dạng hóa và hiện đại hóa dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, tài chính; hình thành trung tâm tài chính - logistics - thương mại hỗ trợ sản xuất, kết nối hiệu quả với thị trường trong nước và quốc tế.

## **2. Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển ngành quan trọng của tỉnh**

### **2.1. Định hướng tổ chức không gian phát triển ngành công nghiệp**

Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp Tây Ninh theo hướng tối ưu và hài hòa với cấu trúc phát triển của vùng Đông Nam Bộ, bảo đảm liên kết vùng chặt chẽ, khai thác lợi thế so sánh sau hợp nhất và nâng cao hiệu quả sử dụng không gian công nghiệp.

#### **(1) Hành lang công nghiệp**

- Hành lang công nghiệp phía Đông Bắc của tỉnh: Phát triển nhờ vào sự lan tỏa của tuyến cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài và QL 22; định hướng thu hút công nghiệp điện - điện tử, cơ khí chính xác, công nghiệp hỗ trợ, chế biến sâu nông sản - thực phẩm.

- Hành lang công nghiệp phía Đông Nam: gắn với đường tuyến cao tốc CT01 (tuyến TP. Hồ Chí Minh - Bến Lức), QL 1A, QL 50 liên kết với các KCN, cơ sở công nghiệp gần TP. Hồ Chí Minh. Ưu tiên thu hút công nghiệp dệt may, da giày, sản xuất hàng tiêu dùng; công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu; công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng; đồng thời bố trí một phần các ngành công nghiệp hóa chất tại các khu, cụm công nghiệp được quy hoạch tập trung, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ các yêu cầu về môi trường.

- Hành lang công nghiệp phía Tây gắn với tuyến đường QL 62; ưu tiên các ngành công nghiệp chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm, đồ uống; công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp (cơ khí nông nghiệp, vật tư đầu vào); và một số ngành tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nông thôn.

#### **(2) Vành đai công nghiệp**

- Vành đai công nghiệp gắn với tuyến vành đai 3 vùng Thành phố Hồ Chí Minh

Minh: Phát triển, kết nối liên kết các khu công nghiệp, cơ sở công nghiệp khu vực Đông Nam Tây Ninh (trọng tâm là xã giáp ranh TP. Hồ Chí Minh) với không gian công nghiệp vùng Đông Nam Bộ. Bố trí phát triển dải vành đai công nghiệp theo hướng tập trung, đồng bộ hạ tầng, ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ và các ngành sản xuất thân thiện với môi trường, gắn với yêu cầu bảo vệ sinh thái và phát triển bền vững.

- Vành đai công nghiệp gắn với tuyến vành đai 4 vùng Tp. Hồ Chí Minh: Phát triển, tổ chức không gian công nghiệp tập trung tại khu vực phía Nam tỉnh Tây Ninh, gắn với tuyến đường vành đai 4, tăng cường liên kết với các trung tâm công nghiệp lớn của vùng Đông Nam Bộ. Bố trí hình thành các khu công nghiệp, cơ sở công nghiệp theo định hướng từng bước giảm dần các ngành thâm dụng lao động, đi sâu vào các chuỗi giá trị cao, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững; ngành nghề chủ yếu gồm công nghiệp cơ khí, điện tử, công nghiệp chế biến, dệt may, giày dép, sản xuất hàng tiêu dùng và một phần công nghiệp hóa chất, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ các yêu cầu về môi trường. Việc phát triển dải vành đai công nghiệp được thực hiện đồng bộ với tiến độ đầu tư xây dựng và hoàn thành tuyến đường vành đai 4, tạo động lực thu hút đầu tư, mở rộng không gian phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2030.

### ***(3) Tiểu vùng công nghiệp***

- Tiểu vùng công nghiệp Đông Bắc: Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may, chế biến gỗ, công nghiệp cơ khí sản xuất hàng gia dụng và công nghiệp hỗ trợ.

- Tiểu vùng công nghiệp Trung tâm ở phía Đông: Nằm trong khu vực giao thoa giữa tuyến N2 với các trục kết nối Đông Bắc và Đông Nam. Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp phụ trợ (linh kiện, phụ tùng, bao bì, vật liệu kỹ thuật); công nghiệp cơ khí chính xác, điện – điện tử, thiết bị điện; công nghiệp chế biến sâu nông sản, thực phẩm theo chuỗi giá trị; cùng các hoạt động nghiên cứu - phát triển (R&D), đổi mới sáng tạo và dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất công nghiệp.

- Tiểu vùng công nghiệp Đông Nam: Phát triển mạnh các ngành công nghiệp dệt may, giày dép, chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện, công nghiệp sản xuất hàng vật liệu xây dựng và một phần là công nghiệp hóa chất.

### ***(4) Cụm ngành công nghiệp***

- Cụm ngành công nghiệp dệt may, da giày được định hướng tập trung chủ yếu tại khu vực phía Đông và Đông Nam của tỉnh, nơi có lợi thế tiếp giáp TP. Hồ Chí Minh, nguồn lao động dồi dào và hạ tầng khu công nghiệp phát triển sớm. Các địa bàn trọng điểm gồm các xã Hiệp Hòa, Hậu Nghĩa, Đức Lập, Hòa Khánh, Mỹ Hạnh, Đức Hòa, Lương Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Yên, Tân Lân. Ngoài ra, cụm ngành này được bố trí có chọn lọc tại một số xã khu vực phía Tây như Vĩnh Châu, Đông Thành, Khánh Hậu, Thủ Thừa, nhằm tận dụng quỹ đất, mở rộng không gian sản xuất và tiếp nhận dịch chuyển công nghiệp từ khu vực giáp TP. Hồ Chí Minh.

- Cụm ngành công nghiệp cơ khí, kim loại, thiết bị điện được tập trung phát triển tại khu vực phía Đông Nam của tỉnh, giáp TP. Hồ Chí Minh, nơi có điều kiện thuận lợi về thị trường tiêu thụ, chuỗi cung ứng và liên kết với các ngành công nghiệp khác. Các xã trọng điểm gồm Đức Lập, Mỹ Hạnh, Đức Hòa, Thạnh Lợi, Lương Hòa, Mỹ Yên, Long Cang, Nhựt Tân, Rạch Kiến, Phước Lý, Mỹ Lê, Cần Giuộc, Long Hựu, Vĩnh Công. Đồng thời, bố trí một phần tại khu vực phía Tây như Hưng Điền và Bình Hòa để phục vụ cơ khí nông nghiệp, cơ khí sửa chữa và sản xuất quy mô vừa, phù hợp điều kiện địa phương.

- Cụm ngành công nghiệp điện tử, công nghệ số được định hướng tập trung tại khu vực phía Đông và Đông Nam của tỉnh, gắn với các khu công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, yêu cầu cao về logistics và nguồn nhân lực kỹ thuật. Các địa bàn chủ yếu gồm An Ninh, Hòa Khánh, Mỹ Hạnh, Đức Hòa, Long Cang, Mỹ Lộc, Cần Giuộc. Ngoài ra, bố trí một phần tại khu vực phía Tây như Thạnh Hóa và Tân Tây, nhằm từng bước mở rộng không gian công nghiệp công nghệ cao, gắn với phát triển đô thị và dịch vụ hỗ trợ.

- Cụm ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống được tổ chức phát triển gắn chặt với các vùng nguyên liệu và hệ thống sông lớn như sông Vàm Cỏ, Soài Rạp, bảo đảm thuận lợi cho cấp nước, giao thông thủy và logistics. Các địa bàn tập trung gồm Thạch Phước, Tân Tây, Khánh Hậu, Tân Trụ, Vàm Cỏ, Tân Lân, Cần Giuộc, Hưng Điền, Khánh Hưng, Bình Hiệp, Tân Hòa. Việc phân bố này nhằm phát huy lợi thế nông nghiệp, giảm chi phí vận chuyển và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm địa phương.

- Cụm ngành công nghiệp hóa chất chỉ bố trí có chọn lọc, tập trung tại khu vực phía Đông Nam của tỉnh, trong các khu công nghiệp có hạ tầng xử lý môi trường tập trung, xa khu dân cư. Định hướng chủ yếu là hóa chất phục vụ sản xuất công nghiệp và nông nghiệp (phân bón, hóa chất cao su, hóa chất phụ trợ), không phát triển hóa dầu, không phát triển hóa chất độc hại, bảo đảm kiểm soát nghiêm ngặt về môi trường và an toàn.

- Cụm ngành công nghiệp điện, năng lượng được bố trí tại những khu vực có quỹ đất lớn, ít dân cư, thuận lợi kết nối hạ tầng truyền tải, phục vụ trực tiếp cho các khu công nghiệp và đô thị trong tỉnh. Các địa bàn trọng điểm gồm Đức Huệ, Long Cang, Thạnh Lợi, Vĩnh Châu, Mộc Hóa, và một phần khu vực phía Bắc tại vùng lòng hồ và bán ngập hồ Dầu Tiếng như Tân Phú, Tân Thành. Việc bố trí cụm ngành này được kiểm soát chặt chẽ về môi trường, bảo đảm hài hòa giữa phát triển công nghiệp, an ninh năng lượng và bảo vệ hệ sinh thái.

- Cụm ngành công nghiệp chế biến gỗ và cao su được định hướng phát triển tại khu vực phía Tây Bắc của tỉnh, tập trung tại các Tân Biên, Tân Châu... gắn với vùng nguyên liệu cao su, lâm nghiệp và nông nghiệp của tỉnh. Cụm ngành này ưu tiên chế biến sâu, sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh, hạn chế xuất khẩu thô, bảo đảm yêu cầu về môi trường và sử dụng hiệu quả quỹ đất.

## **2.2. Định hướng tổ chức không gian phát triển các ngành dịch vụ**

- Dịch vụ phải phát huy lợi thế cửa ngõ TP.HCM - ĐBSCL - Campuchia,

đóng vai trò mũi nhọn trong nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Phát triển mạnh dịch vụ logistics, thương mại hiện đại, tài chính – ngân hàng, thương mại biên giới và dịch vụ đô thị tại các trung tâm lớn như Đức Hòa, Bến Lức, Gò Dầu, Trảng Bàng, Long An. Khuyến khích phát triển dịch vụ dựa trên đổi mới sáng tạo, mô hình kinh tế chia sẻ, dịch vụ số, nền tảng số và các ngành công nghiệp văn hóa – du lịch sáng tạo; chủ động liên kết với TP.HCM, Đồng Nai và các tỉnh thành lân cận để mở rộng thị trường, tăng hiệu quả khai thác hạ tầng dịch vụ – logistics – du lịch liên vùng.

Hình thành các trung tâm thương mại lớn, tổ hợp đa chức năng (TTTM - vui chơi - tài chính - công nghệ) tại Trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh.

\* *Vùng đô thị trung tâm tỉnh (Phường Long An, Phường Tân Ninh...):* Phát triển hệ thống TTTM quy mô lớn dọc các trục đô thị - kinh tế chính: QL22B, QL1, Vành đai nội đô và các tuyến kết nối cao tốc. Hình thành các trung tâm mua sắm tích hợp với dịch vụ tài chính, logistics đô thị, giải trí và văn hóa; triển khai mô hình “trung tâm thương mại thông minh”.

\* *Vùng công nghiệp - đô thị phía Nam (phường Trảng Bàng - xã Đức Hòa - xã Bến Lức - xã Cần Giuộc):* Phát triển các siêu thị lớn, TTTM hiện đại phục vụ khu vực đông công nhân, đô thị hóa nhanh. Hình thành trung tâm thương mại - logistics gắn với cụm cảng - ICD Long An và trục cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - TP.HCM - Mộc Bài. Khuyến khích mô hình bán lẻ đa kênh, trung tâm phân phối tự động hóa phục vụ chuỗi cung ứng của các KCN.

\* *Vùng thương mại - dịch vụ biên giới:* Phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại - cửa khẩu, hàng miễn thuế (duty-free), trung tâm mua sắm phục vụ du khách quốc tế. Bố trí hệ thống siêu thị, trung tâm bán lẻ kết nối với thương mại Campuchia và tuyến xuyên Á.

\* *Vùng đô thị - du lịch phía Đông và Tây:* Phát triển siêu thị, trung tâm mua sắm kết hợp du lịch tại Núi Bà Đen, hồ Dầu Tiếng, vùng sinh thái sông Vàm Cỏ Đông - Vàm Cỏ Tây. Khuyến khích mô hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini ở các thị trấn và vùng ven.

\* *Khu vực nông thôn:* Phát triển mạng lưới bán lẻ nông sản an toàn, kết hợp ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc. Tổ chức điểm bán hàng cố định gắn với trung tâm xã, đảm bảo tiếp cận hàng hóa thiết yếu cho người dân.

#### \* **Hạ tầng thương mại:**

**(1) Hệ thống dự trữ và cung ứng xăng dầu, khí đốt:** điều chỉnh quy hoạch được thiết lập theo hướng hiện đại, đa trung tâm và gắn chặt với định hướng phát triển hạ tầng logistics, khu công nghiệp và các đầu mối giao thương cửa khẩu.

Tóm lại, đầu tư xây dựng một số kho, cảng xăng dầu, khí đốt trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tỉnh như sau:

- Phát huy hiệu quả 05 kho xăng dầu đang hiện hữu, gồm: Kho xăng dầu Long Hưng Việt Nam, Kho xăng dầu Tây Ninh, Kho Bến Lức, Kho xăng dầu Tân Tập, Kho xăng dầu của Công ty TNHH Dương Đông - Tây Ninh.

- Phát triển thêm 02 - 04 kho xăng dầu quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup> theo nhu cầu phát triển của thị trường để chủ động nguồn cung xăng dầu tại địa phương, nhất là các địa phương chưa có kho xăng dầu; vị trí và quy mô cụ thể sẽ được xác định trong dự án đầu tư.

- Khuyến khích cải tạo, nâng cấp hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu nhằm đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn mới trong hoạt động kinh doanh xăng dầu; đồng thời khuyến khích đầu tư phát triển cửa hàng bán lẻ xăng dầu, gắn với trạm sạc điện theo nhu cầu thị trường và định hướng sử dụng năng lượng xanh, bảo vệ môi trường.

Đối với dự trữ, cung ứng khí đốt: Phát huy hiệu quả hoạt động của các kho LPG hiện có trên địa bàn tỉnh. Phát triển các trạm cấp LPG trong các khu, cụm công nghiệp nơi doanh nghiệp sản xuất có nhu cầu và các vị trí đảm bảo an toàn theo quy định.

**(2) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại** đồng bộ, đa dạng, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của thị trường trên từng địa bàn; hạ tầng thương mại khu vực thành thị được hiện đại hóa, áp dụng công nghệ số hóa trong quản lý, khai thác, vận hành; hạ tầng thương mại thiết yếu khu vực nông thôn được phát triển đầy đủ, phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và nhu cầu sinh hoạt của người dân.

+ Xây dựng đồng bộ mạng lưới chợ trên địa bàn toàn tỉnh theo hướng ổn định về số lượng, nâng cao chất lượng hạ tầng, bảo đảm an toàn, văn minh, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường; đồng thời nâng cấp một số chợ trung tâm tại các phường đô thị loại II, III làm đầu mối thu gom và phân phối hàng hóa cho khu vực lân cận. Các chợ nông thôn được củng cố theo hướng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Giữ nguyên định hướng bố trí 03 chợ đầu mối tại phường Ninh Thạnh, phường Gò Dầu, phường Long Hoa; quy hoạch bổ sung 02 chợ đầu mối tại phường Long An và An Tịnh.

+ Đối với hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại, tỉnh định hướng phát triển theo mô hình phân bố theo các cực đô thị - công nghiệp, hình thành các điểm cung ứng dịch vụ bán lẻ hiện đại tại các phường, xã đô thị hóa nhanh, các khu công nghiệp và khu dân cư mới. Các trung tâm thương mại quy mô lớn được xác định theo mô hình “quy hoạch mở”, tạo điều kiện linh hoạt cho phát triển không gian thương mại trong quá trình chuyển đổi cơ cấu đô thị sau hợp nhất. Bên cạnh đó, tỉnh định hướng hình thành một trung tâm hội chợ - triển lãm quy mô lớn, đóng vai trò là đầu mối xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tổ chức các sự kiện thương mại trong nước và quốc tế, phù hợp với vai trò của Tây Ninh trong vùng Đông Nam bộ.

Phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại gắn với định hướng xây dựng mô hình chính quyền đô thị 2 cấp, gắn với mô hình đô thị - nông thôn mới của tỉnh sau hợp nhất, nâng cao chất lượng dịch vụ bán lẻ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức cao.

Định hướng phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại phù hợp với phân bố dân cư, đô thị hoá, mô hình phát triển vùng trong tỉnh và kết nối giao thương với TP. Hồ Chí Minh và Campuchia.

Thu hút và phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi tại các xã khu vực biên giới và dọc theo tuyến đường Núi Bà Đen về Thành phố Hồ Chí Minh (ĐT 784, ĐT 782, Quốc lộ 22...).

### **(3) Phát triển Trung tâm triển lãm, hội chợ**

Đưa ra khỏi quy hoạch Trung tâm hội chợ triển lãm cấp tỉnh tại tỉnh Long An và tỉnh Tây Ninh đã được phê duyệt tại Quyết định 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 và Quyết định 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023. Xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm mới gắn với Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh.

### **(4) Phát triển trung tâm logistics**

Phát triển 17 trung logistics nhằm phục vụ vận tải, tiết kiệm chi phí vận chuyển cụ thể như sau:

- Trung tâm Logistics Cần Đước tại xã Cần Đước quy mô 50 ha
- Trung tâm Logistics tại xã Tầm Vu quy mô 150 ha
- Trung tâm Logistics tại xã Bến Lức quy mô 10 ha
- Trung tâm Logistics Thạnh Lợi tại xã Thạnh Lợi 16 ha
- Trung tâm Logistics Lương Hòa tại xã Lương Hòa quy mô 50 ha
- Trung tâm Logistics Phước Vĩnh Đông tại xã Tân Tập quy mô 71,14 ha
- Trung tâm Logistics Bình Hiệp tại khu vực Cửa khẩu Bình Hiệp, xã Bình Hiệp quy mô 10 ha
- Trung tâm Logistics Mỹ Quý Tây tại khu vực Cửa khẩu Mỹ Quý Tây, xã Mỹ Quý quy mô 10 ha
- Trung tâm Logistics tại khu vực cảng quốc tế Long An, xã Tân Tập quy mô 147 ha
- Trung tâm tập kết, phân phối hàng hóa tại xã Vàm Cỏ quy mô 130,4 ha
- Trung tâm Logistics Mộc Bài tại khu vực Cửa khẩu Mộc Bài, xã Bến Cầu quy mô 150 ha
- Trung tâm Logistics Xa Mát tại khu vực Cửa khẩu Xa Mát, xã Tân Lập quy mô 100 ha
- Trung tâm Logistics Hưng Thuận tại xã Hưng Thuận quy mô 260ha
- Trung tâm Logistics Hưng Thuận 2 tại xã Hưng Thuận quy mô thể hiện trong quy hoạch chi tiết phù hợp với phát triển KT-XH của địa phương.
- Trung tâm Logistics Thanh Phước tại phường Gò Dầu quy mô 20 ha
- Trung tâm Logistics Thạnh Đức tại xã Thạnh Đức quy mô 50ha.

- Trung tâm Logistics Gò Dầu tại phường Gò Dầu quy mô thể hiện trong quy hoạch chi tiết phù hợp với phát triển KT-XH của địa phương .

### **(5) Phân vùng phát triển du lịch**

Phát triển du lịch theo 4 phân vùng lớn, một trục chính gồm:

- Vùng văn hóa, tín ngưỡng, sinh thái phía Bắc

Phát triển du lịch văn hóa, đô thị, tận dụng Tây Ninh tiềm năng phát triển đô thị lớn, kết hợp với Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen và các địa điểm du lịch lân cận, kéo dài đến hồ Dầu Tiếng.

- Vùng du lịch bản địa - miệt vườn trung tâm

Du lịch sinh thái, miệt vườn, với các sản phẩm du lịch chính bao gồm du lịch ẩm thực, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, dã ngoại, vui chơi giải trí kết hợp tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

- Vùng du lịch lịch sử, sinh thái phía Bắc

Phát triển du lịch sinh thái, du lịch gắn với các di tích lịch sử, du lịch mạo hiểm và các hoạt động dã ngoại.

- Vùng du lịch sinh thái vùng Đồng Tháp Mười phía Tây

Phát triển du lịch sinh thái, thể thao, du lịch mạo hiểm và các hoạt động dã ngoại.

- Trục du lịch Bắc - Nam gắn với hành lang sông Vàm Cỏ Đông

*Khu vực du lịch trọng điểm:*

▪ Du lịch sinh thái, văn hóa - lịch sử núi Bà Đen gắn với khu du lịch Long Điền Sơn.

▪ Du lịch gắn với hồ Dầu Tiếng.

▪ Cụm du lịch trải nghiệm miệt vườn, hái quả, thưởng thức sản phẩm địa phương, du lịch nghỉ dưỡng trong thiên nhiên khu vực trung tâm tỉnh Tây Ninh.

▪ Cụm du lịch sông nước: phát triển dịch vụ du thuyền và thể thao sông nước.

### **2.3. Định hướng tổ chức không gian phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Tổ chức không gian sản xuất theo vùng chuyên môn hóa, phát huy lợi thế từng tiểu vùng sinh thái; gắn sản xuất với chế biến, bảo quản, logistics và thị trường tiêu thụ, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung và chuỗi giá trị chủ lực của tỉnh. Tăng cường liên kết vùng, phát triển chuỗi giá trị, thúc đẩy chế biến sâu và logistics nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn và góp phần giữ vững ổn định xã hội - môi trường.

#### **a. Vùng trồng trọt chủ lực**

##### **(1) Vùng trồng lúa:**

- Vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

được xác định theo hướng tập trung, bền vững và gắn chặt với tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phù hợp với điều kiện tự nhiên, hạ tầng và định hướng phát triển nông nghiệp của vùng.

- *Vùng trồng lúa có năng suất, chất lượng cao* trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được xác định theo hướng bảo đảm ổn định và sử dụng hiệu quả quỹ đất chuyên trồng lúa, hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô phù hợp, tạo nền tảng cho phát triển lúa chất lượng cao gắn với ứng dụng khoa học – công nghệ và tổ chức sản xuất hiện đại.

**(2) Vùng chuyên canh rau màu:** Bố trí tại các khu vực có điều kiện đất đai phù hợp, hạ tầng thủy lợi chủ động, thuận lợi kết nối thị trường tiêu thụ và tổ chức sản xuất tập trung. Vùng chuyên canh rau màu phân bố tại các xã Trà Vong, Thạnh Bình, Châu Thành, Mỹ Lộc, Tân Biên, Truong Mít, Cần Đức, Cần Giuộc, Vĩnh Hưng, Tuyên Bình, Khánh Hưng và Tân Thành làm cơ sở phát triển sản xuất rau hàng hóa, rau an toàn và rau ứng dụng công nghệ cao.

**(3) Vùng cây ăn quả:** Việc bố trí vùng trồng cây ăn quả được thực hiện theo hướng tập trung, chuyên canh theo từng loại cây chủ lực, phù hợp với điều kiện sinh thái, đất đai, nguồn nước và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

#### **b. Các vùng chăn nuôi tập trung**

Không gian chăn nuôi được tổ chức thành cụm trang trại an toàn sinh học, gắn với vùng sản xuất thức ăn và phụ phẩm nông nghiệp.

- *Chăn nuôi heo và gia cầm:* Tập trung tại các xã có hạ tầng chăn nuôi công nghiệp và gắn các nhà máy thức ăn chăn nuôi. Các khu vực này được định hướng xây dựng khu chăn nuôi tập trung cách xa dân cư, có hệ thống xử lý chất thải và hành lang sinh học.

- *Chăn nuôi bò thịt và bò sữa:* Bố trí tại các xã có đất rộng, đồng cỏ tự nhiên. Khu vực ven hồ Dầu Tiếng (*Dương Minh Châu*) được định hướng thành tiểu vùng bò sữa công nghệ cao, gắn với các trang trại hiện hữu và nhà máy chế biến sữa dự kiến đặt tại Trảng Bàng.

- *Nuôi chim yến:* Phát triển nuôi chim yến tại các khu vực có điều kiện sinh thái phù hợp, gồm vùng Đồng Tháp Mười, khu vực xung quanh Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, Làng nổi Tân Lập, khu vực hồ Dầu Tiếng và các khu vực giáp biên giới, gắn với đất nông nghiệp khác, đất chăn nuôi tập trung và đất sử dụng đa mục đích.

#### **c. Vùng thủy sản:**

Đến năm 2030 được tổ chức theo 03 vùng chức năng tương tự cấu trúc bản gốc, bảo đảm khai thác hợp lý điều kiện sinh thái, nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững.

- Vùng nuôi thủy sản nước lợ được định hướng phát triển các đối tượng nuôi chủ lực là tôm thẻ chân trắng và tôm sú, gắn với kiểm soát môi trường, an toàn sinh học và liên kết chuỗi tiêu thụ.

- Vùng nuôi thủy sản nước ngọt tập trung phát triển cá tra làm đối tượng nuôi chủ lực, hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ cao.

- Vùng nuôi thủy sản khác được quy hoạch phát triển các đối tượng nuôi đa dạng như ba ba, cá lóc, giống cá trê, giống cá rô phi... nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững

**(6) Không gian lâm nghiệp và bảo tồn thiên nhiên:** Khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng hiện hữu, gồm Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát, khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, rừng phòng hộ hồ Dầu Tiếng và rừng phòng hộ khu vực biên giới Long An.

Định hướng hình thành vành đai cây xanh liên tục dọc tuyến biên giới và các hành lang sông chính; phát triển mô hình nông – lâm kết hợp trên đất dốc tại khu vực Tân Châu; gắn lâm nghiệp với du lịch sinh thái rừng tại Lò Gò – Xa Mát và Láng Sen.

### **3. Đề xuất phân vùng KT-XH, phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động KT-XH của tỉnh**

Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh theo mô hình: 03 vùng kinh tế - xã hội, 03 trung tâm, 06 hành lang kinh tế, 03 trục động lực và 01 vành đai biên giới, bảo đảm phát triển cân bằng, bền vững và tăng cường liên kết, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế:

- Ba vùng kinh tế - xã hội:

+ Vùng phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị hỗ trợ quá trình phát triển mở rộng của Thành phố Hồ Chí Minh, gắn với đường Vành đai 3, Vành đai 4, hành lang Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh, hành lang Thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho - Cần Thơ.

+ Vùng phát triển kinh tế cửa khẩu, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái, gắn với tuyến cao tốc 02, vùng Đồng Tháp Mười và vùng biên giới phía Tây.

+ Vùng phát triển năng lượng tái tạo - năng lượng sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch sinh thái, phát triển theo mô hình kinh tế xanh, bền vững, gắn với khu vực Hồ Dầu Tiếng, Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát và vùng biên giới phía Bắc.

- Ba trung tâm:

+ Trung tâm Tân Ninh - Long Hoa là trung tâm văn hóa, giáo dục, thể thao, 12 y tế, du lịch, thương mại, dịch vụ mang đậm bản sắc văn hóa cấp khu vực, vùng Đông Nam Bộ.

+ Trung tâm Tân An - Long An là trung tâm thương mại, dịch vụ hiện đại, giá trị gia tăng cao, công nghiệp, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, giáo dục, đào tạo, y tế, đô thị thông minh.

+ Trung tâm Đức Hoà - Hậu Nghĩa là trung tâm động lực mới để phát triển thành Trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh; là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, logistics, công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ số tập trung, giáo dục, đào tạo, y tế.

- Sáu hành lang kinh tế:

+ Hành lang kinh tế số 1A: Gắn với tuyến đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh; phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ, kết nối tới sân bay quốc tế Long Thành và cảng Cái Mép - Thị Vải.

+ Hành lang kinh tế số 1B: Gắn với tuyến đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng phát triển từ tuyến đường Vành đai 3; phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ, kết nối tới cảng Hiệp Phước, cảng quốc tế Long An.

+ Hành lang kinh tế số 2: Gắn với cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài và cao tốc Gò Dầu - Xa Mát và Quốc lộ 22, Quốc lộ 22B.

+ Hành lang kinh tế số 3A: Gắn với cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đường Hồ Chí Minh đoạn Đức Hòa - Mỹ An (Đồng Tháp), Quốc lộ 1A, kết nối vùng Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh - vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Hành lang kinh tế số 3B: Gắn với cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh- Sóc Trăng, Quốc lộ 50, Quốc lộ 50B; kết nối vùng Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh - vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Hành lang kinh tế số 4: Gắn với đường động lực (bao gồm đường bộ, đường sắt) đi từ Bàu Bàng kết nối đến cửa khẩu Mộc Bài; là một phần của hành lang Xuyên Á - Mộc Bài, kết nối tuyến Cái Mép - Bàu Bàng - Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài và khu vực Đông Nam Á.

- Ba trục động lực:

+ Trục động lực số 5A: Gắn với Quốc lộ N1, đường tuần tra biên giới, liên kết Đông - Tây với vùng Đồng Tháp Mười và khu kinh tế cửa khẩu Long An.

+ Trục động lực số 5B: gắn với tuyến đường Tân An - Bình Hiệp, Quốc lộ 62, kết nối khu kinh tế cửa khẩu Bình Hiệp với trung tâm phường Long An.

+ Trục động lực số 6: Gắn với tuyến đường mới kết nối 03 trung tâm Tân Ninh - Đức Hòa - Tân An, tạo trục phát triển Bắc - Nam mới, kết nối các đô thị 13 trung tâm với hệ thống vành đai, cao tốc và các đường tỉnh.

- Một vành đai biên giới: Gắn với tuyến Quốc lộ 14C, đường tuần tra biên giới và liên kết chặt chẽ với tuyến N1; là hành lang hỗ trợ bảo đảm quốc phòng - an ninh và an sinh xã hội cho vùng biên mậu.

#### **4. Phương án phát triển hệ thống đô thị**

Phát triển hệ thống đô thị hài hòa, theo hướng thông minh, hiện đại và phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng đô thị, sử dụng hiệu quả đất đai. Hình thành các trọng điểm đô thị bao gồm: Tân Ninh, Hòa Thành, Trảng Bàng, Hậu Nghĩa - Đức Hòa, Bến Lức, Tân An, Cần Giuộc, Cần Đước gắn kết dựa trên các tuyến

giao thông liên vùng, kết nối giao thông công cộng tới Thành phố Hồ Chí Minh và trực động lực kết nối các trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh. Đến năm 2030, hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh định hướng phân loại như sau:

- 05 đô thị loại II (phạm vi phân loại 14 - 17 đơn vị hành chính cấp xã): Tân An (gồm các phường Tân An, Long An, Khánh Hậu, phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị cho xã Vĩnh Công); Tân Ninh (gồm các phường Tân Ninh, Bình Minh, Ninh Thạnh); Hòa Thành (gồm các phường Hòa Thành, Long Hoa, Thanh Điền và phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị cho xã Thạnh Đức); Trảng Bàng (gồm các phường Trảng Bàng, An Tịnh, Gia Lộc, Gò Dầu và phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị cho xã Hưng Thuận) và Kiến Tường, trong đó, phường Kiến Tường là đô thị hiện hữu và 04 đô thị trên là các đô thị mở rộng.

- 04 đô thị mới định hướng phân loại đạt tiêu chuẩn đô thị loại II (với phạm vi phân loại là 23 đơn vị hành chính cấp xã) bao gồm: Đô thị mới Đức Hòa gồm phường Đức Hòa, Hậu Nghĩa, Hiệp Hòa và lựa chọn các xã Hòa Khánh, Đức Lập, Mỹ Hạnh, An Ninh phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị; Đô thị mới Bến Lức gồm phường Bến Lức và lựa chọn các xã Mỹ Yên, Lương Hòa, Thạnh Lợi, Bình Đức phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị; Đô thị mới Cần Giuộc gồm phường Cần Giuộc và lựa chọn các xã Phước Vĩnh Tây, Phước Lý, Mỹ Lộc, Tân Tập phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị; Đô thị mới Cần Đước gồm Cần Đước, Rạch Kiến và lựa chọn các xã Long Hựu, Long Cang, Mỹ Lệ, Tân Lân phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị.

- 16 đô thị phân loại đạt tiêu chuẩn đô thị loại III: Đông Thành, Đức Huệ; Thủ Thừa; Tân Trụ, Tầm Vu; Vĩnh Hưng; Tân Thạnh; Mộc Hóa; Thạnh Hóa; Tân Hưng; Bến Cầu - Mộc Bài; Dương Minh Châu; Châu Thành; Tân Biên; Tân Châu, Tân Phú và phần đầu đánh giá, phân loại đơn vị hành chính là phường.

- 08 đơn vị hành chính cấp xã phần đầu xác định đạt trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III gồm: Vĩnh Công; Thạnh Đức; Hưng Thuận; Phước Chỉ, Long Thuận; Tân Phú; Tân Lập và Nhựt Tảo.

Hình thành cấu trúc phát triển đa trung tâm đô thị bao gồm: Trung tâm Tân An với lợi thế về kinh tế, tài chính, dịch vụ logistics, thu hút công nghệ cao, công nghệ số, trung tâm giáo dục, đào tạo, y tế; Trung tâm Tân Ninh - Hòa Thành có chức năng giao thương, văn hóa, du lịch và dịch vụ du lịch mang đậm bản sắc văn hóa cấp khu vực, vùng Đông Nam Bộ; Trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, logistics, công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ số tập trung, giáo dục, đào tạo, y tế phía Bắc khu vực đô thị Đức Hòa - Hậu Nghĩa

## **5. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn**

- Phát triển khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - xã hội thiết yếu, nâng cao chất lượng sống của người dân, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới và địa bàn đặc biệt khó khăn; giữ gìn và phát huy bản sắc cộng đồng, gắn với phát triển du lịch.

- Khu vực nông thôn được tổ chức thành 05 vùng, gồm:

+ Vùng biên giới phía Bắc và lân cận (các xã Tân Hòa, Tân Thành, Tân Hội, Tân Đông, Tân Lập, Tân Biên, Thạnh Bình, Phước Vinh, Trà Vong và đô thị Tân Châu): Chủ động khai thác các cơ hội hợp tác với Campuchia trong phát triển nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến; phát triển du lịch lịch sử, về nguồn, tham quan, sinh thái; phát triển kinh tế biên mậu, giữ vững quốc phòng, an ninh.

+ Vùng trung tâm phía Bắc (Tân Phú, Dương Minh Châu kết nối trung tâm phường Bình Minh, Tân Ninh, Ninh Thạnh, Hòa Thành, Long Hoa, Thanh Điền): Quy hoạch đô thị và nông thôn hình thành khu đô thị, điểm dân cư nông thôn (chỉnh trang và phát triển mới) hoàn thiện, bảo đảm tiêu chí theo quy định; phát huy thế mạnh, phát triển lan tỏa các loại hình giao thương, văn hóa, du lịch, dịch vụ du lịch bản sắc kết hợp phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đặc sản với chỉnh trang và phát triển đô thị.

+ Vùng đệm trung tâm (Hung Thuận, Lộc Ninh, Truong Mít, Phước Trạch, Bến Cầu, Phước Chỉ, An Ninh, Mỹ Quý, Hiệp Hoà, Đông Thành, Đức Lập, Mỹ Hạnh, Hoà Khánh, Thạnh Lợi, Lương Hòa, Bến Lức, Bình Đức, Mỹ Yên, Thủ Thừa, Mỹ An, Mỹ Thạnh, Tân Long): Quy hoạch đô thị và nông thôn hình thành khu đô thị, điểm dân cư nông thôn (chỉnh trang và phát triển mới) bảo đảm tiêu chí theo quy định; phát triển các loại hình dịch vụ, công nghiệp, logistics, công nghệ cao, công nghệ số; nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; duy trì, phát triển làng nghề truyền thống kết hợp du lịch sinh thái, trải nghiệm, tham quan theo hình thức du lịch cộng đồng.

+ Vùng Đồng Tháp Mười (Khánh Hưng, Hưng Điền, Vĩnh Hưng, Vĩnh Thạnh, Tân Hưng, Tuyên Bình, Vĩnh Châu, Bình Hiệp, Tuyên Thạnh, Hậu Thạnh, Bình Hòa, Mộc Hóa, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh): Phát triển, chỉnh trang hoàn thiện các cụm, tuyến dân cư; Quy hoạch đô thị và nông thôn hình thành khu đô thị, điểm dân cư nông thôn (chỉnh trang và phát triển mới) bảo đảm tiêu chí theo quy định; phát triển các loại hình nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển các làng nghề truyền thống kết hợp du lịch sinh thái, trải nghiệm, tham quan, du lịch cộng đồng.

+ Vùng phía Nam (Phước Vĩnh Tây, Tân Tập, Tân Lân, Thuận Mỹ, An Lục Long, Tâm Vu, Vàm Cỏ, Mỹ Lệ, Mỹ Lộc, Phước Lý, Tân Trụ, Vĩnh Công): Hình thành các khu đô thị mới tại các đô thị, khu vực phát triển đô thị mới đảm bảo các loại hình dịch vụ phục vụ dân cư, sản xuất; Quy hoạch đô thị và nông thôn hình thành khu đô thị, điểm dân cư nông thôn (chỉnh trang, phát triển mới) hoàn thiện, bảo đảm tiêu chí theo quy định; phát triển các loại hình nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các loại hình sản xuất phù hợp; phát triển nghề truyền thống kết hợp du lịch sinh thái, trải nghiệm, du lịch cộng đồng.

## **6. Phương án phát triển các khu chức năng**

### **6.1. Khu kinh tế**

#### **a. KKTCK Mộc Bài**

Tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo Quyết định số 1126/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045. Phát triển KKTCK Mộc Bài trở thành vùng động lực mới, cực tăng trưởng kinh tế có tầm cạnh tranh với khu vực và quốc tế; là đầu mối giao thương quan trọng của vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giữa Việt Nam với Campuchia và khu vực ASEAN; là trung tâm dịch vụ cửa khẩu, cảng trung chuyển container quốc tế và dịch vụ logistic; là trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ biên giới đất liền tại vùng Đông Nam Bộ

### ***b. KKTCK Long An***

Phát triển KKTCK Long An với quy mô khoảng 13.146 ha trên địa bàn các xã Bình Hiệp, Tuyên Bình và Mộc Hóa.

Phát triển KKTCK Long An trở thành trung tâm động lực phát triển kinh tế - thương mại biên giới phía Tây của vùng, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc kết nối giao thương giữa Việt Nam và Campuchia, đồng thời là cửa ngõ chiến lược về logistics, công nghiệp chế biến và dịch vụ xuất nhập khẩu của khu vực, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố an ninh quốc phòng khu vực biên giới.

Đến năm 2030, Khu kinh tế cửa khẩu Long An phân đầu trở thành trung tâm logistics và thương mại biên giới trọng điểm của vùng Đông Nam Bộ với cơ cấu kinh tế hiện đại, trong đó dịch vụ - logistics chiếm tỷ trọng cao và tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân vượt mức trung bình của vùng. Khu vực cửa khẩu quốc tế và khu công nghiệp chế biến xuất khẩu hoạt động ổn định, thu hút đông đảo doanh nghiệp trong và ngoài nước, hình thành cụm sản xuất - xuất khẩu - logistics khép kín. Đô thị cửa khẩu Bình Hiệp - Kiến Tường được phát triển theo hướng hiện đại, xanh, thân thiện môi trường, trở thành đô thị cửa khẩu kiểu mẫu, vừa là động lực tăng trưởng kinh tế, vừa là điểm nhấn giao thương quốc tế của vùng Đông Nam Bộ mới.

### ***c. KKTCK Xa Mát***

Giữ nguyên bố trí theo quy hoạch đã được phê duyệt, tăng quy mô thêm 693 ha, tổng diện tích tự nhiên đạt 34.890 trên địa bàn xã Tân Biên và xã Tân Lập. Tiếp tục phát triển KCN đã quy hoạch với quy mô 300 ha.

Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát theo phương án Quy hoạch chung đến năm 2050 đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp chế biến xuất khẩu, dịch vụ logistics - kho vận, trung chuyển hàng hóa, thương mại biên giới. Bên cạnh đó, phát triển dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, thanh toán quốc tế, kho ngoại quan gắn với hoạt động cửa khẩu nhằm tạo hệ sinh thái dịch vụ hoàn chỉnh cho các hoạt động xuất nhập khẩu và giao thương biên giới. Hỗ trợ doanh nghiệp hiện hữu mở rộng sản xuất kinh doanh, tận dụng quỹ đất đã bồi thường, giải phóng mặt bằng để kêu gọi đầu tư. Đất khu dân cư và cụm công nghiệp chưa triển khai sẽ được đưa vào quỹ đất dự trữ để sử dụng hiệu quả.

Đến năm 2030, Xa Mát hoàn thành khung hạ tầng chủ yếu, hình thành các khu chức năng công nghiệp - đô thị - dịch vụ cửa khẩu đi vào vận hành ổn định; dịch vụ - logistics trở thành lĩnh vực chủ đạo trong cơ cấu kinh tế; khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát đạt tầm quốc tế, có vai trò lan tỏa cho vùng Đông Nam Bộ mới.

#### ***d. KKT Chuyên biệt Long An***

Thành lập Khu kinh tế Chuyên biệt Long An với quy mô khoảng 12.930 ha trên địa bàn các xã Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây và Tân Tập; phía Đông giáp TP.HCM và sông Soài Rạp, phía Tây giáp Quốc lộ 50, và phía Nam giáp sông Vàm Cỏ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phê duyệt “Đề án thành lập Khu kinh tế chuyên biệt Long An”, tích hợp với các nghiên cứu phát triển Khu thương mại tự do Cái Mép Hạ để có những chức năng bổ trợ trong tổng thể cụm cảng biển quốc tế vùng Đông Nam Bộ. Trên cơ sở đó, phát triển Khu kinh tế chuyên biệt Long An trên địa bàn các xã Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây, Tân Lập, và Tân Tập, trở thành khu kinh tế tổng hợp, là trung tâm chuyên sâu về công nghiệp, thương mại, đô thị và dịch vụ hậu cần cảng biển và logistics của vùng thành phố Hồ Chí Minh, cảng nội địa của miền Nam; trung tâm kết nối, trung chuyển hàng hóa và giao thương giữa TP. Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, kết nối với các địa phương khác trong tỉnh trên tuyến vành đai 4 của TP. Hồ Chí Minh; trung tâm sản xuất công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, vùng nông nghiệp công nghệ cao phía Tây Nam thành phố Hồ Chí Minh; đô thị sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

#### ***6.2. Khu công nghiệp***

Phát triển các khu công nghiệp phân bố chủ yếu theo các hành lang kinh tế và trục động lực gắn với Vành đai 3 và Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, cao tốc Bắc - Nam phía Tây, vành đai Bà Rịa - Mộc Bài. Ưu tiên phát triển các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên ngành gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Phấn đấu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hình thành các khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 46.495 ha.

Định hướng phát triển KCN chủ yếu nằm trong các vùng động lực kinh tế của tỉnh, có điều kiện thuận lợi về mặt bằng, kết nối các hạ tầng, nhất là các hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước, kết nối thông suốt, đồng bộ với cảng biển, trung tâm đầu mối logistics và thuận lợi cho việc thu hút lao động. Việc phát triển KCN phải gắn với phát triển đô thị, dịch vụ và nhà ở đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao sức hút với chuyên gia và người lao động. Nghiên cứu, xây dựng các đô thị công nghiệp mới ở những vùng đất ít lợi thế cạnh tranh trong phát triển nông nghiệp như khu vực Đức Hòa, Bến Lức, Cần Đức, Cần Giuộc,...

Đọc các hành lang kinh tế của tỉnh, được xác định theo các tuyến giao thông liên tỉnh, hướng kết nối với trung tâm kinh tế của vùng là TP. HCM, định hướng bố trí, phát triển các KCN phân bố chủ yếu theo các trục: Vành đai 3 và 4, cao tốc TP. HCM - Mộc Bài, cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn kết nối TP. HCM - Hưng Thuận đến xã Tân Long, vành đai Bà Rịa - Mộc Bài. Đây là các khu vực nằm trong vùng động lực kinh tế của tỉnh, có điều kiện về quỹ đất, thuận lợi cho việc

kết nối các hạ tầng; đồng thời, đây cũng là những khu vực thuận lợi cho việc thu hút lao động và đặc biệt là thuận lợi về kết nối thị trường, kết nối với các cảng hàng không, cảng biển lớn trong vùng Đông Nam Bộ.

Hạn chế phát triển công nghiệp dọc sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các vùng cửa sông; hạn chế phát triển khu công nghiệp bám theo dọc các tuyến đường huyết mạch và trên đất nông nghiệp có năng suất ổn định và tại các khu vực khó có khả năng đền bù, giải phóng mặt bằng; tôn trọng các khu vực tín ngưỡng của người dân.

Giai đoạn sau 2030: Nghiên cứu đưa vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2031-2040 các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao (thân thiện với môi trường), khu công nghiệp công nghệ số... tại các phường thuộc Tp. Tân An (cũ).

Lộ trình phát triển các KCN mở mới, mở rộng sẽ phải đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật về KCN và chỉ tiêu sử dụng đất được quốc gia phân bổ.

### **6.3. Cụm công nghiệp**

Định hướng bổ sung CCN mới, trong đó có một số CCN đề xuất nằm tại các xã trong vùng nông nghiệp và biên giới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các khu vực chưa có điều kiện hình thành các KCN quy mô lớn, giải quyết vấn đề môi trường; đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển công nghiệp của tỉnh. Phát triển các cụm công nghiệp theo hướng tổng hợp đa ngành; ưu tiên các cụm công nghiệp chế biến nông sản tại vùng nông nghiệp và biên giới; từng bước di dời các cụm công nghiệp trong khu vực đô thị. Phần đầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, hình thành các cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 6.225 ha

### **6.4. Khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung**

Ưu tiên xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và từng bước hình thành các khu, đô thị công nghệ cao phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển theo Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch vùng. Mục tiêu đến năm 2030 hình thành ít nhất 01 khu công nghiệp công nghệ thông tin hoặc khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung tại địa bàn tiềm năng, điều kiện phát triển, như: Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài; các đô thị Trảng Bàng, Tân An, Hậu Nghĩa; Khu đô thị - dịch vụ - công nghiệp Thạnh Đức và các xã: Hưng Thuận, Tân Tập, Thạnh Lợi, Lương Hòa,... khi đáp ứng các điều kiện, quy định

### **6.5. Khu du lịch**

Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen trở thành khu du lịch đặc sắc, đẳng cấp quốc tế; đảm bảo yêu cầu về môi trường, tăng cường kết nối với các tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng, tối đa hóa hiệu quả khai thác. Phát triển Khu bảo tồn ngập nước Láng Sen trở thành khu du lịch cấp tỉnh, chú trọng nâng cấp các tuyến giao thông kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đầu tư hạ tầng và hành lang sinh thái kết nối tới Khu du lịch quốc gia tiềm năng Tràm Chim (tỉnh Đồng Tháp).

### **6.6. Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và ứng dụng công nghệ cao**

Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng liên kết chuỗi giá trị, gắn với phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm, chú trọng vào các loại cây trồng và vật nuôi chủ lực. Hình thành vùng sản xuất lúa tập trung, chất lượng cao tại vùng Đồng Tháp Mười; vùng chuyên canh sản xuất rau an toàn, hữu cơ tại các vùng ven đô; vùng chăn nuôi tập trung tại các khu vực có lợi thế về đất đai, mật độ chăn nuôi thấp, có nhiều vùng chuyên canh cây trồng cạn; ổn định diện tích các loại cây công nghiệp tập trung.

### **6.7. Xác định khu quân sự, an ninh**

Bố trí các khu vực quốc phòng, an ninh bảo đảm nguyên tắc giữ vững thế trận phòng thủ, bảo vệ được các địa hình, các công trình phòng thủ có giá trị, sẵn sàng triển khai lực lượng khi có tình huống tác chiến, đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng phương án sử dụng các công trình có tính lưỡng dụng cao. Đồng thời, có phương án sử dụng các công trình có tính lưỡng dụng cao sẵn sàng động viên, huy động sử dụng cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

## **6. Phát triển các lĩnh vực xã hội**

### **6.1. Lĩnh vực y tế**

- Phát triển đồng bộ y tế dự phòng - y tế cơ sở - y tế chuyên sâu, gắn với chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; chú trọng phòng bệnh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng, có ý thức, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội cho phát triển y tế.

- Phát huy giá trị y học dân tộc, thúc đẩy xã hội hóa và đầu tư phát triển lĩnh vực y học cổ truyền; đồng thời kiểm tra, giám sát hoạt động nuôi trồng, sản xuất, kinh doanh dược liệu và khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền trên địa bàn.

- Đến 2030: đạt 12 bác sĩ/vạn dân, 32 giường bệnh/vạn dân; 4 dược sĩ/vạn dân; 11 điều dưỡng/vạn dân; tăng dần tỷ lệ giường bệnh ngoài công lập, phấn đấu đạt khoảng 15% tổng số giường bệnh thông qua xã hội hóa đầu tư, phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế và khả năng huy động nguồn lực xã hội.

- Tăng tỷ lệ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại trạm y tế cấp xã lên trên 20%. Đến năm 2026, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số, đến năm 2030 đạt bao phủ bảo hiểm y tế 100%; phát triển các loại hình bảo hiểm sức khỏe.

Hệ thống trung tâm y tế khu vực được tổ chức lại theo mô hình đa chức năng, bảo đảm khả năng cung ứng dịch vụ y tế cơ bản cho người dân tại chỗ và giảm áp lực lên tuyến tỉnh. Các trung tâm y tế có giường bệnh được đầu tư nâng cao năng lực khám chữa bệnh, hoàn thiện hạ tầng và cải thiện khả năng cấp cứu liên viện, trong khi các trung tâm không có giường bệnh tiếp tục được củng cố theo hướng chuyên sâu về y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu và quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng. Mạng lưới này đóng vai trò cầu nối quan trọng trong việc liên kết giữa các bệnh viện tuyến tỉnh và mạng lưới trạm y tế, bảo đảm người

dân ở mọi khu vực đều có điều kiện tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện.

Đến năm 2030, Quy hoạch 01 Khu phức hợp về y tế do Bộ Y tế quản lý, có quy mô 100 ha trên địa bàn giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm hình thành một trung tâm y khoa cấp vùng, tích hợp các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, điều trị chuyên sâu và chuyển giao kỹ thuật cao. Khu phức hợp này được xem là động lực quan trọng trong việc nâng cao chất lượng y tế của tỉnh, đồng thời tạo điều kiện gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo - nghiên cứu - khám chữa bệnh để nâng cao năng lực hệ thống y tế địa phương.

Phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện, đảm bảo Tây Ninh có 1 trung tâm điều phối cấp cứu và tổ chức các điểm vệ tinh thực hiện cấp cứu ngoại viện tại các bệnh viện đa khoa cấp chuyên sâu của tỉnh.

Phát triển hạ tầng y tế tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch cụ thể như sau:

- Giữ nguyên và tiếp tục đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng và hiện đại hóa trang thiết bị tại các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và bệnh viện đa khoa khu vực tuyến tỉnh: Bệnh viện đa khoa Long An; Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh; Bệnh viện Phổi Long An; Bệnh viện Phổi Tây Ninh; Bệnh viện Phục hồi chức năng Tây Ninh; Bệnh viện Tâm thần Tây Ninh; Bệnh viện đa khoa khu vực Cần Giuộc; Bệnh viện đa khoa khu vực Kiến Tường; Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa..

Nâng cấp chuyên khoa: Nâng cấp Bệnh viện Phục hồi chức năng Tây Ninh thành Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng tại phường Tân Ninh.

Điều chỉnh vị trí Bệnh viện chuyên khoa Sản nhi về vị trí mới tại xã Hậu Nghĩa. Quy hoạch 01 Khu phức hợp về y tế do Bộ Y tế quản lý, có quy mô 100 ha trên địa bàn giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng mới: Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh, Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Long An, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Da liễu, Bệnh viện Tai mũi họng - Răng hàm mặt, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp Y, Trung tâm chẩn đoán y khoa.

Đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tây Ninh, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Tây Ninh và Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Tây Ninh.

- Giữ nguyên và tiếp tục đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất 21 Trung tâm y tế khu vực đa chức năng: Trung tâm Y tế khu vực đa chức năng (có giường bệnh), gồm: Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Đức Huệ, Thạnh Hóa, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Tân Trụ, Tầm Vu, Đức Hòa, Tân Thạnh, Cần Đước, Châu Thành, Tân Ninh, Trảng Bàng, Bến Cầu, Gò Dầu, Hòa Thành, Tân Biên, Tân Châu và Dương Minh Châu.

- củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng; nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh Tiếp tục đầu tư 96/96 trạm y tế xã, phường bảo đảm duy trì 100% trạm y tế

đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Phát huy vai trò y tế cơ sở trong chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe người dân và phòng, chống dịch bệnh tại cộng đồng.

- Nâng cao năng lực Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) và y tế dự phòng trong giám sát dịch tễ, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các ổ dịch.

#### b) Bảo trợ xã hội:

Phát triển mạng lưới trợ giúp xã hội được lồng ghép với định hướng xây dựng đô thị, khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu. Tỉnh xác định việc bố trí quỹ đất cho các cơ sở trợ giúp xã hội phải đi trước một bước trong các khu vực phát triển đô thị mới, bảo đảm có đủ diện tích để xây dựng các cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc và hỗ trợ khẩn cấp khi có biến động xã hội, thiên tai hoặc dịch bệnh. Các mô hình chăm sóc tại cộng đồng, chăm sóc thay thế, hỗ trợ tại nhà được khuyến khích mở rộng nhằm giảm tải cho hệ thống cơ sở tập trung, phù hợp với xu hướng trợ giúp xã hội hiện đại.

Giữ 02 Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh. Hình thành các trung tâm an sinh xã hội chuyên sâu tại những khu vực có mật độ dân số cao, khu vực biên giới có tỷ lệ đối tượng người yếu thế lớn, đảm bảo nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ an sinh của người dân. Bổ sung Khu nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại xã Vĩnh Hưng; đưa ra khỏi quy hoạch cơ sở Mái ấm Tâm Đức (xã Đức Hòa) và Cơ sở trợ giúp xã hội Bàu Sen (xã Hậu Nghĩa) đã được phê duyệt tại Quyết định 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh cơ sở điều dưỡng chuyên biệt, tỉnh định hướng phát triển hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng đa tầng, trong đó các trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các cơ sở nuôi dưỡng người già neo đơn được rà soát, nâng cấp và bố trí lại theo không gian phù hợp. Trong giai đoạn 2026-2030, tỉnh tập trung đầu tư cải tạo và chuẩn hóa cơ sở vật chất các trung tâm hiện hữu, đồng thời xem xét hình thành các trung tâm chuyên sâu tại những khu vực có mật độ dân cư cao hoặc khu vực biên giới có tỷ lệ đối tượng yếu thế lớn nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ an sinh của người dân; giữ nguyên 02 Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh; củng cố, nâng cấp làng dưỡng lão Phúc An tại xã Mỹ Hạnh thay thế Gia đình Đức Ái, đồng thời đưa ra khỏi quy hoạch cơ sở Mái ấm Tâm Đức (xã Đức Hòa) và Cơ sở trợ giúp xã hội Bàu Sen (xã Hậu Nghĩa) đã được phê duyệt tại Quyết định 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Song song với đầu tư hạ tầng, tỉnh chú trọng phát triển nguồn nhân lực làm công tác trợ giúp xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ đối tượng và cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ, bảo đảm người yếu thế được tiếp cận các quyền lợi một cách công bằng, minh bạch. Việc xã hội hóa dịch vụ trợ giúp xã hội được triển khai có chọn lọc, phù hợp với từng loại hình, nhằm đa dạng hóa nguồn lực mà vẫn bảo đảm vai trò chủ đạo của Nhà nước trong việc chăm lo đối tượng khó khăn.

## **6.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Phát triển giáo dục phải gắn với chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy -

học và nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên. Đồng thời, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, ưu tiên vùng khó khăn, biên giới; huy động các nguồn lực xã hội để phát triển cơ sở vật chất, trường lớp theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa.

Tỉnh tập trung xây dựng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học; chú trọng giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật và nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành công nghiệp, logistics, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch.

Đến năm 2030:

- 80% trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
- 85% thanh niên trong độ tuổi hoàn thành THPT hoặc tương đương.
- 24% lực lượng lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên.
- Hoàn thiện phổ cập mầm non 3-5 tuổi trên toàn tỉnh.
- 100% cơ sở giáo dục áp dụng quản trị số; ít nhất 70% trường học đạt tiêu chí “trường học thông minh”.

*\* Hạ tầng giáo dục và đào tạo:*

- Phát triển hệ thống trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, gồm: Xây mới 08 trường tại các xã Phước Chỉ, Long Thuận, Mỹ Quý, Bến Cầu, Tân Đông, Ninh Điền, Hưng Điền, Long Chữ; cải tạo 01 trường tại xã Tuyên Bình và nâng cấp 10 trường tại các xã Tân Lập, Khánh Hưng, Đông Thành, Phước Vinh, Bình Hòa, Tân Biên, Hòa Hội, Bình Hiệp, Tân Hòa, Bình Thành nhằm bảo đảm cơ hội học tập cho học sinh vùng sâu, vùng xa và khu vực biên giới; trong đó có một số trường xây mới, một số trường cải tạo và trường được nâng cấp từ cơ sở hiện hữu.

- Về phát triển mạng lưới trường THPT: Xây mới cơ sở giáo dục công lập trường THPT Bình Đức (xã Bình Đức); trường THPT Hòa Khánh Nam (xã Hòa Khánh); trường THPT Mỹ Hạnh Nam (xã Mỹ Hạnh). Kêu gọi xã hội hóa đầu tư mạng lưới trường THPT trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển và nhu cầu đầu tư của tỉnh.

- Đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, phương án sắp xếp tập trung vào việc hợp nhất các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo từng khu vực, tổ chức lại 07 trung tâm hiện hữu thành 03 trường trung học nghề có quy mô lớn hơn, đủ năng lực triển khai cả đào tạo nghề và chương trình giáo dục thường xuyên, cụ thể: Tổ chức lại Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 1 thành trường Trung học nghề Tân Ninh; Hợp nhất 03 trung tâm: Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 2, Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 3, Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 4 thành trường Trung học nghề Tân Châu; Hợp nhất 03 trung tâm: Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 5, Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 6,.

- Đối với các trường Cao đẳng, tiếp tục thực hiện tái cấu trúc hệ thống nhằm hình thành các cơ sở đào tạo nghề có quy mô lớn, chất lượng cao: nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh thành Phân hiệu trường đại học Sư phạm Thành phố

Hồ Chí Minh; sáp nhập trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh vào trường Cao đẳng nghề Tây Ninh thành trường Cao đẳng Tây Ninh; nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị Trường Cao đẳng Y tế Long An, các trường cao đẳng còn lại tiếp tục được giữ ổn định, bảo đảm đa dạng hóa lĩnh vực đào tạo phục vụ nhu cầu nhân lực của tỉnh.

- Đối với các trường Đại học: Khuyến khích phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế chủ lực, ngành có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh của tỉnh Tây Ninh: giữ nguyên Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An (khoảng 1 ha), Trường Đại học Tân Tạo (khoảng 58,5 ha), Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh - Phân hiệu Long An và xây mới trường Đại học Tâm Anh (xã Bến Lức), quy mô khoảng 8 ha, nhằm mở rộng cơ hội đào tạo tại chỗ, giảm áp lực di chuyển của người học và tăng cường gắn kết với nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp trong tỉnh.

Định hướng khuyến khích các cơ sở đào tạo lớn từ Thành phố Hồ Chí Minh mở phân hiệu như Phân hiệu Đại học Sài Gòn, Đại học Ngoại thương, kết hợp phát triển trung tâm giáo dục, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. Khuyến khích các trường đại học thiết lập các campus vệ tinh tại các đô thị liền kề TP. Hồ Chí Minh, gồm Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc.

- Đối với cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật: Sáp nhập trường Khuyết tật tỉnh Tây Ninh và trung tâm Nuôi dạy trẻ Khiếm thị Tây Ninh thành trường Giáo dục chuyên biệt Tây Ninh, giúp hình thành một cơ sở quy mô lớn hơn, đủ năng lực chăm sóc, giáo dục và hỗ trợ người khuyết tật toàn diện, bám sát chủ trương tinh gọn bộ máy và tối ưu hóa nguồn lực.

- Song song với tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục chính quy, tỉnh tiếp tục củng cố mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng tại tất cả các đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm cơ hội học tập suốt đời cho người dân, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu nâng cao kỹ năng lao động.

### **6.3. Văn hoá và thể dục thể thao**

- Xây dựng Tây Ninh trở thành một trong những trung tâm văn hóa - thể thao quan trọng của vùng Đông Nam Bộ, có bản sắc riêng, gắn với du lịch, lễ hội. Giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh; bảo tồn, tôn tạo và khai thác hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa, ưu tiên các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia. Phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hóa gắn với chuyển đổi số, kinh tế đêm và các ngành công nghiệp liên quan.

- Tập trung phát triển không gian văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; thúc đẩy chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa - giải trí - du lịch. Chú trọng văn hoá cơ sở, phát triển phong trào văn hóa - văn nghệ quần chúng sâu rộng, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng biên giới và địa bàn tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp.

Giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh. Bảo

tồn, tôn tạo và khai thác hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa, gắn với phát triển du lịch bền vững.

Đến năm 2030 có 100% trung tâm và điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao cấp xã hoạt động chất lượng tốt; giữ vững và công nhận trên 95% hộ gia đình văn hóa; giữ vững và công nhận trên 95% ấp khu phố, văn hóa; 100% phường đô thị đạt chuẩn đô thị văn minh; Số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đến năm 2030 đạt trên 40% dân số. Đến năm 2030 đạt 100% số xã, phường có thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch..

- Thực hiện bảo tồn và tôn tạo hệ thống đình thần, duy trì, bảo tồn và phát huy giá trị của 223 di tích được xếp hạng (di sản văn hoá vật thể) trong đó có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 50 di tích cấp quốc gia, 172 di tích cấp tỉnh; 17 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, trong đó có 01 di sản văn hóa phi vật thể nhân loại (nghệ thuật Đờn ca tài tử); 02 bảo vật quốc gia là bộ sưu tập hiện vật vàng và tượng thần Visnu bằng đá thuộc nền văn hóa Óc Eo cùng các công trình văn hóa hiện hữu trên địa bàn, gắn với phát triển du lịch văn hóa, giáo dục truyền thống và nâng cao bản sắc địa phương.

- Xây dựng Bảo tàng - Thư viện tỉnh, Trung tâm Văn hoá - Thể thao Đồng Tháp Mười; bổ sung xây mới Trung tâm Văn hoá tỉnh. Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại khu vực Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh.

- Đầu tư nâng cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các công trình thể dục, thể thao hiện có. Xây dựng khu Liên hợp thể thao của tỉnh gắn với khu vực quy hoạch khu đô thị thể thao. Xây dựng nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể thao và Trường Thể dục thể thao tại Cơ sở 2 (xã Châu Thành). Phát triển sân golf đáp ứng nhu cầu đa dạng hoá hình thức vui chơi, giải trí, gắn với các khu vực phát triển du lịch, kết nối thuận tiện với các đô thị lớn, bảo đảm khai thác, sử dụng tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất nguồn lực đất đai.

- Song song với đầu tư các công trình cấp tỉnh, tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao hiện hữu như Trung tâm Văn hóa nghệ thuật Long An, Đoàn nghệ thuật Cải lương Long An, Đoàn xiếc nhân dân Long An, Trường Thể dục, Thể thao Long An, bảo đảm phù hợp với chức năng phục vụ cộng đồng sau hợp nhất tỉnh và đáp ứng tiêu chuẩn mới trong hoạt động nghệ thuật - thể thao.

- Quy hoạch các cụm sân khấu và nhà hát mới tại, gắn với quỹ đất văn hóa - nghệ thuật trong các khu đô thị mới và khu phức hợp thương mại - dịch vụ. Các cụm này được thiết kế theo mô hình “trung tâm trình diễn kết hợp đào tạo - giao lưu - sáng tạo”, đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện quy mô lớn.

- Phát triển cụm bối cảnh phim biên giới, tín ngưỡng, nông nghiệp (núi Bà Đen - Trảng Bàng - Đức Hòa). Khuyến khích rạp chiếu phim tư nhân tại các cực dân cư mới; tổ chức Liên hoan phim khu vực.

- Tổ chức, sắp xếp lại hệ thống trung tâm văn hóa, trung tâm văn hóa - thể

thao ở các huyện cũ. Theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, các trung tâm này được chuyển về cấp xã quản lý tại nơi đặt trụ sở, thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ sự nghiệp văn hóa - thể thao cho người dân trên địa bàn xã và liên xã. Việc tổ chức lại giúp tạo sự thống nhất trong quản lý, tinh gọn bộ máy và bảo đảm các thiết chế cơ sở tiếp tục đáp ứng đầy đủ yêu cầu về tuyên truyền, triển lãm, văn nghệ, thể thao cộng đồng và các hoạt động vui chơi giải trí. Sau khi chuyển đổi, các thiết chế này tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp phù hợp với nhu cầu thực tiễn và tiêu chuẩn của thiết chế văn hóa - thể thao trong mô hình mới. Cụ thể: Chuyển Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc các trung tâm khác ở các huyện trước đây (Tân An, Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc, Châu Thành, Đức Hòa, Đức Huệ, Mộc Hóa, Tân Hưng, Tân Thạnh, Tân Trụ, Thạnh Hóa, Thủ Thừa và Vĩnh Hưng, Tây Ninh, Trảng Bàng, Hòa Thành, Gò Dầu, Tân Châu, Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên, Bến Cầu) có hoạt động văn hóa, thể thao về cấp xã quản lý (nơi đặt trụ sở chính của các đơn vị này).

- Đối với những xã mới hình thành sau hợp nhất nhưng không có thiết chế văn hóa - thể thao cấp huyện trước đây, tỉnh ưu tiên lựa chọn một thiết chế cấp xã hiện hữu đạt chuẩn hoặc có điều kiện thuận lợi để chỉnh trang, đầu tư nâng cấp và phát triển thành thiết chế chính thức của xã mới. Trong trường hợp chưa có cơ sở đạt chuẩn, phương án đầu tư mới hoặc cải tạo mở rộng được xem xét theo hướng tập trung mở rộng quỹ đất và bố trí không gian tại vị trí trung tâm, bảo đảm đáp ứng đầy đủ chức năng hoạt động văn hóa, thể thao và cung ứng dịch vụ công thiết yếu. Các thiết chế còn lại tại các xã cũ sẽ được vận hành như các cơ sở vệ tinh, tạo mạng lưới phục vụ rộng khắp và phù hợp với đặc thù mỗi địa bàn.

- Bên cạnh đó, tỉnh tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư quan trọng như xây dựng các sân vận động tại Cần Giuộc, Đức Hòa, Mộc Hóa, Bến Lức, Tân Thạnh và Cần Đước; phát triển hệ thống quảng trường mới tại Tân An, Mộc Hóa và Tân Trụ nhằm hình thành không gian sinh hoạt cộng đồng quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu tổ chức sự kiện, lễ hội và hoạt động văn hóa ngoài trời. Bố trí không gian biểu diễn ngoài trời ở khu vực Núi Bà Đen.

- Xây dựng khu du lịch - thể thao sinh thái gắn với hồ Dầu Tiếng và các khu bảo tồn sinh thái.

- Xây dựng Trung tâm Thể thao Quốc phòng (Tây Ninh) - trung tâm huấn luyện, thể thao quân đội và kết hợp khai thác phục vụ du lịch, đào tạo thể thao quốc phòng - an ninh.

#### **6.4. Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo**

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành ba trụ cột giữ vai trò trung tâm và là động lực quan trọng cho phát triển, tăng trưởng tỉnh Tây Ninh đến năm 2030; qua đó đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu được giao theo Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là động lực quan

trọng của tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo bứt phá về năng suất và chất lượng; ưu tiên phát triển gắn với chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tập trung ưu tiên đầu tư công nghệ số, công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường tìm kiếm công nghệ mới; đẩy mạnh hợp tác chuyên gia công nghệ và nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn và có giá trị ứng dụng cao. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khoa học – công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp và các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng.

Tăng tốc chuyển đổi số trên cả ba trụ cột: Chính quyền số hiệu lực, hiệu quả, dựa trên dữ liệu; kinh tế số làm động lực tăng trưởng; xã hội số là môi trường phát triển mới, kết nối và lấy người dân làm trung tâm. Hình thành nền tảng số, dữ liệu số, hạ tầng số đồng bộ, an toàn, kết nối thông suốt; phát huy vai trò trung tâm của người dân và doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số.

Đến năm 2030:

- Đóng góp của tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt tối thiểu 55%, phản ánh vai trò ngày càng rõ nét của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế xã hội.

- Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) đạt tối thiểu 45 điểm, thuộc nhóm khá so với mặt bằng cả nước.

- Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP tỉnh (chỉ tiêu Nghị quyết 57-NQ/TW).

- Phấn đấu đến năm 2026, khởi công xây dựng 01 khu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp công nghệ số và Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh.

Trong giai đoạn 2026-2030, việc phát triển mạng lưới các tổ chức khoa học - công nghệ (KHCCN) công lập của tỉnh được định hướng theo hướng hiện đại, tinh gọn, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình chuyển đổi số. Mạng lưới các tổ chức KHCCN tiếp tục được củng cố và sắp xếp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định, bảo đảm tính liên thông giữa nghiên cứu - ứng dụng - phát triển công nghệ và các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

Định hướng xây dựng mạng lưới tổ chức KHCCN theo hướng đa ngành, có trọng tâm, tập trung vào các lĩnh vực khoa học mũi nhọn, gắn với doanh nghiệp và nhu cầu của nền kinh tế, đồng thời nâng cấp đồng bộ cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và hạ tầng nghiên cứu.

Đến năm 2030, tinh hướng đến hình thành mạng lưới gồm các đơn vị nòng cốt, bao gồm Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh, các trạm nghiên cứu ứng dụng phục vụ lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, các phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học, nông nghiệp thông minh, công nghệ vật liệu và môi trường. Trong đó, Trung tâm Đổi mới sáng tạo đóng vai trò hạt nhân của hệ sinh thái KHCCN - đổi mới sáng tạo, là đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, phát triển sản phẩm mới và khởi nghiệp sáng tạo. Bên cạnh đó, Trạm Nghiên cứu ứng dụng KHCCN vùng Đồng

Tháp Mười được định hướng nâng cấp trở thành trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu, sản xuất lúa - nếp chất lượng cao, công nghệ thủy lợi số và các mô hình sản xuất tuần hoàn.

Không gian tổ chức mạng lưới KHCN được bố trí theo hướng gắn với các vùng động lực của tỉnh. Khu vực đô thị trung tâm là nơi tập trung các tổ chức nghiên cứu đa ngành, cơ sở thử nghiệm và tiêu chuẩn chất lượng phục vụ công nghiệp - thương mại. Khu vực phía Đông và Đồng Tháp Mười là không gian phát triển các cơ sở nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu, tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Vùng công nghiệp - đô thị phía Nam (phường Trảng Bàng - phường Gò Dầu - xã Đức Hòa) được định hướng phát triển các trung tâm nghiên cứu - hỗ trợ công nghệ sản xuất, cải tiến quy trình và nâng cao giá trị sản phẩm công nghiệp.

Tỉnh ưu tiên đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, xây dựng các phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc gia; kiện toàn tổ chức và nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp KHCN; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua thu hút chuyên gia, hợp tác với các viện - trường trong và ngoài nước; tăng cường liên kết giữa cơ quan nghiên cứu với doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đồng thời, tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhiệm vụ khoa học, xây dựng kho dữ liệu dùng chung và hệ thống thông tin khoa học - công nghệ phục vụ điều hành.

Việc phát triển mạng lưới tổ chức KHCN công lập giai đoạn 2026-2030 sẽ tạo nền tảng quan trọng cho đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động và hỗ trợ hiệu quả quá trình chuyển đổi số của tỉnh; góp phần xây dựng Tây Ninh trở thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ nông nghiệp, công nghệ số và đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Bộ trong thời kỳ quy hoạch.

*Điều chỉnh phát triển mạng lưới tổ chức khoa học, công nghệ công lập như sau:*

- Giữ nguyên định hướng đầu tư phát triển Trạm Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ Đồng Tháp Mười, quy mô 83,7 ha.

- Điều chỉnh giai đoạn triển khai dự án Khu Nghiên cứu và Đào tạo Tây Ninh từ giai đoạn 2026-2030 sang giai đoạn sau năm 2030.

- Tổ chức lại Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, giai đoạn 2026-2027, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm đổi mới sáng tạo, đặt tại phường Long An, tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Tây Ninh, với quy mô tối thiểu 02 ha, tại khu vực Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh. Trung tâm là hạ tầng trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, giữ vai trò đầu mối kết nối, chia sẻ và lan tỏa tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi tỉnh, vùng và trên cả nước.

- Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh bổ sung, chuyển đổi phát triển khu công nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghệ số. Khu công nghiệp này sẽ ưu tiên thu hút

các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp bán dẫn và công nghệ số tiên tiến.

- Tiếp tục duy trì đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng, triển khai các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đồng thời đảm bảo các yêu cầu theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định khác có liên quan.

### **6.5. Giảm nghèo**

Trong giai đoạn tới, công tác giảm nghèo được định hướng theo hướng đa chiều, bao trùm và bền vững, bảo đảm mọi người dân đều có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đến năm 2030, phấn đấu tỉnh không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2026-2030). An sinh xã hội trở thành trụ cột quan trọng trong phát triển bền vững của tỉnh.

### **6.6. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

Tỉnh tiếp tục quán triệt và thực hiện hiệu quả chủ trương kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, bảo đảm mọi hoạt động phát triển đều gắn với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Tây Ninh đặc biệt chú trọng mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với các tỉnh giáp biên của Vương quốc Campuchia, duy trì môi trường hòa bình, hữu nghị và ổn định lâu dài. Tỉnh phối hợp chặt chẽ trong công tác bảo vệ biên giới, phòng chống tội phạm xuyên biên giới, chống buôn lậu và xử lý các vấn đề an ninh phi truyền thống. Đồng thời, tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phân giới, cắm mốc, quản lý biên giới và tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam.

Đến năm 2030, tỉnh tiếp tục giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, coi đây là nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững.

### **6.7. Kho dự trữ**

Cải tạo nâng cấp 03 điểm kho dự trữ hiện hữu: Điểm kho dự trữ Trâm Vàng, điểm kho dự trữ Tây Ninh, điểm kho dự trữ Long An.

Quy hoạch bổ sung 01 điểm kho dự trữ tại xã Cần Giuộc, đảm bảo ở vị trí không bị ngập úng, thuận tiện về giao thông, đáp ứng được việc cứu trợ, cứu nạn kịp thời cho các khu vực, đáp ứng yêu cầu tham gia bình ổn thị trường, phù hợp với quy hoạch ngành Quốc gia và đáp ứng các quy chuẩn hiện hành.

## **7. Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật, môi trường**

### **7.1. Hạ tầng giao thông**

Phát triển mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, đa phương thức. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp và mở rộng các tuyến đường kết nối với các trục động lực, hành lang kinh tế, đảm bảo giao thông thông suốt toàn tỉnh, tuyến liên tỉnh, liên vùng.

a) Về đường bộ:

Hệ thống đường cao tốc, quốc lộ thực hiện theo quy hoạch quốc gia đã được phê duyệt. Đoạn tuyến đi qua khu đô thị được cụ thể hóa tại quy hoạch đô thị và nông thôn (QL.1 - Cấp III với 4 làn cơ giới + 2 làn hỗn hợp; QL.50 - cấp III tối thiểu với 4 làn xe; QL.62 - Cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.N1 - cấp III tối thiểu 4 làn xe; Tuyến N2 - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.14C - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.30B - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.30C - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.22 - cấp I, II từ 4-6 làn xe; QL.22B - cấp II, III tối thiểu 4 làn xe; QL.22C - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.56B - cấp III tối thiểu 4 làn xe); nâng cấp QL.50B - cấp III với 6 - 8 làn xe.

Hệ thống đường tỉnh bao gồm 145 tuyến đường (từ ĐT.781 đến ĐT.799 và từ ĐT.816 đến ĐT.840). Giai đoạn 2025–2030 tiến hành cải tạo, nâng cấp và xây mới nhiều tuyến đường do tỉnh quản lý; ưu tiên đầu tư những tuyến động lực tăng cường kết nối các khu vực đô thị, kinh tế trong và ngoài tỉnh như: Đường kết nối Tân Ninh – Long An; ĐT.825B - Trục động lực Đức Hòa, quy mô tối thiểu 8 làn xe; ĐT.838F - Đường bờ Đông sông Vàm Cỏ Đông, quy mô tối thiểu 4 làn xe; ĐT.823E - Đức Hòa - Mỹ An, quy mô tối thiểu 6 làn xe; ĐT.822C - Đường song hành kênh chính, quy mô tối thiểu 4 làn xe; ĐT.838D - Bình Chánh - Lương Hòa – Bình Hòa Bắc - Mỹ Quý Tây, quy mô tối thiểu 4 làn xe; ĐT.817D - Tân An - Bình Hiệp, quy mô tối thiểu 8 làn xe... Hệ thống bến bãi đường bộ duy trì, cải tạo và nâng cấp hệ thống bến xe hiện hữu và đầu tư xây dựng mới bến xe tại các phường, xã đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường xây dựng hệ thống bãi đỗ xe tại các khu vực bệnh viện, công viên, dưới tổ hợp các công trình quy mô lớn...và bố trí các bãi đỗ xe tập trung.

b) Về đường thủy nội địa, cảng thủy nội địa:

Hệ thống đường thủy quốc gia kế thừa các quy hoạch được phê duyệt. Phối hợp với Trung ương tập trung nguồn lực nạo vét, duy tu đảm bảo cấp kỹ thuật đảm bảo an toàn và thuận tiện lưu thông cho các phương tiện đường thủy nội địa. Hệ thống đường thủy nội địa cấp tỉnh phát triển theo các quy hoạch đã 20 được phê duyệt; phát triển các tuyến đường thủy nội địa trên các tuyến có thể khai thác vận tải thủy tận dụng tối đa lợi thế đường thủy trong vận tải hành khách du lịch và hàng hóa; khu vực có tiềm năng được nghiên cứu cụ thể tại quy hoạch chuyên ngành để định hướng phát triển, thu hút đầu tư một cách hiệu quả nhằm phát triển tối đa loại hình dịch vụ vận tải thủy để gia tăng năng lực cạnh tranh tỉnh và vùng, khu vực.

c) Về cảng biển:

Hệ thống cảng biển thực hiện theo quy hoạch quốc gia đã được phê duyệt. Nâng cấp duy trì các luồng hàng hải kết nối với hệ thống cảng, khu bến đảm bảo hoạt động ổn định và phù hợp với năng lực khai thác. Phát triển tốt hệ thống hạ tầng kết nối cảng đảm bảo khai thác hiệu quả vận tải đa phương thức.

d) Về đường sắt:

Phát triển mạng lưới đường sắt theo điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia đã được cấp thẩm quyền phê duyệt: Bao gồm tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau; Tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đề xuất phương án kết nối Campuchia tại ga Mộc Bài, nghiên cứu đề xuất tuyến nhánh từ Mộc Bài kết nối với ga Tân Hưng của tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh; Tuyến đường sắt nhẹ Gò Dầu - Tân Ninh; Nghiên cứu tuyến đường sắt chuyên dụng kết nối từ tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ (ga Thạnh Đức) qua cảng Quốc tế Long An ra cảng Hiệp Phước (chuyên dùng để vận chuyển hàng hóa); Nghiên cứu điều chỉnh một số vị trí ga để thuận tiện kết nối với hai tuyến đường sắt đô thị của tỉnh trong tương lai (Đường sắt đô thị Tân An - Hưng Nhơn và đường sắt Bến xe Cần Giuộc - Cần Đức).

đ) Về cảng hàng không, sân bay:

Nghiên cứu cảng hàng không tiềm năng gần khu vực Núi Bà Đen trên cơ sở đánh giá nhu cầu, điều kiện, khả năng hình thành cảng hàng không và các tác động khác để đầu tư xây dựng khi đủ điều kiện.

e) Về cảng cạn:

***Phát triển hệ thống cảng cạn theo các quy hoạch đã phê duyệt. Tại những khu vực có tiềm năng như cửa khẩu, khu công nghiệp hay các đầu mối giao thông lớn tùy điều kiện được nghiên cứu cụ thể tại quy hoạch chuyên ngành để định hướng phát triển, thu hút đầu tư một cách hiệu quả nhằm phát triển tối đa loại hình dịch vụ vận tải đa phương thức góp phần giảm giá thành vận chuyển, giảm chi phí và gia tăng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh và trong vùng.***

## **7.2. Hạ tầng cấp điện**

Phát triển mạng lưới trung, hạ áp theo hướng tập trung cải tạo hoàn chỉnh lưới điện 03 pha. Từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có; đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Hoàn thiện hạ tầng lưới điện truyền tải khu vực biên giới. Cải tạo, xây dựng mới đường dây và trạm biến áp sau các trạm biến áp 110KV thực hiện theo danh mục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ.

Ưu tiên phát triển nguồn điện gồm nhiệt điện và năng lượng tái tạo: Điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà, thủy điện, điện gió, các loại hình điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn. Chú trọng phát triển các nguồn điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo đấu nối với lưới điện phân phối, góp phần giảm tổn thất điện năng. Từng bước trở thành trung tâm năng lượng sạch cấp vùng, có nguồn điện đa dạng, phù hợp với quy hoạch tổng thể về năng lượng, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

## **7.3. Hạ tầng Thông tin và Truyền thông**

Phát triển hạ tầng thông tin, truyền thông, bưu chính và báo chí đồng bộ, hiện đại, an toàn và thông minh; phát triển hạ tầng số trở thành động lực chính để thực

hiện chuyển đổi số toàn diện về kinh tế số, xã hội số và chính quyền số, đô thị thông minh, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Phân đầu đến năm 2030, kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP và thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chỉ số phát triển chính quyền số.

Xây dựng hạ tầng viễn thông băng rộng với dung lượng lớn, tốc độ cao và công nghệ hiện đại, tích hợp rộng rãi hạ tầng Internet vạn vật (IoT). Ưu tiên phủ sóng 5G+ đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch và các đô thị hướng tới mục tiêu phủ sóng toàn địa bàn tỉnh vào năm 2030. Tích hợp hạ tầng viễn thông với quy hoạch đô thị và nông thôn, hệ thống giao thông và năng lượng.

Nâng cấp hệ thống truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên xã và liên vùng, đặc biệt là các vùng động lực, vùng biên giới. Phân đầu ngầm hóa 100% mạng cáp viễn thông tại các khu đô thị mới, các đường trục chính và các phường được ưu tiên phát triển thành đô thị thông minh.

Phát triển hạ tầng dữ liệu và nền tảng số, hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, phục vụ quản 22 lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế số, xã hội số. Hợp nhất và thống nhất các nền tảng số để tạo môi trường làm việc và phục vụ người dân, doanh nghiệp đồng bộ; đảm bảo 100% cơ sở dữ liệu của các sở, ngành được kết nối, chia sẻ thông suốt. Thiết lập hệ sinh thái dữ liệu mở thông qua Cổng dữ liệu mở và Cổng dữ liệu bản đồ số GIS của tỉnh; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển các dịch vụ số mới.

Xây dựng Trung tâm dữ liệu tập trung cho toàn tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu Tier 3, sử dụng công nghệ điện toán đám mây trong hoạt động. Nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh. Duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp.

Phát triển hạ tầng báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, đa nền tảng, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động báo chí; nâng cao năng lực kỹ thuật, công nghệ và hạ tầng sản xuất nội dung số, bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết cho xã hội.

Phát triển hạ tầng bưu chính hiện đại, tự động hóa, gắn với thương mại điện tử, logistics, kinh tế số; nâng cao năng lực mạng bưu chính công cộng, bảo đảm cung ứng dịch vụ bưu chính nhanh chóng, an toàn, liên thông toàn địa bàn.

#### **7.4. Hạ tầng thủy lợi**

Phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu và phù hợp các phương án phân vùng, phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị sản xuất, tăng diện tích tưới chủ động, phương án cấp nước, quy hoạch phòng, chống thiên tai và các quy hoạch thủy lợi có liên quan. Chủ động các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, lũ, triều cường, xâm nhập mặn, suy thoái dòng chảy thượng lưu; kịp thời bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái.

Tập trung hoàn thành dự án tưới - tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông (giai đoạn 2); xây dựng các hồ chứa nước, gồm: hồ chứa nước Hưng Điền, hồ chứa nước Bầu Biên, hồ chứa nước Bình Hiệp, hồ chứa nước Thạnh An để chủ động nguồn cấp nước; xây dựng cống trên sông Vàm Cỏ để tạo vùng trữ ngọt, ngăn triều cường, xâm nhập mặn và cải tạo môi trường. Nâng cấp, sửa chữa công trình hư hỏng, xuống cấp đảm bảo năng lực toàn hệ thống. Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, sử dụng nguồn nước ngầm khu vực xa nguồn nước.

Nghiên cứu mở rộng vùng tưới chủ động lấy nước từ Hồ Dầu Tiếng cho các vùng thủy lợi phía Bắc, phía Nam và Đông Nam. Mở rộng vùng tưới trên cơ sở sử dụng nguồn nước tiết kiệm được từ thay đổi cơ cấu cây trồng, phương thức tưới, phù hợp với điều tiết nguồn nước từ các quy hoạch cấp trên.

Phát triển hệ thống thủy lợi dọc biên giới nhằm tăng cường khả năng tiêu thoát lũ từ thượng lưu kết hợp cấp nước chủ động qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế cho các khu vực giáp biên. Đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống đê bao, bờ bao và cống dưới đê cho các khu vực Đồng Tháp Mười.

Phân vùng thủy lợi được phân thành 03 vùng tưới, tiêu gồm: Vùng 1 nằm ở khu vực phía Bắc, được cấp nước tưới chủ yếu từ hệ thống thủy lợi Hồ Dầu Tiếng - Phước Hòa; Vùng 2 nằm ở phía Tây - Tây Nam và vùng 3 nằm ở phía Đông - Đông Nam, nguồn nước được cung cấp chủ yếu từ hệ thống sông Tiền, sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây và Vàm Cỏ

### **7.5. Hạ tầng cấp nước**

- Hệ thống cấp nước được phân vùng thành 06 vùng:

Vùng 1 gồm các phường, xã như sau: Long Cang, Rạch Kiến, Mỹ Lệ, Tân Lâm, Cần Đước, Long Hựu, Cần Giuộc, Mỹ Lộc, Phước Lý, Phước Vĩnh Tây, Tân Tập, Mỹ Quý, Đông Thành, Đức Huệ, An Ninh, Hiệp Hòa, Hậu Nghĩa, Hòa Khánh, Mỹ Hạnh, Đức Hòa, Đức Lập, Mỹ Yên, Bến Lức, Thạnh Lợi, Bình Đức, Lương Hoà.

Vùng 2 gồm các phường, xã như sau: Long An, Tân An, Khánh Hậu, Tân Long, Mỹ Thạnh, Mỹ An, Thủ Thừa, Vàm Cỏ, Tân Trụ, Nhựt Tảo, Tâm Vu, An Lục Long, Thuận Mỹ, Vĩnh Công.

Vùng 3 gồm các phường, xã như sau: Kiến Tường, Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Bình Hòa, Mộc Hóa, Tân Hưng, Hưng Điền, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Châu, Vĩnh Hưng, Khánh Hưng, Tuyên Bình, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh, Hậu Thạnh, Bình Thành, Thạnh Phước, Tân Tây, Thạnh Hoá.

Vùng 4 bao gồm các xã, phường như sau: Phước Vinh, Trà Vong, Tân Phú, Dương Minh Châu, Tân Thành, Tân Hòa, Tân Đông, Tân Hội, Tân Châu, Tân Phú, Thạnh Bình, Tân Biên, Tân Lập, Tân Đông.

Vùng 5 bao gồm các xã, phường như sau: Hảo Đước, Hòa Hội, Ninh Điền, Châu Thành, Thanh Điền, Tân Ninh, Bình Minh, Long Hoa, Ninh Thạnh, Cầu Khởi.

Vùng 6 bao gồm các xã, phường như sau: Long Chũ, Long Thuận, Bến Cầu, Thạnh Đức, Phước Chỉ, Gò Dầu, Trảng Bàng, An Tịnh, Hưng Thuận, Gia Lộc, Truông Mít, Lộc Ninh.

- Ưu tiên khai thác nước từ nguồn nước mặt sông Vàm Cỏ Đông; sông Vàm Cỏ Tây; sông Tiền, hệ thống thủy lợi Phước Hòa, kênh chính Đức Hòa, kênh N3, sông Bảo Định, rạch Chanh, nhất là nước mặt từ Hồ Dầu Tiếng, nước Kênh Đông, nước mặt hồ, các hầm đất chứa nước đã kết thúc khai thác đất, và các nguồn nước khác,...; giảm dần khai thác phụ thuộc vào nước ngầm; từng bước chuyển sang cấp nước mặt. Ở các khu vực khó khăn về nguồn nước, khai thác nước mặt kết hợp với nước ngầm. Việc lựa chọn nguồn nước cho các nhà máy xây mới sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn sau.

- Mạng lưới cấp nước sinh hoạt: Xây dựng mới nhà máy cấp nước, nâng cấp công suất các nhà máy hiện hữu đảm bảo cấp nước theo phân vùng; tiếp tục xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển mạng lưới đường ống kết nối, xây dựng 24 hồ chứa đảm bảo định hướng phát triển các nhà máy, đáp ứng nhu cầu cấp nước; xây dựng các tuyến ống truyền tải cấp nước liên tỉnh, cấp nước vùng liên tỉnh.

## **7.6. Hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải**

### **a) Khu vực đô thị**

Các khu vực đô thị hiện hữu như Tân An, Kiến Tường, Tân Ninh, Hòa Thành, Long Hoa, Trảng Bàng giai đoạn đầu sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, hệ thống hạ tầng thoát nước thải sẽ dần từ bước chuyển từ nửa riêng sang riêng. Các khu vực đô thị phát triển mới và các khu du lịch sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Nước thải được đưa về các trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý theo QCVN 14:2025/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Đối với một số đô thị hoặc khu du lịch phân tán, định hướng thu gom và xử lý phân tán hoặc theo dự án riêng. Các khu du lịch hoặc khu đô thị đang hình thành trong giai đoạn đầu chưa xây dựng hạ tầng thu gom và xử lý tập trung, trước mắt tiến hành thu gom xử lý cục bộ trong các dự án. Hệ thống thoát nước thải hoạt động theo chế độ tự chảy. Hệ thống thoát nước mưa kết hợp với hệ thống kênh tiêu thủy lợi.

Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn đúng tiêu chuẩn trước khi thoát ra đường ống thu gom nước thải đưa về trạm xử lý nước thải.

- Hệ thống thu gom:

+ Đối với khu nội thị cũ sử dụng hệ thống công chung. Nước thải từ hệ thống công chung sẽ được thu gom qua các giếng tách, tuyến công bao và dẫn đến trạm xử lý hoặc tuyến công cấp 1, 2. Tuyến công thu gom, chuyên tải nước thải là tuyến công tự chảy: Cơ chế hoạt động của công theo chế độ tự chảy theo độ dốc đặt công. Chức năng chính của công làm nhiệm vụ thu gom, chuyên tải toàn bộ lượng nước thải thu gom từ các giếng tách nước thải đưa về các trạm bơm nước

thải và tập trung đưa về nhà máy xử lý nước thải.

+ Đối với khu dân cư mới sẽ sử dụng hệ thống cống riêng. Hệ thống cống riêng gồm các tuyến cống cấp 1,2 để chuyên dẫn nước thải từ các tuyến cống cấp 3 (đầu nối với các hộ gia đình) đến trạm xử lý nước thải.

+ Đối với các tuyến cống tự chảy: Việc bố trí các tuyến cống thu gom, chuyên tải nước thải tuân thủ theo nguyên tắc tận dụng triệt để độ dốc địa hình tự nhiên với chiều dài tuyến cống là ngắn nhất và quản lý vận hành thuận tiện nhất. Về nguyên tắc thì thoát tự nhiên, tuy nhiên trong trường hợp phải đặt ống quá sâu thì bố trí bơm để giảm độ sâu đặt ống.

- Phương án thu gom:

+ Đối với các khu dịch vụ: bố trí tuyến cống thu gom nước thải trên các tuyến đường phù hợp với các điểm đầu nối từ bên trong mỗi cơ quan.

+ Đối với khu ở: trên các tuyến đường sẽ bố trí các tuyến cống cấp 3 để thu gom nước thải từ hộ gia đình và tuyến cấp 1,2 để dẫn nước thải về trạm XLNT.

+ Các tuyến cấp 3 được nối và dẫn vào cống chính chảy vào các trạm bơm được bơm về trạm XLNT.

b) Khu vực nông thôn

Các khu dân cư sống tập trung theo cụm: Do lượng nước thải ít, tùy theo địa hình mà bố trí hồ sinh học, bãi lọc để xử lý nước thải.

Các khu dân cư tập trung theo tuyến: Nước thải được xử lý theo từng hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình (như xây dựng bể tự hoại, hầm biogas...) thải ra mương, cống thoát nước. Khuyến khích xây dựng hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp và giếng tách nước thải tại vị trí miệng xả của hệ thống thoát nước chung để xử lý bằng các phương pháp xử lý tự nhiên: giếng thấm, bãi lọc ngầm.

c) Khu vực khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Các KCN và CCN bố trí các công trình thu gom và xử lý nước thải riêng, phù hợp với tính chất, thành phần của nước thải mỗi khu, cụm. Nước thải mỗi khu vực nhà máy phải xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp.

Quy mô và công suất trạm cụ thể sẽ được cụ thể hóa trong các quy hoạch cấp dưới (phụ thuộc vào giai đoạn đầu tư và quy mô diện tích các khu công nghiệp...).

## **7.7. Hạ tầng môi trường**

+ **Các khu xử lý chất thải tập trung**

Trên cơ sở kế thừa định hướng quy hoạch các khu xử lý chất thải đã được phê duyệt tại Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 và Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023, đồng thời căn cứ thực trạng triển khai và yêu cầu phát triển trong giai đoạn 2026-2030, các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh

được rà soát, điều chỉnh và bổ sung mới như sau:

- Giữ nguyên 18 khu xử lý chất thải có quy mô và công suất theo quy hoạch đã được phê duyệt và hiện trạng hiện có, trong đó:

+ 05 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt kèm theo xử lý chất thải nguy hại;

+ 06 khu chuyên xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

+ 07 khu xử lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại.

- Bổ sung mới 01 khu xử lý chất thải rắn tại xã Tân Tây, quy mô 7 ha, công suất xử lý đạt 495 tấn/ngày.

- Đưa ra khỏi quy hoạch 03 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khoảng 90 ha do không bố trí được quỹ đất.

**+ *Phương án bố trí các khu nghĩa trang:***

- Nghĩa trang Bến Lức tại xã Thạnh Lợi, quy mô khoảng 30-60 ha, phạm vi phục vụ: xã Thạnh Lợi và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang Mỹ Lệ tại xã Phước Vĩnh Tây, quy mô 30-60 ha, phạm vi phục vụ: xã Phước Vĩnh Tây và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang Vĩnh Hằng tại xã Tân Tây, quy mô khoảng 38,875 ha, phạm vi phục vụ: xã Tân Tây và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang Bình Thạnh tại xã Bình Hoà, quy mô khoảng 30 ha, phạm vi phục vụ: xã Bình Hòa và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang Tân Thạnh tại xã Hậu Thạnh, phạm vi phục vụ: xã Hậu Thạnh và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang Gò Đen tại xã Mỹ Yên, quy mô khoảng 25 ha, phạm vi phục vụ: xã Mỹ Yên và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang từ trần tỉnh tại xã Tân Tây, quy mô khoảng 5,3 ha, phục vụ các đối tượng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Nghĩa trang Hạc Cảnh viên tại xã Tân Tập, quy mô khoảng 9,7 ha, phạm vi phục vụ: xã Tân Tập và các khu vực lân cận.

- Công viên Nghĩa trang Tiên Cảnh tại xã Đức Lập, quy mô khoảng 5 ha, phạm vi phục vụ: xã Đức Lập và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang Bồng Lai Tiên Cảnh tại xã Hòa Khánh, quy mô khoảng 9,2 ha, phạm vi phục vụ: xã Hòa Khánh và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang Sài Gòn Thiên Phúc tại xã Cần Giuộc, quy mô khoảng 5,62 ha, phạm vi phục vụ: xã Cần Giuộc và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang Vĩnh Bảo tại xã Tân Tập, quy mô khoảng 30 ha, phạm vi phục vụ: xã Tân Tập và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang sinh thái Long Thành, quy mô khoảng 40,2ha, phạm vi phục vụ: xã Tân Long và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang tập trung liên đô thị Trường Hoà tại phường Long Hoa, quy mô khoảng 42 ha, phạm vi phục vụ: phường Long Hoa và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang Cự Lạc Thái Bình tại phường Ninh Thạnh, quy mô khoảng 58 ha, định hướng nâng cấp thành nghĩa trang công viên.

- Nghĩa trang tập trung tại xã Tân Biên, quy mô khoảng 17 ha, phạm vi phục vụ gồm các xã/phường: xã Tân Biên và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang tập trung liên đô thị tại xã Tân Đông, quy mô khoảng 6 ha, phạm vi phục vụ: xã Tân Đông và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang tập trung liên đô thị tại xã Tân Phú, quy mô khoảng 4 ha, phạm vi phục vụ: xã Tân Phú và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang tập trung tại xã Tân Hoà, quy mô khoảng 5 ha, phạm vi phục vụ: xã Tân Hoà và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang tập trung tại xã Châu Thành, quy mô khoảng 10 ha, phạm vi phục vụ: xã Châu Thành và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang tập trung tại phường Ninh Điền, quy mô khoảng 7 ha, phạm vi phục vụ: phường Ninh Điền và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang tập trung tại xã Phước Thạnh, quy mô khoảng 20 ha, phạm vi phục vụ: Phước Thạnh và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang tập trung tại phường Gia Lộc, quy mô khoảng 17 ha, phạm vi phục vụ: phường Gia Lộc và các khu vực lân cận.

- Nghĩa trang tập trung tại phường Gò Dầu, quy mô khoảng 3 ha, phạm vi phục vụ: phường Gò Dầu và các khu vực lân cận.

Tuỳ điều kiện thực tế, danh sách các nghĩa trang sẽ được bổ sung, điều chỉnh theo Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **7.8. Hạ tầng phòng cháy chữa cháy**

(1) Mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ PCCC&CNCH:

- Lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Ưu tiên kế thừa và sử dụng hiệu quả các trụ sở hiện có để bố trí cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH sau sáp nhập; các cơ sở không bảo đảm yêu cầu PCCC&CNCH được rà soát, sắp xếp theo Điều 43 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Quy hoạch bổ sung, điều chỉnh trụ sở Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh (PC07) với quy mô khoảng 1,5 ha và bố trí trụ sở cho 11 đơn vị Cảnh sát PCCC&CNCH khu vực với tổng quỹ đất khoảng 16,5 ha, bảo đảm phù hợp quy hoạch đất an ninh và yêu cầu bán kính phục vụ theo QCVN 01:2021/BXD. Vị trí cụ thể sẽ và khoanh định đất đai sẽ được xác định trong quá

trình triển khai thực hiện.

+ Tầm nhìn đến 2050: Quy hoạch bổ sung trụ sở, doanh trại cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH tại 05 vị trí với tổng quỹ đất khoảng 7,5 ha, đảm bảo quy hoạch đất an ninh đã được phê duyệt và phù hợp nhu cầu thực tế của địa phương.

- Lực lượng PCCC&CNCH chuyên ngành và lực lượng PCCC&CNCH cơ sở:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Đối với lĩnh vực công nghiệp, bổ sung đất an ninh cho các khu vực hiện hữu còn thiếu và các khu vực quy hoạch mới nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ PCCC&CNCH với chỉ tiêu KCN bố trí 2,0 ha (quy mô  $\geq 75$  ha) và CCN bố trí 1,5 ha (quy mô  $\geq 50$  ha). Đối với các lĩnh vực khác, quy hoạch bổ sung quỹ đất phục vụ PCCC&CNCH, đặc biệt đối với các công trình trọng điểm Quốc gia: Kho Long Hưng-Việt Nam (kho xăng dầu) Kho cảng dầu khí quốc tế Pacific Petro và Kho LPG Soài Rạp (kho dầu khí cấp I), nhà máy nhiệt điện Long An I và II, nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 1 và 2, cảng biển Long An, bến cảng biển quốc tế Long An và cụm cảng khách Long An (cảng thủy nội địa).

+ Tầm nhìn đến 2050: Xây dựng đội PCCC&CNCH tại cảng hàng không Tây Ninh và đội PCCC chuyên ngành rừng tại các khu vực trọng điểm cháy.

- Lực lượng dân phòng: Thành lập Đội dân phòng chủ lực mạnh do UBND cấp xã tổ chức và quản lý, các đội viên là những cán bộ công chức đang làm việc tại UBND cấp xã, lực lượng Công an, lực lượng dân quân cấp xã và một số đội viên ở các Đội dân phòng hiện có.

- Đội PCCC tình nguyện: Thành lập các đội PCCC tình nguyện tại một số địa bàn cấp xã hoặc khu dân cư, làng nghề, cụm nhà trong cùng hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ.

(2) Trang thiết bị phục vụ công tác PCCC&CNCH: Củng cố, nâng cao năng lực phương tiện, trang thiết bị PCCC&CNCH theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp yêu cầu nhiệm vụ. Ưu tiên đầu tư phương tiện chuyên dùng, gắn với khai thác hiệu quả trang thiết bị hiện có, bảo đảm khả năng dự phòng và phát triển lâu dài.

(3) Hệ thống giao thông, cung cấp nước và thông tin liên lạc phục vụ PCCC: Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định pháp luật có liên quan. Phát triển hệ thống giao thông liên kết nội tỉnh, liên tỉnh và liên vùng, bảo đảm khả năng tiếp cận nhanh đến các khu vực trọng điểm, đồng thời tích hợp yêu cầu phục vụ xe chữa cháy ngay từ giai đoạn thiết kế. Hoàn thiện hạ tầng cấp nước chữa cháy, bến bãi lấy nước, hồ dự trữ, đặc biệt, quy hoạch vị trí lấy nước phục vụ máy bay chữa cháy tại Bến Lức (Long An cũ) theo Đề án Điều chỉnh Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng trung tâm chỉ huy điều hành PCCC&CNCH, phát triển hệ thống báo cháy nhanh và ứng dụng “Báo cháy 114”, bảo đảm kết nối thông tin kịp thời, đồng bộ và hiệu quả trên toàn tỉnh.

(4) Các dự án ưu tiên đầu tư: Hoàn thành xây dựng Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh. Xây dựng Đội PCCC&CNCH khu vực Đức Hòa, Đội Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông thuộc Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Đồng thời xây dựng trụ sở, doanh trại Đội Cảnh sát PCCC&CNCH các khu vực trọng điểm: Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc.

## **8. Phương án phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản**

***Vùng thăm dò, khai thác và dự trữ khoáng sản quốc gia khoáng sản đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia:***

Đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng: Theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn tỉnh *Tây Ninh* có 05 khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia: Theo Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay trên địa bàn tỉnh *Tây Ninh* không có khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

### ***Các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản:***

Việc khoanh định khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh *Tây Ninh* được thực hiện trên cơ sở đảm bảo các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản 2024, đồng thời kế thừa kết quả khoanh định của *hai tỉnh cũ*.

#### **+ Khu vực cấm hoạt động khoáng sản**

Trên cơ sở các tiêu chí khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản 2024, trên địa bàn tỉnh *Tây Ninh* khoanh định được 3.786 khu vực, 2.741 điểm/vị trí cấm hoạt động khoáng sản với tổng diện tích khoảng 129.679 ha cho 10 nhóm đối tượng, cụ thể như sau:

- Di tích lịch sử - văn hóa: 88 khu vực, diện tích 2.198,75 ha;
- Đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng: 18 khu vực, 10 điểm, diện tích 61.756,24 ha;
- Đất quốc phòng: 113 khu vực, 28 điểm, diện tích 960,22 ha;
- Đất an ninh: 42 khu vực, diện tích 391,07 ha;
- Phạm vi công trình thủy lợi, đê điều, hệ thống cấp nước: 11 khu vực, 824 vị trí, diện tích 23.023,91 ha;
- Đất tôn giáo, tín ngưỡng: 638 khu vực, diện tích 772,97 ha;
- Phạm vi công trình công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: 84 khu vực, 1.856 vị trí, diện tích 1.067,74 ha;
- Phạm vi công trình năng lượng: 35 khu vực, diện tích 465,48 ha.
- Phạm vi công trình giao thông: 2.757 khu vực, diện tích 37.117,595 ha;
- Phạm vi hệ thống xử lý chất thải: 23 vị trí, 1.925,37 ha.

#### **+ Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản**

Trên cơ sở các tiêu chí khoanh định khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản 2024, trên địa bàn tỉnh *Tây Ninh* khoanh định được 40 khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản với tổng diện tích khoảng 897 ha cho 03 nhóm đối tượng, cụ thể như sau:

- Yêu cầu về quốc phòng, an ninh: 01 khu vực, 80 ha;
- Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai: 08 khu vực, 803 ha;
- Di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét: 31 khu vực, diện tích 14,28 ha.

Bên cạnh đó, định kỳ rà soát, điều chỉnh các khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành; trong đó chú trọng đến các khu vực sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ sông, bãi sông; khu vực bờ biển bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở bờ biển.

### ***Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần thăm dò, khai thác:***

Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có 03 mỏ khoáng sản nhóm II thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đã được xác định tại Bảng 88), cụ thể như sau:

1. Mỏ Sroc Con Trăn: đá vôi làm xi măng và sét làm xi măng.
2. Mỏ Chà Và: đá vôi làm xi măng và sét làm xi măng.
3. Mỏ Tân Hoà: đá gabro làm ốp lát, mỹ nghệ.

Khu vực mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Trên địa bàn tỉnh *Tây Ninh*, khoanh định các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III gồm: khoáng sản làm vật liệu xây dựng (đá xây dựng, cát xây dựng, sét gạch ngói, cuội sỏi) và than bùn.

Trên địa bàn tỉnh, khoanh định 207 khu vực thăm dò, khai thác đất san lấp (khoáng sản nhóm IV) có diện tích khoảng 5.530 ha, với tổng trữ lượng là 544.523.312 m<sup>3</sup> và được phân kỳ cụ thể như sau:

- Đến năm 2030, trữ lượng thăm dò và khai thác là 262.671.543 m<sup>3</sup>.
- Sau năm 2030, trữ lượng thăm dò và khai thác là 106.658.308 m<sup>3</sup>.

Đến năm 2030, trên địa bàn *tỉnh Tây Ninh* không có các mỏ khoáng sản nhóm I, nhóm II tại khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và bàn giao.

## **9. Phương án phân bổ đất đai**

Tổng hợp sơ bộ nhu cầu sử dụng đất các ngành phát sinh do nhu cầu điều chỉnh chỉ tiêu phát triển và các công trình dự án phát sinh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tỉnh *Tây Ninh* như sau:

STT	Loại đất	Mã	Chỉ tiêu hiện trạng năm 2024	Chỉ tiêu được duyệt đến năm 2030 (QĐ 686/QĐ-TTg; 1736/QĐ-TTg)	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2030	Tăng (+), giảm (-) so với chỉ tiêu được duyệt năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)- -(5)
	<b>Tổng diện tích</b>	<b>TS</b>	<b>852.440</b>	<b>853.644</b>	<b>852.440</b>	<b>-1.204</b>
<b>I</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>682.969</b>	<b>622.968</b>	<b>606.764</b>	<b>-16.204</b>
<b>1</b>	<b>Đất trồng cây hàng năm</b>	<b>CHN</b>	<b>386.642</b>	<b>318.633</b>	<b>318.706</b>	<b>72</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	319.029	265.613	266.613	1.000
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	291.649	253.375	256.675	3.300
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	27.380	12.238	9.938	-2.300
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	67.612	53.020	52.093	-928
<b>2</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>	<b>CLN</b>	<b>183.111</b>	<b>167.709</b>	<b>165.262</b>	<b>-2.447</b>
<b>3</b>	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>LNP</b>	<b>103.095</b>	<b>92.371</b>	<b>90.371</b>	<b>-2.000</b>
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD	34.165	33.948	33.948	
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	31.420	31.669	31.669	
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	37.511	26.754	24.754	-2.000
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2.332</i>	<i>3.476</i>	<i>3.404</i>	<i>-72</i>
<b>4</b>	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	<b>NTS</b>	<b>6.565</b>	<b>18.001</b>	<b>17.725</b>	<b>-277</b>
<b>5</b>	<b>Đất chăn nuôi tập trung</b>	<b>CNT</b>	<b>2.222</b>	<b>5.386</b>	<b>5.386</b>	
<b>6</b>	<b>Đất làm muối</b>	<b>LMU</b>				
<b>7</b>	<b>Đất nông nghiệp khác</b>	<b>NKH</b>	<b>1.334</b>	<b>20.867</b>	<b>9.314</b>	<b>-11.553</b>
<b>II</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>167.571</b>	<b>230.676</b>	<b>245.676</b>	<b>15.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>42.389</b>	<b>62.186</b>	<b>69.511</b>	<b>7.325</b>
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	35.286	49.477	55.808	6.331
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	7.103	12.709	13.703	994

STT	Loại đất	Mã	Chỉ tiêu hiện trạng năm 2024	Chỉ tiêu được duyệt đến năm 2030 (QĐ 686/QĐ-TTg; 1736/QĐ-TTg)	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2030	Tăng (+), giảm (-) so với chỉ tiêu được duyệt năm 2030
2	<b>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</b>	TSC	568	578	759	181
3	<b>Đất quốc phòng, an ninh</b>	CQA	2.714	4.586	4.983	397
3.1	Đất quốc phòng	CQP	1.837	2.059	2.059	
3.2	Đất an ninh	CAN	877	2.527	2.924	397
4	<b>Đất xây dựng công trình sự nghiệp</b>	DSN	2.360	5.036	5.543	507
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	158	883	883	0
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	38	75	80	5
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	166	426	521	95
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1.439	2.090	2.507	417
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	503	1.394	1.394	
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	10	10	100	90
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0		5	5
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	3	3	10	7
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	43	156	43	-113
5	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp</b>	CSK	22.579	48.547	56.932	8.385
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	14.052	29.307	37.565	8.258
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	12.224	24.483	31.340	6.857
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	1.828	4.824	6.225	1.401

STT	Loại đất	Mã	Chỉ tiêu hiện trạng năm 2024	Chỉ tiêu được duyệt đến năm 2030 (QĐ 686/QĐ-TTg; 1736/QĐ-TTg)	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2030	Tăng (+), giảm (-) so với chỉ tiêu được duyệt năm 2030
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT				
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.065	6.797	7.047	250
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	5.775	9.225	9.225	
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.688	3.218	3.096	-122
<b>6</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích công cộng</b>	<b>CCC</b>	<b>48.045</b>	<b>56.751</b>	<b>68.438</b>	<b>11.687</b>
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	32.329	41.092	45.000	3.908
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	12.225	7.466	11.000	3.534
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	105	128	128	
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC				
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	485	892	892	
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	142	449	539	90
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2.018	4.345	8.500	4.155
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	23	62	62	
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	93	224	224	
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	624	2.093	2.093	
<b>7</b>	<b>Đất tôn giáo</b>	<b>TON</b>	<b>410</b>	<b>465</b>	<b>485</b>	<b>20</b>
<b>8</b>	<b>Đất tín ngưỡng</b>	<b>TIN</b>	<b>102</b>	<b>114</b>	<b>114</b>	

STT	Loại đất	Mã	Chỉ tiêu hiện trạng năm 2024	Chỉ tiêu được duyệt đến năm 2030 (QĐ 686/QĐ-TTg; 1736/QĐ-TTg)	Chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2030	Tăng (+), giảm (-) so với chỉ tiêu được duyệt năm 2030
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	1.657	2.236	2.236	
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	46.720	48.833	36.553	-12.280
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20.257	22.370	12.217	-10.153
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	26.463	26.463	24.336	-2.127
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	27	1.345	123	-1.222
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1.900			
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	1.900			
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS				
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS				
4	Núi đá không có rừng cây	NCS				

### III. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

#### 1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- 1.1. Huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư cho phát triển
- 1.2. Cải cách hành chính - cải thiện môi trường đầu tư - thu hút PPP và FDI
- 1.3. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược - cơ chế ưu đãi và hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp
- 1.4. Thực hiện nhóm giải pháp tạo động lực huy động nguồn lực

1.5. Huy động nguồn lực ngân sách địa phương - Trung ương - vốn quốc tế

1.6. Huy động nguồn lực xã hội - khu vực tư nhân - FDI

## **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

2.1. Nâng cao chất lượng công tác dự báo và phát triển thị trường lao động

2.2. Tập trung nâng cao năng lực và mạng lưới các cơ sở đào tạo

2.3. Huy động đa dạng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đào tạo, dạy nghề

2.4. Gắn đào tạo với sản xuất kinh doanh, tăng cường hợp tác - liên kết với doanh nghiệp

2.5. Chính sách thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và phát triển hạ tầng phục vụ người lao động

2.6. Đảm bảo công khai, minh bạch trong tuyển dụng và sử dụng hiệu quả nhân lực hiện có

## **3. Giải pháp về môi trường, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo**

3.1. Giải pháp về môi trường

3.1.1. Tăng cường tuyên truyền, hoàn thiện chính sách và xã hội hóa bảo vệ môi trường

3.1.2. Hoàn thiện công cụ và nâng cao hiệu quả quản lý môi trường

3.1.3. Tăng cường tài chính, đầu tư hạ tầng môi trường và quản lý chất thải rắn

3.1.4. Bảo vệ chất lượng môi trường không khí, nước, đất và tài nguyên

3.1.5. Nhóm giải pháp theo ngành: nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, tài nguyên đất - rừng - nước

3.2. Giải pháp về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

3.2.1. Nâng cao nhận thức và đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện

3.2.2. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường khoa học - công nghệ

3.2.3. Phát triển nhân lực cho khoa học - công nghệ

3.2.4. Đầu tư hạ tầng và cơ sở vật chất khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp

3.2.5. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ

3.2.6. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho khoa học - công nghệ

## **4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

4.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực và liên kết phát triển

4.2. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành

4.3. Liên kết vùng, hợp tác quốc gia

4.3.1. Hợp tác với vùng Đông Nam Bộ, TP.HCM và các tỉnh lân cận

4.3.2. Liên kết với vùng Đồng bằng sông Cửu Long và tiểu vùng Đồng Tháp Mười

4.4. Hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực bên ngoài

## **5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn**

5.1. Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, nông thôn

5.2. Kiểm soát phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, đồng bộ

5.3. Kiểm soát chặt chẽ nguồn lực quỹ đất và dân số phục vụ phát triển

5.4. Nâng cao năng lực bộ máy quản lý đô thị và nông thôn

## **6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch**

6.1. Công bố công khai quy hoạch và huy động sự tham gia của người dân, doanh nghiệp

6.2. Cụ thể hóa quy hoạch bằng kế hoạch hành động, kế hoạch 5 năm và hằng năm

6.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát và ứng dụng công nghệ trong thực hiện quy hoạch./.